

Số: 1635/BV-VTTBYT
V/v yêu cầu báo giá.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu cung cấp vật tư thay thế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

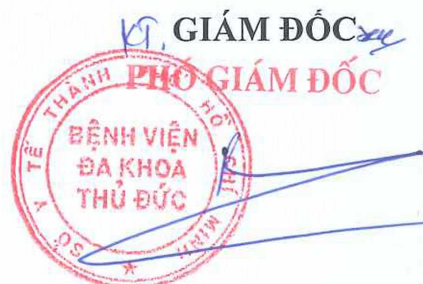
- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
- Bà Phan Thị Hà Số điện thoại: 028 22444167
- Cách thức tiếp nhận báo giá: gửi đồng thời bản mềm và bản cứng (bản giấy).
- Nhận bản mềm qua email: phongvattutbyt2025@gmail.com
- Nhận trực tiếp bản giấy tại địa chỉ: Phòng Vật tư, thiết bị y tế (Phòng 105), Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức – Số 14 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian nhận hồ sơ chào giá: kể từ thời điểm đăng tải thành công yêu cầu báo giá trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đến 16 giờ 30 ngày 24 tháng 04 năm 2026.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế mời chào giá (Theo phụ lục đính kèm)
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức - Số 29 Phú Châu, Phường Tam Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Yêu cầu về chào giá: Giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của Bệnh viện.
- Yêu cầu khác:
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
+ Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
+ Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy chứng nhận lưu hành tự do (nếu có), catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác;
+ Các thông tin khác (nếu có): ✓

Nơi nhận:

- Các nhà thầu;
- Lưu: VT, P.VTTBYT, (H, 2b).



BS. CKII. Hoàng Văn Dũng

Công ty: ...
Địa chỉ: ...
Điện thoại : ...
Email công ty: ...
Người phụ trách: ...

Điện thoại:

Email: ...

BIỂU MẪU BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Kính gửi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỦ ĐỨC

Theo yêu cầu báo giá số ngày của Bệnh viện Đa khoa Thủ Đức, Công Ty trân trọng gửi đến Quý Bệnh viện biểu bảng chào giá gói như sau:

STT	STT theo DMCG	Danh Mục theo HSCG	Tên thương mại của hàng hóa	Tên thương mại chuẩn theo QĐ 5086	Phân loại TTBYT (A,B,C, D)	Tính năng kỹ thuật hàng hóa chào giá	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chào	Đơn giá công khai trên cổng công khai giá BYT	Mã kê khai	Hãng/nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Ghi chú
1															
2															
3															
4															
5															
6															
7															
8															
9															
10															
11															

- Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày tháng năm 2026.

- Chúng tôi cam kết:

+ Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

+ Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Tp.HCM, ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

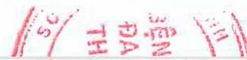
Giám đốc

Lưu ý:

Cột STT theo DMCG nhà thầu vui lòng cập nhật đúng số thứ tự danh mục mời chào giá của Bệnh viện

Nhà thầu cập nhật đầy đủ thông tin tại mẫu chào giá gửi bản cứng theo địa chỉ tại thư mời chào giá và file điện tử qua email: phongvattutbyt2025@gmail.com

Mọi vướng mắc Quý nhà thầu vui lòng liên hệ theo số ĐT: (02822)444167 - Gặp Mrs Hà



PHỤ LỤC
DANH MỤC MUA SẮM VẬT TƯ THAY THẾ NĂM 2026

(Đính kèm Công văn số 1635/BV-VTTBYT ngày 13 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Băng ép cầm máu mạch quay	<ul style="list-style-type: none">- Dụng cụ cầm máu đoạn xa đường quay dùng trong can thiệp tim mạch,- Có ba dây đeo giúp cố định vị trí cơ chế nén ép cầm máu gồm: dây đeo cổ tay, dây đeo yên cho ngón tay cái với móc an toàn và vòng dây gài có thể điều chỉnh được vị trí cài khóa theo kích thước cổ tay. Ngoài ra dây đeo có đoạn dây nổi dài (tùy chọn) để phù hợp với bệnh nhân có bàn tay to.- Có một vị trí phồng bơm hơi thiết kế trên dây đeo để tạo áp tại vị trí rút sheath giúp cầm máu đường quay xa, chất liệu trong suốt giúp quan sát hình ảnh rõ ràng tại vị trí rút sheath,- Trên quả bóng bơm hơi có một van một chiều (Slip-n-Lock) giúp dễ dàng bơm hơi và xả hơi bằng ống tiêm.- Có kèm một Xi lạnh 10ml với đầu xilanh được thiết kế phù hợp khóa một chiều (Slip-n-Lock), dùng để bơm khí hỗ trợ tạo áp lực nén ép lên mạch máu, hỗ trợ cầm máu đoạn quay xa.- Có sản phẩm phù hợp cho tay trái và tay phải- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	60
2	Bộ dây đo áp lực nội sọ ngoài màng cứng hoặc dưới màng cứng hoặc tại nhu mô hoặc tại não thất cố định bằng cách tạo đường hầm trên da đầu	<ul style="list-style-type: none">- Catheter có gắn cảm biến (sensor) ở đầu nằm trong ống dẫn silicon, có que dẫn đường- Mũi khoan xương sọ có thể điều chỉnh độ sâu- Que điều chỉnh độ sâu mũi khoan- Trocar có ống tạo đường hầm- Tiêu chuẩn chất lượng : ISO hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	10
3	Bộ điều khiển cắt coil điện tử	<ul style="list-style-type: none">- Cắt coil điện dưới 01 giây- Không cần tháo lắp , không cần dây nguồn.- Đạt tiêu chuẩn: FDA	Cái/ Bộ	10
4	Bộ bơm bóng áp lực cao, chịu áp lực tới 55atm	<p>Bộ bơm bóng áp lực tối đa 40atm, 55atm; được làm bằng polycarbonate.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thể tích: 14ml, 25ml- Kèm bộ kết nối chữ Y.- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 và FDA	Cái	70
5	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa 30 atm, thể tích bơm tiêm 20ml	<ul style="list-style-type: none">- Bộ dụng cụ bao gồm:<ul style="list-style-type: none">• Thiết bị bơm bóng• Ống nối 13" (33 cm)• Khóa 3-Way Stopcock• Van cầm máu, dụng cụ chèn dây kim loại, và thiết bị moment xoắn- Khóa Prime hỗ trợ kỹ thuật viên sử dụng 1 tay đuổi khí trong bơm.- Áp lực 30atm- Thể tích 20ml- Vật liệu làm bằng Polycarbonate- Có khoảng safe space 5 mL giúp giảm thiểu bọt khí khi bong bóng- Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	500

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
6	Bộ hút huyết khối động mạch vành với lớp phủ ái nước, lớp bên trong bằng PTFE.	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế đầu Tip thông minh giúp hút được nhiều huyết khối hơn. - Lớp bên trong bằng PTFE. - Lớp phủ ưa nước - Chiều dài đoạn chuyển đổi nhanh: 17.5 cm. - Diện tích miệng hút lớn 6F = 0.99 mm² và 7F = 1.39mm². - Có 2 điểm đánh dấu cân quang ở đầu tip giúp định vị tốt. - Xuất xứ Châu Âu 	Bộ/ Cái	30
7	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi dài 11cm các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyethylene và Polypropylene, mềm dẻo - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ - Đùi các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx 7cm (mã 4F không kèm kim) - Có khóa 3 ngã - Có Guidewire kèm (làm bằng thép không gỉ) có đầu cong hình J, đường kính 0.035" hoặc 0.038", dài 50cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu), FDA (Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	400
8	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay xa các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) - Chất liệu Polyethylene và Polypropylene - Có lựa chọn khóa ba ngã - Thành mỏng đến 13%, có đường kính thân trong (ID) lớn hơn tương ứng đường kính thân ngoài (OD): ID/OD: 4F (1.57/1.78 mm); 5F (1.9/2.13 mm); 6F (2.24/2.44 mm); 7F (2.57/ 2.77 mm) - Có kèm lựa chọn Guidewire làm bằng thép không gỉ, nitinol và platinum, có 3 dạng thiết kế: dạng lõi chuẩn (mandrel), dạng cuộn (coil) hoặc phủ plastic (plastic jacket), - Có holster giúp cố định và giữ các dụng cụ trong bộ đúng chỗ - Đùi các cỡ 4F, 5F, 6F, 7F dài 7 cm, 11 cm, 16 cm, 23 cm mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA-Mỹ 	Cái	30
9	Bộ dụng cụ mở đường vào động mạch quay có công nghệ thành siêu mỏng	<p>Công nghệ thành siêu mỏng làm giảm đi 1Fr đường kính ngoài của sheath mà vẫn giữ được kích cỡ đường kính trong như các sheath tương tự.</p> <p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kim luồn chọc mạch cỡ: 20G x 51mm - Mini guidewire plastic cỡ 0.025" x 45cm - Sheath dài 10cm có phủ lớp ái nước M Coat - Kích thước: cỡ 7Fr - Xuất xứ Việt Nam 	Cái	70
10	Bộ hút huyết khối mạch vành kèm dây cứng	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng được cho hệ thống mạch chính và mạch ngoại biên. - Đường kính trong lòng loại 6F là 0.041". tương thích ống thông can thiệp kích thước trong lòng ≥ 0.071". - Chiều dài 145cm. Lớp phủ Hydrophilic - Có 1 marker cân quang được chế tạo bằng hợp kim Platinum / Iridium - Chiều dài đầu tip đến vị trí marker ≥ 3.0 mm - Dây thăm dò cứng dài 126.5 cm - Bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + 1 catheter hút huyết khối ; + 1 dây thăm dò cứng; + 1->2 ống tiêm hút 60ml; + 1->2 giỏ lọc 40μm; + 1 dây nối van khóa vòi 1 hướng dài 28.5cm. 	Bộ	30

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
11	Bộ hút huyết khối mạch vành với ống hút 4F, tương thích ống thông dẫn đường 6F	<ul style="list-style-type: none"> - Có đường viền bên thép không gỉ giúp ống thông chống xoắn vặn tốt, và chịu được áp lực dòng chảy cao - Đầu tip thuôn - Sử dụng cho mạch máu có đường kính $\geq 1.5\text{mm}$ - Markers bằng chất liệu Platinum - Chiều dài Catheter hút 145 cm - Catheter 4F được thiết kế khoang hút lớn nhất - Guide wire tương thích: 0.014". Có đầu Rapid Exchange dài 20 cm để đi dây guide wire 0.014" - Đoạn ái nước 30 cm - Cung cấp kèm theo: 2 syringe hút 30 ml, 1 cái syringe flushing 4 ml, 1 khay chứa và làm đông máu chứa tối đa 60ml dung dịch và 2 cái lọc 70 micron, 1 tubing: 21.5 cm có stopcock. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA-Mỹ 	Cái	30
12	Bộ kết nối 3 cổng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PolyCarbonate. - Đường kính trong (0.093"/0.25cm) . - Có luer xoay và đầu xoay đuổi khí. - Chịu áp lực 200 PSI hoặc 500 PSI. - Khe thông suốt - Manifold với van kiểm tra chức năng tích hợp có với 3 cổng, thân dạng half, nút điều khiển off, bên phải. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	700
13	Bộ kết nối chữ Y dùng trong truyền thuốc, truyền dịch các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Van cầm máu gồm 2 loại: Push - Click và Twist. - Van 180 psi (push-click) và 300 psi (twist) chống rò rỉ. - Tương thích với lòng 9F . - Thiết bị torque và Introducer tương thích với dây dẫn từ 0.014" - 0.021". - Bộ van cầm máu gồm nhiều thành phần: van, torque, dây nối, dây mở đường (tùy chọn). 	Cái	300
14	Bộ Kit gồm vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên, TACE (tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận) kèm vi dây dẫn	<p>Vi ống thông có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu siêu chọn lọc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lưu lượng dòng chảy lớn - Bọc Tungsten chống xoắn vặn; chất liệu PTFE, đầu tip Marker Platinum, phủ lớp ái nước Hydrophilic - Phủ lớp ái nước dài: từ 60cm - 110cm. - Đường kính ngoài đầu gần: 2.7F - 2.9F - Đường kính ngoài đầu xa: 1.7F - 2.7F - Tương thích vi dây dẫn: từ 0.016" - 0.025" - Chiều dài: từ 70cm - 150cm. - Chịu được áp lực lên đến 1.000 PSI. - Kèm theo vi dây dẫn 	Bộ/ Cái	10
15	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tương thích MRI toàn thân 1.5T và 3T, quản lý tạo nhịp thất, có chức năng gợi ý các thông số lập trình.	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhịp tim 1 buồng, đáp ứng nhịp theo vận động. - Thể tích máy ≤ 9.7 cc. - Cho phép chụp MRI toàn thân 3T không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. - Quản lý tạo nhịp thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. - Có chức năng gợi ý các thông số lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. - Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút. 	Bộ	7
16	Bộ máy tạo nhịp 1 buồng, nhịp thích ứng, tương thích MRI, với độ nhạy thích ứng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy tạo nhịp 1 buồng tương thích MRI, đáp ứng tần số VVIR. - Nhịp cơ bản có thể điều chỉnh lên tới 200 bpm. - Kích thước: 10cm\times3 \pm 0,5cm, trọng lượng 20 gam \pm 1 gam, bề dày 6.5mm - Thời gian hoạt động ≥ 16 năm. - Dây điện cực tạo nhịp với chất phủ fractal Iridium, tương thích cộng hưởng từ, dài ≥ 60 cm 	Bộ	4

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
17	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng, tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số, tương thích MRI ≥ 1.5 Tesla toàn thân không giới hạn thời gian chụp - Kích thước: thể tích 11 cm³ \pm 0,5cm³, trọng lượng 23gam \pm 0.2 gam, bề dày 6.5mm - Nhịp cơ bản có thể điều chỉnh lên tới 200 bpm. - Có chức năng Capture Control ở RA và RV, chương trình IRS Plus với thời gian nhĩ thất lên đến 400ms, chương trình Autosensing 	Hộp/ Bộ	8
18	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp theo vận động, với tương thích MRI toàn thân 3T	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo nhịp tim 2 buồng, có đáp ứng nhịp theo vận động. - Cho phép chụp MRI toàn thân 3T - không giới hạn thời gian chụp và chiều cao của bệnh nhân. - Quản lý tạo nhịp nhĩ và thất, cho phép lập trình biên độ tạo nhịp an toàn lên tới 4 lần ngưỡng tạo nhịp. - Có chức năng gợi ý các thông số giúp lập trình máy thích hợp cho từng bệnh nhân. - Tần số đáp ứng với nam châm khi còn pin ≤ 85 chu kỳ/ phút. - Tuổi thọ pin ≥ 14.9 năm. 	Bộ	10
19	Bộ vi ống thông kèm dây dẫn can thiệp toce, đầu tip 2.6F	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ vi ống thông có kèm dây dẫn, torque rời với đầu tip ống thông nhỏ 2.6F dành cho mạch máu chọn lọc. - Lòng ống rộng 0.69 mm. - Ống thông được viền bằng sợi bện tungsten tăng khả năng hiển thị và duy trì hình dạng lòng trong ống. - Áp lực bơm lên tới 1000 psi. - Lớp phủ hydrophilic 65 cm. - Dây dẫn đi kèm 0.021 inch - Chiều dài khả dụng 105cm hoặc 125 cm. 	Bộ	10
20	Bóng cắt nong mạch vành chống trượt Áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> - Catheter RX có bóng bằng Nylon 12, loại không đàn hồi, có áp lực khác nhau - Được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, bao lớp siêu ái nước. - Độ dài catheter 142cm, độ dài lớp phủ ái nước từ đầu bóng đến cổng thoát 27cm. - Đường kính bóng 2.0 -> 4.0mm; độ dài bóng 13mm, áp lực thường 14atm, áp lực vỡ bóng 24Atm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS của các nước thuộc G7, PMDA 	Cái	60
21	Bóng cứng nong mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính đầu xa: 0.43mm - Khẩu kính bóng: ≥ 0.85mm - Tráng phủ Hydrophilic - Áp lực nổ bóng cao lên tới 22 bar - Áp lực bơm bóng: 12 bar - Đường kính: 1.5mm - 4.5mm - Chiều dài: 8mm - 30mm - 2 markers cân quang. - Nếp gấp bóng: 2 nếp; 3 nếp. 	Cái	100
22	Bóng đối xung động mạch chủ 7.5Fr các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường (Guidewire), bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chích, khóa Stopcock ba ngõ (Three – way Stopcock) - Đường kính catheter 7.5Fr - Có ba kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân: + Loại 40cc dùng cho người có chiều cao từ 162cm -> 183cm + Loại 34cc dùng cho người có chiều cao từ 152cm -> 162cm + Loại 25cc dùng cho người có chiều cao < 152cm 	Cái	10
23	Bóng hỗ trợ điều trị túi phình mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc ống thông đơn nòng - Kích thước: đường kính bóng trong phạm vi từ 3mm đến 5mm; - Chiều dài bóng trong phạm vi từ 10mm đến 30mm. - Đường kính ống đầu gần 2.8F, đường kính đầu xa 2.2F; chiều dài đầu ống 4mm - Kèm theo dây dẫn 0.010 inch 	Cái	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
24	Bóng mềm nong mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> - Khẩu kính bóng: 0.58mm - Khẩu kính đầu xa: 0.399mm - Tráng phủ Hydrophilic - Đường kính từ 1.0 mm - 4.0mm - Chiều dài bóng: 6mm - 30mm - Áp lực tối đa: 14 atm; Áp lực bơm bóng: 6 atm - Nếp gấp bóng: 2 gấp, 3 gấp 	Cái	100
25	Bóng nong áp lực cao với đường kính 2.0mm-5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong không đàn hồi chất liệu nylon - Kích thước đầu bóng $\geq 0.016"$ và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.032"$. - Áp lực trung bình ≥ 10 atm, áp lực gây vỡ bóng ≤ 18 atm. Chiều dài thân bóng ≥ 6mm. - Đường kính 2.0 mm - 5.0mm, dài 6 mm - 27mm - Tiêu chuẩn FDA/PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	80
26	Bóng nong áp lực thường với đường kính 1.25mm - 4.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong bán đàn hồi chất liệu nhựa pellethane hoặc pebax. - Kích thước đầu bóng ≥ 0.41mm và đường kính thân bóng vượt tổn thương $\leq 0.024"$. - Đường kính bóng: 1.25 mm - 4.0mm, dài 6 mm -30 mm - Có thể sử dụng 2 bóng đường kính bất kỳ trong kỹ thuật 'kissing balloon' với ống thông can thiệp loại 6F. - Tiêu chuẩn FDA/PMA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) 	Cái	80
27	Bóng nong điều trị hẹp động mạch cảnh và mạch ngoại biên loại monorail	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax - Là loại bóng cứng không giãn nở (Non-Compliant) - Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.039 inch - Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. - Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. - Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. - Số marker cân quang: 2-4 - Chiều dài ống: 150 cm. 	Cái	25
28	Bóng nong điều trị hẹp động mạch cảnh và mạch ngoại biên loại Over-the-wire	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch ngoại biên. - Catheter loại over the wire (OTW). - Tương thích dây dẫn 0.014". - Tương thích với sheath 4F, 5F,6F - Đường kính bóng: Bóng thẳng từ 1.5 đến 6.0mm; và bóng thuôn (2.0/1.5; 2.5/2.0; 3.0/2.5; 3.5/3.0; 4.0/3.5mm). - Chiều dài bóng: từ 20 đến 210mm. - Chiều dài hệ thống: 90cm và 150cm. 	Cái	15
29	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não nội sọ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong có ống thông 2 lòng, dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ - Kích thước: Đường kính bóng nong: 1.5mm đến 4.0mm. Chiều dài bóng nong: 8mm, 15mm. - Đường kính trong: 0.0165". Đường kính ngoài (đầu xa/gần): 2.7F/ 3.7F. Chiều dài ống thông: 150cm. - Là loại bóng bán đàn hồi 	Cái	40

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
30	Bóng nong động mạch và mạch máu 2 nếp gấp	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dài 154 cm - Chất liệu bóng Silky-semi-compliant polyamide. Phủ Hydrophyllic - Bóng 2 nếp gấp, loại RX. NP 4bar, RBP 15 bar - Khẩu kính nhỏ 0.40mm, đầu xa 0.62 mm. - Thân gần 1.9F (0.64 mm), thân xa 2.6F (0.86 mm). - Đầu tip vát nhọn 3mm - Đường kính: 1.10; 1.25; 1.50 (mm). - Chiều dài: 10; 15; 20 (mm). - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ các nước Châu Âu 	Cái	30
31	Bóng nong động mạch và mạch máu 3 nếp gấp, bán đàn hồi phủ thuốc Paclitaxel	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế bóng 3 cánh. - Thuốc phủ Paclitaxel: 3.0 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Giải phóng thuốc 3 lần - Chất liệu: polyamide bán đàn hồi. NP 6 bar, RBP 16 bar . - Lớp phủ ái nước trên bề mặt bóng Polyvinylpyrrolidone (PVP). - Khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Ống thông loại trao đổi nhanh (RX), chiều dài khả dụng 154cm. - Tương thích ống thông 5F, tương thích dây dẫn tối đa 0.014" (0.36mm). - Đường kính bóng (mm) : 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0 - Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20, 30. - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ các nước Châu Âu 	Cái	80
32	Bóng nong động mạch và mạch máu bán đàn hồi 3 nếp gấp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bán đàn hồi polyamide, lớp phủ ái nước, 3 nếp gấp - NP 6 bar - RBP 16 bar đối với bóng đường kính từ 1.5 đến 3.5mm - Bề mặt lượn sóng - Khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Đầu tip thiết kế thuôn dần dài 3mm, - Đường kính 1.5mm-4.0mm. Chiều dài: 10mm-30mm. - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ các nước Châu Âu 	Cái	130
33	Bóng nong động mạch vành áp lực cao có vai bóng ngắn	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng có cấu trúc 3 lớp, lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Vai bóng ngắn 3.0mm - Áp lực tối đa 22atm - Thông số trục đẩy bóng + Entry profile 0.43mm + Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon; 2.5Fr đoạn giữa; 2.6Fr đoạn xa + Lớp phủ ái nước Hydrophilic - Đường kính 2.0mm - 5.0mm. - Chiều dài 6mm - 30mm 	Cái	100
34	Bóng nong mạch vành áp lực thường với lớp phủ ưa nước	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành bán đàn hồi - Đường kính từ 1.25mm đến 5.0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. - Hai điểm đánh dấu cản quang bằng Platinum Iridium (Pt-Ir). Entry profile: 0.016". Crossing profile: 0.024". - Thiết kế với 2 loại trục xa: 2.6F cho bóng có đường kính $\leq 3\text{mm}$ và 2.7F cho bóng có đường kính $\geq 3.25\text{mm}$. - Thời gian xả bóng trung bình $< 3\text{s}$. - Lớp phủ ưa nước giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch. - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
35	Bóng nong động mạch vành có kích thước cho sang thương CTO	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Comax II, gấp bóng làm 2, 3, 4 - Đường kính bóng 1.25-4.0 mm. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính 1.25mm-1.5mm, bóng cứng, 1 marker cân quang; + Đường kính 2.0mm - 4.0mm (bóng bán đàn hồi), 2 marker cân quang; - Chiều dài bóng 10-30mm - Thân phủ lớp ái nước - Profile qua tổn thương: 0.016 inch - Profile bóng từ 0.023- 0.026 inch - Tiêu chuẩn EC, ISO 	Cái	50
36	Bóng nong động mạch vành siêu nhỏ đáp ứng được các tổn thương phức tạp	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. - Entry profile: 0.41mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer - Crossing Profile: 0.58mm - Đoạn xa được phủ lớp ái nước - Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm - Đường kính trục: 1.9Fr - 2.7Fr - Đường kính: 1.0mm - 4.0mm. - Chiều dài 5mm - 40mm 	Cái	80
37	Bóng nong mạch vành áp lực cao 26 atm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nylon 12 + Pebax - Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt - Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy - Thiết kế đầu tip thuôn sát dài 1.5-2.5mm. - Đường kính thân bóng: 0.0345 inch (Ø3.0 mm) - 0.0347 inch - Tiết diện thâm nhập đầu tip: 0.0169 inch (Ø3.0 mm) - Áp lực thường: 14 atm. Áp lực ngưỡng: 20 - 24 atm - Đường kính bóng: 1.5 – 5 mm - Chiều dài bóng: 8 – 26 mm - Số điểm cân quang: 1 (Ø1.5 mm), 2 (Ø1.75 - 5.0 mm) - Số nếp gấp bóng: 2-5 	Cái	80
38	Bóng nong mạch vành áp lực cao với lớp phủ ưa nước	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành áp lực cao - Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, chiều dài từ 6.0mm đến 30mm. - Hai điểm đánh dấu cân quang bằng Platinum Iridium (Pt-Ir). Entry profile: 0.016". Crossing profile: 0.029" đến 0.037". - Áp lực thường (NP) 12 atm. Áp lực vỡ bóng (RBP) 20 atm cho bóng có đường kính <4.5mm và 18atm cho bóng có đường kính ≥4.5mm. - Thời gian xả bóng trung bình 3s. - Lớp phủ ưa nước giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch. - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	100
39	Bóng nong mạch vành áp lực cao đường kính 2.0mm - 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính bóng: 2.0 - 5.0mm. - Chiều dài bóng: 8 - 38mm. Chiều dài khả dụng: 142cm - Chất liệu: Nylon, không đàn hồi - Đặc tính: có lớp phủ ái nước. Độ dài đầu tip: 3.5±0.5 mm. - Dây dẫn tương thích 0.014". Áp suất tối đa: 20 ATM; Áp suất danh nghĩa: 12 ATM. - Tiêu chuẩn: MDR hoặc ISO13485 hoặc FDA 	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
40	Bóng nong mạch vành áp lực cao không đàn hồi 3 nếp gấp các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bóng không đàn hồi polyamide. - Bóng không bị giãn nở theo chiều dọc, không bị biến dạng ngay cả khi ở áp suất cao. - Tỷ lệ nở bóng ít hơn 1% trên mỗi atm. - NP 12 bar - RBP 21 bar đối với đường kính 2.00 - 3.00mm, 19 bar đối với đường kính 3.25 - 4.5mm - Thiết kế bóng 3 cánh. - Lớp phủ ái nước. - Đầu tip thiết kế thuận dần dài 3.5mm, khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Trục gần 1.9F (0.64mm), Trục xa 2.7F (0.90mm) - Đường kính 2.0mm-4.50mm. Chiều dài: 5mm-20mm. - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ các nước Châu Âu 	Cái	200
41	Bóng nong mạch vành áp lực cao không đàn hồi kính 1.5- >5.0 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Pebax, không đàn hồi - Đầu tip hình chóp được thiết kế bo tròn - Bóng đa lớp, bề mặt phẳng và giảm thiểu tỷ lệ "dog- boning" - Bóng được thiết kế 3 nếp gấp - Tip entry profile: 0.018" - Trục bóng được phủ lớp ái nước kép - Đường kính bóng: 1.5 -> 5.0 mm - Chiều dài bóng: 6 -> 25 mm. - Chiều dài chóp bóng: 3 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	50
42	Bóng nong mạch vành áp lực cao NC	<ul style="list-style-type: none"> - Không đàn hồi bằng Polyamide, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bởi Platinum và Iridium - Bao lớp siêu ái nước, vai bóng dạng hình chuông. - Đường kính bóng từ 2.5 -> 4.5 mm, độ dài bóng 8, 10, 12, 15mm - Áp lực thường 12atm, áp lực vỡ bóng 23atm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS của các nước thuộc G7 - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	80
43	Bóng nong mạch vành vai bóng hình chuông	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu bóng Polyether block amide, đánh dấu cân quang chất liệu Platinum - Iridium có độ dài 1.0mm, bao lớp siêu ái nước chất liệu Polyvinylpyrrolidone, Polyethylene oxide. Vai bóng hình chuông. Bóng 1.0 -> 1.5mm có tối thiểu 2 nếp gấp; bóng 2.0 -> 3.0mm có tối thiểu 3 nếp gấp. - Crossing profile (3.0mm) \leq 0.84mm. Đường kính đầu tip \leq 0.39mm (0.015 inch). - Áp lực thường \geq 6Atm, Áp lực vỡ bóng \geq 14Atm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	80
44	Bóng nong mạch vành áp lực thường có đường kính nhỏ 0.85 mm	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy, chống xoắn vặn. - Thiết kế đầu tip thuận sát dài 1.5-2.5mm. - Chất liệu bóng: Nylon/Pebax - Đường kính thân bóng nhỏ: 0.0208 inch (\varnothing0.85 mm), 0.0313 inch (\varnothing3.0 mm) - Lòng trong ống được mở rộng đến 30 cm tăng độ hỗ trợ & khả năng lần theo dây dẫn - Đường kính bóng: 0.85 - 4 mm. - Chiều dài bóng: 5 - 30 mm. - Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 atm - 16 atm - Số nếp gấp bóng: 2-3 - Xuất xứ: châu Âu 	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
45	Bóng nong động mạch vành áp lực thường có 2 điểm đánh dấu	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông tương thích: 5F - Chiều dài Catheter: 144cm - Áp lực bình thường (NP): 8 atm. Áp lực vỡ bóng (RBP): 16 atm - Chất liệu bóng: Grilamid L25 - 2 điểm đánh dấu bằng vàng - Thân đoạn gần: thép không gỉ phủ AISI 304 - Thân đoạn xa: Polyamide 3 lớp kết hợp thân với lòng trong được gia cố - Phủ Hydrophilic - Kích cỡ đầu vào: 0.017" - Chất liệu đầu bóng: Pebax - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	100
46	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Hai lớp phủ ái nước - Bóng 2 nếp gấp và 3 nếp gấp - Tip profile $\geq 0.016"$. Crossing profile $\geq 0.0186"$ - Đường kính bóng: 1.0 mm - 4.0 mm. - Chiều dài bóng: 5mm - 30 mm. - Tiêu chuẩn: ISO hoặc FDA (tiêu chuẩn Châu Âu) - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	100
47	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi đường kính 1.25-> 2.0 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng đa lớp, chất liệu Pebax, bán đàn hồi - Đầu tip không điểm chuyển tiếp - Bóng được thiết kế 3 nếp gấp. - Tip entry profile: 0.017". Crossing profile 0.021". RX Notch: 0.033" - Trục bóng được phủ lớp ái nước kép - Đường kính bóng: 1.25 -> 2.0 mm - Chiều dài bóng: 6 -> 30 mm. - Chiều dài chóp bóng: 3 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	40
48	Bóng nong mạch vành có dao cắt	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành có dao cắt - Chiều dài: 6 mm đến 15 mm. - Đường kính: 2.0 mm đến 4.0 mm. - Số lượng lưỡi dao: 3 hoặc 4, chất liệu thép không gỉ, Độ cao của lưỡi dao 0.005" - Có lớp áo phủ ái nước - Tiêu chuẩn CE, FDA (bản PMA) 	Cái	70
49	Bóng nong mạch vành có giãn nở đường kính nhỏ nhất 1.2mm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành có giãn nở - Áp lực: 6-18 atm. - Phủ lớp ái nước - Đường kính: 1.2mm-4.0mm - Chiều dài: 8mm-30mm. - Tip profile siêu nhỏ: 0.017" - Crossing profile nhỏ $\geq 0.026"$. Marker làm bằng Platinum Iridium - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 	Cái	80
50	Bóng nong mạch vành có tẩm thuốc 3 nếp gấp các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng phủ thuốc Paclitaxel (2,0 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$), chất mang Acetyl Tributyl Citrat, công nghệ phủ thuốc The TransPax, bóng 3 nếp gấp - Thông số kỹ thuật: đường kính 2.00 - 4.00 mm dài 12 - 30mm. Khẩu kính đầu vào: 0.0167 inch. - Áp lực bơm bóng: NP - 6 atm. RBP: 14 atm (đường kính từ 2 - 3.25 mm), 12 atm (đường kính 3.5 - 4.0mm) - Đặc tính ống thông mang bóng: Ống thông loại Rapid exchange, phủ lớp ái nước. - Bóng phủ thuốc được FDA chấp nhận có hiệu quả trong điều trị tái hẹp trong stent - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA (Bản PMA) 	Cái	60

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
51	Bóng nong mạch vành không đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Polyamide. - Có 2 điểm đánh dấu bằng Platinum. - Thân đoạn gần: thép không gỉ - Thân đoạn xa: kết hợp Polyamide/ PEBA, phủ Hydrophilic - Áp lực tối đa lên đến 22 atm 	Cái	100
52	Bóng nong mạch vành không đàn hồi có phủ thuốc Paclitaxel	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế bóng 3 cánh. - Thuốc phủ Paclitaxel: 3.0 µg/mm² - Giải phóng thuốc 3 lần - Chất liệu: polyamide không đàn hồi. NP 12 bar, RBP: 22 bar (Ø2.50 - 2.75), 20 bar (Ø3.00 - 3.50), 18 bar (Ø4.00 - 4.50) - Lớp phủ ái nước trên bề mặt bóng Polyvinylpyrrolidone (PVP). - Khẩu kính xâm nhập tổn thương 0.016" (0.40mm). - Đường kính bóng (mm) : 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50. - Độ dài bóng (mm): 10, 15, 20. - Xuất xứ châu Âu 	Cái	15
53	Bóng nong mạch vành không đàn hồi, công nghệ 2 lớp, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ 2 lớp phủ ái nước, 3 nếp gấp - Tip profile ≥ 0.016" - Hai marker - Bóng giãn nở 0.55%. - Đường kính: 2.0mm - 5.0 mm. - Chiều dài: 6mm - 30 mm. - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	80
54	Bóng nong mạch vành không giãn nở dùng cho CTO	<ul style="list-style-type: none"> - Có 01 proximal marker (đối với đường kính 0.85mm), 01 central marker (đối với đường kính 1.1mm) - Có 3 nếp gấp - Phủ lớp ái nước cả bóng và thân đầu xa. - Khẩu kính băng qua tổn thương tối thiểu ≤ 0.0205". - Đường kính bóng: 0.85mm - 1.1mm, - Chiều dài bóng: 6mm -20 mm. 	Cái	40
55	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus bằng công nghệ Nano	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, với chất mang thuốc Phospholipid. - Chất liệu Polyamide. Tiết diện đầu vào tổn thương ≤0.016". - Đường kính trước bơm bóng ≤ 0.029". - Đường kính sau bơm bóng: 1.5- 4.0mm - Chiều dài từ 10-40mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Châu Âu). 	Cái	15
56	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao 35 bar thành bóng 2 lớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. - Áp lực vỡ bóng lên đến 35 bar. - Cấu trúc bóng kép 2 lớp - Đường kính 1.5mm - 4.5mm; dài 10mm- 20mm. 	Cái	50
57	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus (1 µg/mm²). - Mỗi phân tử thuốc được bọc bởi 1 lớp Polymer tự tiêu. - Thời gian phóng thích thuốc: 90 ngày, sau đó lớp Polymer phân hủy hoàn toàn. - Chiều dài Catheter khả dụng: 140cm; đường kính thân 1.9Fr (0.63mm) - Đường kính bóng tối thiểu đủ các cỡ: 1.50 - 5.0 mm - Chiều dài bóng tối thiểu đủ các cỡ: 10 - 40mm 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
58	Đầu dò siêu âm nội mạch vành	<p>Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 40MHz</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Dây cáp bằng thép không gỉ , phủ lớp ái nước. - Kích thước: 5Fr/ 6Fr, tần số hoạt động 40 MHz, khả năng đường kính xâm nhập tối đa là 6mm, độ phân giải trục là 38 micromet, chiều dài 135cm - Tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA - Dùng cho máy siêu âm lòng mạch (hỗ trợ đặt máy) 	Cái	150
59	Dây bơm thuốc cân quang đo áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> - Dây bơm đo áp lực cao - Vật liệu làm bằng PVC, Nylon hoặc Polyurethane - Chịu áp lực từ 500 psi (34 bar), 900 psi (62 bar), 1200 psi (83 bar) (tùy mã sản phẩm) với nhiều màu sắc khác nhau để dễ phân biệt, - Chiều dài: 25, 51, 76, 122, 183 cm (10", 20", 30", 48", 72") - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) hoặc FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	500
60	Dây dẫn ái nước có trợ lực xoay	<p>Dây dẫn ái nước dùng trong chẩn đoán và can thiệp mạch ngoại biên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có lõi Nitinol và áo cân quang (radipaque jacket) với chất liệu polyurethane/tungsten, và lớp áo ái nước dạng gel chất liệu Hydrophilic co-polymer giúp phủ một lớp nước liên tục trên thân dây dẫn, giúp tối ưu tính trơn và độ bền kéo dài - Dây dẫn có trợ lực tốt, đáp ứng độ torque theo tỷ lệ 1:1 - Có 2 dạng đầu tip: đầu cong chữ J (angled) và đầu thẳng. Độ cứng gồm 2 dạng: Chuẩn và cứng. - Đủ các kích cỡ 0.035", 0.038", 0.025", 0.018" chiều dài từ 80cm, 150cm, 180cm, 220cm, 260cm. - Quy cách: 5Cái/Hộp - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA-Mỹ 	Cái	400
61	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch đường kính 0.018", chiều dài các cỡ	<p>Dây dẫn trong can thiệp mạch máu, dây dẫn có dây lõi được bọc lớp polymer cân quang và được phủ lớp hydrophilic ICE. Đầu xa 2 cm của dây dẫn có thể tạo hình được. Phần gần đầu của dây dẫn được phủ Polytetrafluoroethylene (PTFE).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính lý thuyết loại 0.018 inch -chiều dài 135cm, 165cm. 	Cái	20
62	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính: 0.035", chiều dài: 45cm - 180cm.	<p>Dây dẫn can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước hydrophilic:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.035". - Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45cm - 180cm. - Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak. 	cái	225
63	Dây dẫn can thiệp mạch vành có phủ ái nước	<ul style="list-style-type: none"> - Lõi kim loại, phủ lớp Full Polymer và lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip - Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.2 g - Lõi Radiopaque dài 3cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	10
64	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm	<ul style="list-style-type: none"> - Lõi đoạn gần làm bằng kim loại, phủ lớp chống thấm nước - Lõi đoạn xa làm bằng chất liệu NITINOL phủ lớp Polymer và lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Chiều dài dây dẫn 190 cm. Tip load: 0.7 g - Có đoạn đánh dấu bức xạ 4.5 cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ). 	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
65	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm, có phủ hydrophilic	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm - Phần định hình đầu: có 2 cỡ 10mm và 14mm - Lớp phủ đầu xa: 2mm silicone <p>Vật liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ <p>Lớp phủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating. Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: + Floppy: không đánh dấu + Extra Floppy: một dấu + Hypercoat: hai dấu - Quy cách: 5Cái/Hộp - Xuất xứ: G7 	Cái	250
66	Dây dẫn can thiệp mạch vành phủ lớp ái nước chiều dài lên đến 190cm	<ul style="list-style-type: none"> - Lõi đoạn gần phủ lớp chống thấm nước - Lõi đoạn xa phủ lớp ái nước - Lõi parabol không điểm chuyển tiếp - Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 0.8 g - Lõi Radiopaque dài 3 cm. 	Cái	100
67	Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn cho đầu mũi khoan bảo màng xơ vữa - Đường kính: 0.014", dài 330cm - Đầu cứng 2.8cm, đầu linh động 2.2cm - Chất liệu bằng thép không gỉ 	Cái	30
68	Dây dẫn chuẩn đoán mạch vành lõi thép không gỉ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. - Lớp Heparin giúp giảm ngưng tập huyết khối - Đầu dây dạng chữ J: 1,5 hoặc 3 hoặc 6 hoặc 15 mm. - Đường kính dây: 0.018", 0.21", 0.25", 0.35", 0.38" - Chiều dài dây: 80cm, 150cm, 180cm và 260cm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	700
69	Dây dẫn đường có lớp ái nước	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, vỏ ngoài Polyurethane, hỗn hợp Tungsten (Volfram) tăng tính cân quang - Cấu tạo đồng trục: kiểm soát lực xoay 1-1, lõi đầu xa vuốt thon, bo tròn đầu vào - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài đầu linh hoạt có tối thiểu các cỡ 1cm, 3cm, 5cm, 8cm - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 50cm, 80cm, 120cm, 150cm, 180cm, 220cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	600
70	Dây dẫn đường có lớp ái nước, dài 260 cm	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn đường chẩn đoán phủ lớp ái nước - Chất liệu lõi bằng Nitinol, vỏ ngoài Polyurethane, hỗn hợp Tungsten (Volfram) tăng tính cân quang - Cấu tạo đồng trục: kiểm soát lực xoay 1-1, lõi đầu xa vuốt thon, bo tròn đầu vào - Đường kính có tối thiểu cỡ 0.018", 0.025", 0.032", 0.035", 0.038" - Chiều dài đầu linh hoạt có tối thiểu các cỡ 1cm, 3cm - Chiều dài 260cm - Dạng đầu: đầu thẳng và đầu cong - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	250

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
71	Dây dẫn đường với phần cuộn vàng (Gold coil) ở đầu xa, lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane và lớp phủ ái nước	Cấu tạo đồng trục gồm: - Lõi Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài Polyurethane - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm tăng cường tính cân quang Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016" - Hình dạng đầu vào: Angled 45° x 4 mm; Angled 90° x 4 mm; Angled 1.5 mm J curve; Double Angled 90°+150°	cái	10
72	Dây điện cực có bóng dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	- Chất liệu dây mềm ở nhiệt độ cơ thể và thích ứng với màng trong tim - Bóng bằng latex có thể tích lên tới 1.5 ml, thiết kế của bóng hỗ trợ đặt dây dễ dàng không cần X-quang. - Kích thước thân tùy chọn 5F - Điện cực thứ nhất nằm ở đầu chóp dây điện cực - Điện cực thứ hai cách đầu chóp khoảng 1cm. - Kèm theo kim, bơm tiêm, dây nối (ECG adapter), dây nối an toàn (Safety Adapte)	Dây	50
73	Dây nối với ống hút huyết khối	- Bằng nhựa trong suốt dễ dàng quan sát dòng chảy khi hút huyết khối - Có công tắc on/off dễ dàng trong quá trình vận hành.	Cái	20
74	Đĩa đệm cổ nhân tạo toàn phần có khớp xoay, các cỡ	- Đĩa đệm có khớp xoay chiều cao ≥ 5 mm - Có nhiều sống hình răng cưa - Thiết kế cho phép có khả năng gấp duỗi không giới hạn quay quanh trục. - Hai hình dạng theo mặt phẳng đứng dọc (0° & 6°) - Thiết kế khớp hình cầu và hình trụ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485/CE (Châu Âu)/ FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
75	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn	- Vật liệu: Titanium/ hợp kim titan - Đường kính: ≥ 16 mm - Chiều dài các cỡ - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái	3
76	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng kích thước lớn	Dụng cụ bắt dị vật kích thước lớn - Ba dây cáp bằng Nitinol xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt. - Có dải band marker cân quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Đầu cong 15 độ trên ống thông 6F và 7F giúp cải thiện sự điều hướng mạch máu. - Kích thước làm việc: 6-10mm - Chiều dài catheter: 100cm - Chiều dài của snare: 120 cm. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	Cái	4
77	Dụng cụ cắt Coil cơ học	- Là loại dụng cụ cắt coil bằng cơ chế cơ học Sử dụng để cắt được khoảng 20 coils liên tục	Cái	5
78	Dụng cụ cắt coil điện	- Bộ điều khiển cắt coil điện - Nhận biết và chỉ ra điểm tách coil bằng tín hiệu âm báo, đèn ngay cả khi vị trí của marker thứ 2 của vi ống thông không hiển thị rõ dưới X-ray cân quang.	Cái	5
79	Dụng cụ đẩy lắp sẵn ống thông có mũi khoan	Bao gồm: Ống thông có mũi khoan đỉnh kim cương và dụng cụ đẩy - Tích hợp nút on/off trên dụng cụ đẩy - Các cỡ đầu khoan: 1.25; 1.5; 1.75; 2; 2.15; 2.25; 2.38; 2.50mm - Chiều dài ống thông: 135cm.	Cái/ Bộ	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
80	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	- Cấu tạo gồm các thành phần sau: + Dụng cụ đóng mạch + 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 70cm + 01 dilator - 01 sheath Kích cỡ: 6Fr, 8Fr - Sử dụng cơ chế cầm máu kép	Bộ	190
81	Dụng cụ lấy huyết khối dạng stent	- Stent kéo huyết khối có cấu trúc các mắt cáo đóng và đoạn mở chia dọc - chất liệu Nitinol nhớ hình, có các marker cân quang bằng Platinum – Tungsten. - Đường kính stent: 4-6mm, chiều dài 19-67mm - Tương thích với vi ống thông có đường kính trong 0.017" và 0.021" (tùy kích thước stent)	Cái	50
82	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não dạng stent có thể điều chỉnh độ bung	Thiết bị tái thông mạch máu dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài. - Kích thước: + Đường kính: 1.5mm - 6mm + Chiều dài: 32mm. - Đặc điểm: dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài. - Tương thích Microcatheter: 0.021" ID	cái	20
83	Dụng cụ mở đường quay	Dụng cụ mở đường quay 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Có snap fit dilator chống trượt khi đưa dụng cụ - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm) - Hub colour: 4F (màu đỏ), 5F (màu xám), 6F (màu xanh lá) - Có Guirewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhẵn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ)	cái	700
84	Dụng cụ lấy huyết khối các cỡ	- Cấu trúc sợi bện đan xen, thiết kế trục stylet - Chiều dài trục: 140 cm - Chiều dài đầu tip: 6 mm - Lớp phủ ái nước, dài 40 cm - Có 2 kích cỡ: 6F hoặc 7F - Bao gồm: xylanh có khóa, dây nối có khóa 2 chiều, dụng cụ đẩy, màng lọc	Bộ	30
85	Dung dịch bôi trơn trong can thiệp bào màng xơ vữa	Dung dịch dùng trong hệ thống máy bào màng xơ vữa trong lòng mạch máu. Đóng lọ 20cc. Thành phần: Dầu ô liu, phospholipid, lòng đỏ trứng, sodium deoxycholate, L-histidine, disodium EDTA, sodium hydroxide, nước.	Lọ	7
86	Giá đỡ (Stent) can thiệp mạch vành thành mỏng phủ thuốc Sirolimus	- Stent lõi Co-Cr, phủ thuốc Sirolimus - Cấu tạo mắc cáo mở có liên kết chữ Z kép dài - Độ dày Stent: $\leq 60\mu\text{m}$. - Đường kính: 2.0 mm - 4.5 mm, chiều dài: 8 mm - 48 mm. - Xuất xứ Châu Âu	Cái	160
87	Dung dịch liệt tim túi	- Dung dịch dùng bảo quản mô, tạng, giác mạc, có tác dụng liệt tim. - Thể tích 1000ml/Túi - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Túi	40

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
88	Giá đỡ động mạch và mạch máu chất liệu CoCr, phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu PLGA - NP 8 atm, RBP 16-19 atm. Áp suất tối đa có thể lên đến 20 atm. Áp suất bắt đầu nở bóng 6 atm. - Mắt cáo mờ, có 3 nối liên kết, 9 đỉnh. Chiều rộng thanh chống liên kết 58μm. - Độ dày thanh chống 65μm. - Bóng polyamide compound, 2 nếp gấp hoặc 4 nếp gấp - Khẩu kính đầu tip 0.43mm. Chiều dài khả dụng 138cm. - Tỷ lệ co ngắn sau bung <2%, co hẹp sau bung <5% - Chiều dài từ 8 - 48 mm - Đường kính 2.25 - 4.0 mm - Đạt tiêu chuẩn CE - Xuất xứ châu Âu 	Cái	160
89	Giá đỡ mạch cảnh các cỡ cấu trúc đóng (close-cell)	<ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng stent: thẳng hoặc thuận chuyên biệt. - Thiết kế mắt lưới đóng - Kích thước dạng thẳng: Đường kính 7, 8, 9, 10 mm, chiều dài: 20, 30 mm - Kích thước dạng thuận: 6-8, 7-9, 8-10 mm, chiều dài: 30, 40 mm - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F hoặc ống thông can thiệp: 8F 	Cái	10
90	Giá đỡ mạch cảnh cấu trúc Open- cell	<ul style="list-style-type: none"> - Khung giá đỡ tự giãn nở bằng hợp kim nitinol - khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuận (Tapered) - Loại thẳng: đường kính 6 đến 10mm, chiều dài 20 đến 60mm. - Loại thuận: đường kính 8-6, 10-7mm, chiều dài 30mm và 40 mm. - Độ dài ống thông có gắn stent 135cm, tương thích dây dẫn 0.014". Tương với dụng cụ mở đường 6F. 	cái	20
91	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Amphilimus	<ul style="list-style-type: none"> - Không polymer - Vật liệu khung giá đỡ: Hợp kim Cobalt Chromium - Lớp phủ thuốc Amphilimus - Độ dày khung giá đỡ 70μm - 80μm - 2 điểm đánh dấu bằng vật liệu Platinum - Khung giá đỡ không bị thu ngắn trong suốt quá trình nong - Đường kính: 2.25mm - 4.5mm - Chiều dài: 9mm - 46mm 	Cái	150
92	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus, độ mở rộng đường kính đạt tối đa 5.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ thuốc Everolimus với độ giải phóng thuốc $\leq 100 \mu\text{g}/\text{cm}^2$ - Khung giá đỡ so le mỗi vòng 3-3-3, được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium. - Bóng trong Stent được làm bằng chất liệu Pebax. - Có thể ngưng thuốc chống tích tập tiểu cầu sau 1 tháng. - Crossing profile 0.039". - Kích thước : đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 38 mm. Độ mở rộng đường kính stent có thể đạt tối đa 5.5 mm - Có nghiên cứu ngẫu nhiên đối chứng với cỡ mẫu trên 3000 bệnh nhân đăng trên tạp chí chuyên ngành có uy tín (ISI, SCOPUS), so sánh về tính an toàn hiệu quả lâu dài trên bệnh mạch vành ổn định. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA(Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ), 	Cái	65
93	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus, khung Cobalt Chromium, polymer dạng 3 lớp. Kích thước từ 2.0mm đến 4.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Stent phủ thuốc Sirolimus, chất liệu CoCr L605. - Thời gian xả bóng 3 giây - Hàm lượng thuốc: 1.4 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 9mm đến 49mm. - Bề dày thanh giá đỡ: 75μm - 85μm. - Có lớp phủ ưa nước - Chất liệu bóng của stent: Nylon và Pebax. - Hai điểm đánh dấu can quang bằng Platinum Iridium (Pt-Ir). - Xuất xứ Châu Âu 	Cái	140

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
94	Giá đỡ nội mạch siêu mềm làm thay đổi hướng dòng chảy	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: đường kính trong từ 2.5mm đến 5.0mm, dài từ 10mm đến 35mm. - Cấu trúc: gồm 48 sợi hợp kim chất liệu từ platinum - tungsten và cobalt chromium - Stent tự bung, có bề mặt bao phủ kim loại 30% đến 35% - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE 	Cái	5
95	Hạt nhựa nút mạch kích thước 40 µm-1.300 µm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. - Kích thước hạt 40 µm – 1.300 µm. - Đóng gói dạng lỏng chứa trong syringe 1ml hoặc 2ml. 	Lọ	50
96	Hạt nút mạch điều trị ung thư gan	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. - Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt - Kích thước hạt 40 ± 10 µm; 75 ± 15 µm; 100 ± 25 µm. - Đóng gói dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml hoặc 3ml. 	Lọ	20
97	Hạt nút mạch không tải thuốc có kích thước hạt từ 45µm-1180µm	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt nút mạch không tải thuốc chất liệu Polyvinyl Alcohol. - Hạt nút mạch được đóng gói vô trùng 1cc - Có các cỡ từ 45 µm - 1180 µm - Có nhiều kích thước phân theo màu sắc khác nhau để dễ dàng sử dụng. - Được chỉ định để nút mạch các khối u tăng sinh mạch máu ngoại biên, bao gồm các u xơ tử cung và dị dạng động tĩnh mạch ngoại biên. 	Lọ	10
98	Hạt vi cầu nút mạch tắc tạm thời chất liệu gelatin cỡ 100-900 µm	<ul style="list-style-type: none"> - Hạt vi cầu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dùng trong điều trị ung thư gan, u xơ cổ tử cung, phì đại tuyến tiền liệt và vỡ động mạch. - Kích thước hạt vi cầu: 100-900 µm, các hạt được hiệu chỉnh kích thước đồng nhất. - Có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tính tương thích sinh học, ưa nước, hấp thụ trong mạch máu. - Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa khoảng 250- 300 mg hạt vi cầu dạng nén. - Có chủng loại hấp thụ trong vòng 24 tiếng. - Tiêu chuẩn: ISO, CE 	Lọ	30
99	Hạt vi cầu nút mạch tải thuốc, vật liệu PEG ái nước với độ nén và đàn hồi, hiệu chuẩn kích cỡ chặt chẽ	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức mới: PEG (Polyethylene Glycol), ái nước, độ nén và đàn hồi cao. - Kích cỡ hạt 100-400 micromet - Được bổ sung thêm các Sulfonate liên kết để giữ và phóng thích thuốc có kiểm soát trong gan - Vật liệu PEG giúp giảm thời gian tạo thể hỗn dịch nhằm tối đa hóa thời gian tồn tại ở trạng thái hỗn dịch (trên 2 phút) - Khả năng tải các loại thuốc: Doxorubicin, Idarubicin, Epirubicin, Irinotecan - Tương thích ống thông đường kính 0.019" 	cái	5
100	Keo nút mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp chất Polymer tương thích sinh học. - Gồm 1 xy lanh 1ml chất keo sinh học, 01 xy lanh 1ml chất DMSO, các Adapter tương thích với Microcatheter 0.017". - Có các loại nồng độ từ 25%- 35%. 	Lọ	5
101	Khung giá đỡ động mạch thận	<ul style="list-style-type: none"> - Stent thận bung bằng bóng với hệ thống phân phối RX - Chiều dài làm việc 80 cm và 135cm - Bóng nong có 02 điểm đánh dấu cản quang - Chạy trên dây dẫn 0.014", tương thích ống thông 6F cho tất cả các cỡ. - Stent có chất liệu Cobalt Chromium - Đường kính: 4mm -> 7mm; - Chiều dài: 12mm, 15mm, 18mm - Chất liệu bóng: Nylon/Pebax và đầu chóp mềm dẻo - Áp lực định danh: 11 atm, áp lực tối đa 14 atm 	Cái	2

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
102	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Stent dùng trong điều trị hẹp động mạch nội sọ - Kích thước: Đường kính: 3.0mm đến 5.0mm. Chiều dài: 15mm đến 30mm. - Khung giá đỡ tự giãn nở, thiết kế mắt stent đóng - Phủ lớp fibrin-heparin giúp giảm huyết khối trong stent - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài. 	Cái	15
103	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus, polymer tự tiêu áp thành, độ nở vượt định mức đến 6.25mm	<ul style="list-style-type: none"> - Khung bằng Cobalt Chromium L605, độ dày 80µm đến 85µm - Phủ thuốc Sirolimus và polymer tự tiêu áp thành, phủ thuốc kiểu bậc thang trừ đỉnh và điểm nối. Liều thuốc: 3,9µg/mm. Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc: ≤3-4 tháng - Mắt cáo sắp xếp như hình vảy rắn, mắt cáo mở với 2 link liên kết, Stent 3.5mm; 4.0mm và 4.5mm có thiết kế 2 link 10 đỉnh, có độ nở vượt định mức 6.25mm - Đường kính: 2.0mm - 4.5mm; - Chiều dài: 9mm - 50mm - Hệ thống đẩy stent được phủ ái nước hydrophilic cải tiến đầu xa, với bóng nong áp lực tham chiếu 11atm, và đường kính bóng qua tối thiểu 1.00mm 	Cái	150
104	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc với lớp phủ polymer tự tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu khung giá đỡ: Cobalt Chromium. - Độ dày stent: 71 µm. - Thiết kế cấu trúc khớp mở - Phủ thuốc Novolimus - Có 2 lớp phủ Polymer tự tiêu - Thiết diện cắt ngang: 0.040" - Thiết diện đầu tip 0.017" - Đường kính: 2.25mm-> 4.0mm. - Chiều dài: các cỡ 	Cái	120
105	Máy tạo nhịp không phá rung cấy vào cơ thể 1 buồng, có đáp ứng tần số theo cảm xúc, tự động tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy tạo nhịp một buồng thay đổi nhịp theo cảm xúc, tương thích cộng hưởng từ MRI 1.5 & 3 Tesla - Kích thước: thể tích 10cm³ ± 0,5cm³, trọng lượng 20gam ± 0,8gam, bề dày 6,5 mm - Tự động phát hiện từ trường MRI có thể hoạt động 24/7 - Có thể ghi lại 17 cơn điện tim tối thiểu 16s mỗi cơn - Cài sẵn chương trình theo dõi từ nhà. - Nhịp cơ bản có thể điều chỉnh lên tới 200 bpm. - Thời gian hoạt động ≥ 15 năm 	Cái	3
106	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng nhịp, tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> - Máy tạo nhịp 2 buồng đáp ứng tần số, tương thích MRI, với phát hiện tự động từ trường MRI trong vòng 14 ngày. - Kích thước: thể tích 11cm³ ± 0,5cm³, trọng lượng 23gam ± 0,2gam, bề dày 6,5 mm - Có thể ghi lại 12 cơn điện tim ECG tối đa 10s mỗi cơn, và 75% tiền sử cơn ở cả 2 kênh - Có chương trình giảm tạo nhịp thất, nhịp cơ bản lên đến 200bpm. - Có chương trình theo dõi từ nhà - Thời gian hoạt động > 11 năm 	Cái	2
107	Bộ máy tạo nhịp có phá rung 1 buồng, tương thích MRI	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ máy tạo nhịp có phá rung cấy vào cơ thể 1 buồng, cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Kích thước: thể tích 30cm³, trọng lượng 75 gam ± 0,5 gam, bề dày 10mm ± 0,5 mm - Năng lượng sốc 40J - Thời gian hoạt động >15 năm - Trọng lượng 75g, dày 10mm, hình dạng cong sinh lý BioShape - Có chương trình ATP One shot. 	Bộ	1

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
108	Miếng ghép đĩa đệm lưng, loại cong	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: PEEK và Titanium Alloy - Thiết kế dạng cong - Mặt trên và mặt dưới có răng cưa - Hai đầu đĩa đệm được vát góc 30 độ - Đĩa đệm có thể xoay một góc từ 10 độ đến 90 độ khi đặt - Thân đĩa đệm có các lỗ suốt giúp tăng tốc độ lành xương. - Đĩa đệm có các điểm đánh dấu làm bằng Titanium - Độ dài: ≥ 24mm - Đường kính/ Độ cao: ≥ 7mm, bước tăng 1mm 	Cái	100
109	Nẹp liền miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ, kèm 2 vít	<ul style="list-style-type: none"> - Gồm khung titanium với đĩa đệm PEEK - Vít đơn/ đa trục dùng với đĩa đệm cổ + Đường kính 3.6 mm hoặc 4.2mm + Thiết kế tự taro, tự khoan + Chiều dài trong khoảng 12 -> 20mm + Chất liệu Titanium - Vít neo dùng với đĩa đệm cổ + Ba chiều dài neo : 12mm, 14mm, 15mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	5
110	Nẹp nối ngang cột sống điều chỉnh được độ dài, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim titanium - Nẹp nối ngang điều chỉnh độ dài, bề mặt thấp - Độ dài 40mm - 90mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	20
111	Nút tắt mạch platinum túi phình mạch máu não	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 loại cấu trúc: 3D và 2D (Helical) - kích cỡ: 0.010 inch, 0.012 inch, 0.014 inch - Đường kính vòng coil 1-20 mm, chiều dài 1-50 cm - Đa dạng mức độ mềm của coil: SilkySoft, ExtraSoft, Soft, MediumSoft, Standard - Dây đẩy bằng thép không gỉ phủ lớp PTFE - Cát coil dễ dàng bằng bộ cắt điện từ 	Cái/ Ổng	20
112	Ổng thông chẩn đoán mạch máu công nghệ chống đông máu, lớp phủ giúp di chuyển dễ dàng. Kích cỡ 4-5F, dài 40-125cm. Áp suất tối đa 1200psi	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 4F, 5F - Đường kính trong đầu tip: 0.038 - 0.042 inch - Đường kính trong của ống: 0.042 inch/1.07mm - 0.048 inch/1.20mm - Áp suất tối đa 1200 PSI - Dây dẫn tương thích 0.035inch, 0.038 inch - Chiều dài ống: 40, 65, 80, 90, 100, 110, 125cm - Các shape: Straight, Pigtail, Universal Flush, MP, Mani, Berenstein, Vertebral, Newton, Sidewinder, Headhunter, Cobra, Renal, Uni Select, Shepherd Hook, J-Curve, Bentson 	Cái	30
113	Ổng thông 2 nòng trong tim mạch can thiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX dài 20 cm) thích hợp cho mạch nhánh và tổn thương CTO. - Ống thông gồm 2 lõi thép không gỉ chống xoắn. - Chiều dài từ đầu tip tới OTW port dài 6.5 mm. - Lớp phủ ái nước 380 mm - Thiết kế ống hình bầu dục 3.3 Fr x 2.5 Fr - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5/ 2.5 - 3.3 F. - Chiều dài: 145 cm. 	Cái	15
114	Ổng thông ái nước chụp mạch tạng qua động mạch quay có lớp bên kép thép không gỉ và lớp trong giàu nylon; kiểu đầu MG1, MG2	<p>Cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong giàu nylon - Lớp bên kép thép không gỉ giúp truyền chuyển động xoay hiệu quả <p>Kiểu đầu thiết kế chuyên dụng cho tiếp cận qua động mạch quay</p> <p>Kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính: 4Fr - Chiều dài: 125cm; 135cm; 150cm - Lớp phủ ái nước: 15cm hoặc 40cm đầu xa - Dây dẫn tương thích: 0.0038"/0.97 mm - Áp lực bơm tối đa: 750 psi 	cái	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
115	Ống thông can thiệp không gắn bóng cỡ 6F	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông can thiệp mạch máu não chất liệu Polyamide 2 loại kích thước: - Kích thước ngoài đoạn gần/ đoạn xa: 6.0F/4.9F, đường kính trong 1,46mm(0.058"). - Kích thước ngoài đoạn gần/ đoạn xa: 6.0F/6.0F, đường kính trong 1,78mm (0.070"). - Chiều dài đa dạng 95cm, 105 cm, 115 cm, 125cm, 135 cm. + Đạt tiêu chuẩn : CE/MDR 	cái	15
116	Ống thông can thiệp chẩn đoán chuyên can thiệp mạch máu tạng, phế quản, phổi	<ul style="list-style-type: none"> Ống thông can thiệp chẩn đoán có các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên có nhiều dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson - Kích thước: 4; 5; 6 F - Tương thích dây dẫn đến 0.038" (Maximum guidewire: 0.965mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI (8.274 MPA) - Chiều dài: 70cm - 100cm 	cái	50
117	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu nhựa Pebax - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ (SUS) giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, mạch vành và ngoại biên (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ Judkins Right/ Judkins Left/ TiG/ PIG Tail,...) - Kích thước: 4F (1.00mm); 5F (1.08mm); 6F (1.32mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI - Chiều dài: 45-125cm 	Cái	150
118	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm không gắn bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Thân ống phủ hydrophilic dài 105-115cm. Kích cỡ 4.2 Fr - Kích thước lòng trong ống rộng 1.1 mm (0.043inch), lòng ống phủ lớp PTFE. - Chiều dài khả dụng: 120, 125, 130cm. - Hình dạng đầu tip: straight. 	Cái	3
119	Ống thông can thiệp mạch vành , cỡ 5->8Fr	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu lõi là các sợi kim loại dệt được kết bằng polymer vest tech nylon. - Có tối thiểu các cỡ 6F, 7F, 8F. - Đường kính trong khoảng 0.071"-0.081". - Có từ 20 loại độ cong trở lên, trong đó có các dạng cong EBU, RBU, IMA, SAL, SL, AL. - Tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) và CE (châu Âu). 	Cái	400
120	Ống thông can thiệp mạch vành với thân ống thông bao các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bền cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau. - Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari, ST01 (straight) hệ thống 5 Fr trong 6 Fr - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059", cỡ 6F có đường kính trong 0.071", cỡ 7F có đường kính trong 0.081". Chiều dài có tối thiểu 2 cỡ 100cm và 120cm. - Xuất xứ: G7 	Cái	250
121	Ống thông can thiệp tim mạch các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế ống Hyper chống biến dạng ống dưới nhiệt độ, độ ẩm cao. - Độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. - Đầu tip viên tròn, mềm dẻo (urethane) hiển thị tốt. - Lòng trong ống rộng: 6F (1.80mm/ 0.071"), 7F (2.05mm/ 0.081"), 8F (2.28mm/ 0.090") được phủ lớp PTFE. - Đường kính ngoài: 2.09, 2.4, 2.7 mm (6, 7, 8 F). - Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP - Chiều dài khả dụng: 100cm. 	Cái	200

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
122	Ống thông chẩn đoán buồng tim các cỡ	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng đuôi heo. Chiều dài 110cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". - Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi. - Xuất xứ: Việt Nam 	Cái	50
123	Ống thông chẩn đoán mạch quay đa năng chụp được trái và phải	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm và 120cm. - Xuất xứ: G7 	Cái	1.000
124	Ống thông chẩn đoán mạch vành 2 bên	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Nylon Pebax bền và an toàn với cơ thể bệnh nhân - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO, CE - Có đường viền bện (thép không gỉ) giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái - Đường kính trong lớn nhất 1.07mm (4F), 1.17mm(5F), 1.37mm(6F) - Dùng được với guide wire 0.035" hoặc 0.038" 	Cái	400
125	Ống thông chẩn đoán mạch vành có bện sợi thép không gỉ các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ. - Đường kính 4Fr - 5Fr. Chiều dài 100cm. - Tương thích guidewire 0.038". 	Cái	1.000
126	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 70cm, 100cm.	<p>Cấu tạo: 3 lớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm 	cái	50
127	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não dạng sheath	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo 3 lớp gồm: lớp trong PTFE, cuộn thép không gỉ ở giữa và lớp ngoài nylon - Có đoạn đầu xa phủ lớp ái nước dài 15cm - Chiều dài: 90cm - Đường kính trong: 6Fr; 7Fr - Tương thích với dây dẫn 0.038" - Kiểu đầu: Multipurpose, Straight - Van có thể tháo rời, gồm 2 loại: van kiểu Cross-cut và van Tuohy-Borst 	Cái/ Ống	50
128	Ống thông dẫn đường nối dài hỗ trợ can thiệp tổn thương khó mạch vành và mạch máu ngoại biên.	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông dẫn đường với đoạn nối dài - Đường kính trong: 0.046" (1.17mm) đến 0.071" (1.80mm) - Đường kính ngoài đầu tip: 0.053" (1.35mm) đến 0.085" (2.16mm) - Đường kính ngoài thanh đẩy: 0.25mm đến 0.30mm . - Thiết kế đoạn phân phối nhanh dài ≥ 25cm với hai điểm đánh dấu huỳnh quang trên thân ống, đoạn cổ dạng half-pipe dài ≥ 17cm và đoạn thanh đẩy dài ≥ 108cm. - Tương thích ống thông dẫn đường từ 5Fr đến 8Fr. - Chiều dài 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO và FDA (Cục quản lý dược phẩm hoa kỳ) 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
129	Ống thông hỗ trợ can thiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath - Lớp phủ ái nước từ đầu tip dài 5cm /15cm - Kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F - Đường kính trong của bộ ống thông: 1.80mm/0.071" (4Fr), 2.05mm/0.081" (5Fr), 2.28mm/0.090" (6Fr) - Đường kính ngoài của bộ ống thông: 2.09mm (6Fr), 2.40mm (7Fr), 2.70mm (8Fr) - Chiều dài khả dụng: 80 đến 110 cm. - Hình dạng đầu tip: angled, straight. 	Cái	40
130	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành - Có chiều dài 25cm và 40cm - Chiều dài của shaft 125cm. - Các size 6F, 7F, 8F và 6F dài. - Phủ lớp ái nước - Cổ nối xoắn ốc bằng Platinum Iridium - Tiêu chuẩn CE châu Âu và FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	60
131	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành dài 145cm	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ gồm : một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gắn được làm bằng dây thép - Độ dài ống thông 145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm và 1.43mm, độ dài trục đoạn xa 25cm - Đánh dấu tại vị trí 90cm và 100cm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS của các nước thuộc G7, PMDA - Xuất xứ G7 	Cái	80
132	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành lòng rộng, hỗ trợ thụ động với lớp phủ ái nước chọn lọc và đầu vào mềm mại	<p>Cấu tạo ống thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo trục với lớp lưới đan thép không gỉ 2x2 và lớp ngoài polyamide - Lớp phủ ái nước hydrophilic chọn lọc, chỉ phủ ái nước ở đoạn giữa, không phủ ái nước ở 7cm đầu xa và 25cm đầu gần - Đầu vào mềm mại - Thiết bị 6Fr, 7Fr có 02 lỗ bên ở đầu xa <p>Kích cỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài: 100cm, 125cm - Đường kính: 5Fr, 6Fr, 7Fr - Các kiểu đầu: Amplatz Left, Amplatz Right, Judkins Left, Judkins Right, Extra backup, Multipurpose, Hockey Stick, IMA, Bypass, Tiger 	Cái	200
133	Ống thông trung gian cho can thiệp mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo gồm các sợi Nitinol dẹt, lớp lót PTFE lòng ống - Đường kính trong: 0.058", 0.072". Đường kính ngoài: 0.070", 0.084" - chiều dài: 115cm. 	Cái/ Ống	3
134	Stent bắc cầu tạm thời cho túi phình mạch não cổ rộng	<ul style="list-style-type: none"> - Là loại Stent chặn cổ túi phình dạng lưới, có thể bung và thu hồi sau khi coiling. - Kích thước: <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính: 1.5 mm- 4.5mm + Chiều dài: 32mm - Tương thích Microcatheter: 0.021" ID - Đặc điểm: dạng lưới kín đầu, điều khiển độ bung mở bằng tay cầm bên ngoài. 	cái	3
135	Stent can thiệp túi phình mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Stent dùng trong hỗ trợ thả coil túi phình cổ rộng - Kích thước: Đường kính: 3.5mm đến 6.5mm. Chiều dài: 15mm đến 35mm. - Chất liệu: Nitinol - Phủ lớp fibrin-heparin giúp giảm huyết khối trong stent - Khung giá đỡ tự giãn nở, Thiết kế mắt stent đóng. - Tương thích với ống thông có đường kính trong: 0.0165" - 0.017", 0.021" - Có thể thu hồi sau khi đặt 90% chiều dài. 	Cái	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
136	Giá đỡ mạch vành có màng bọc bọc dùng cho can thiệp mạch máu	Giá đỡ mạch vành có màng bọc - Chất liệu: Khung giá đỡ làm bằng hợp kim CoCr, phủ một lớp màng bọc ePTFE dày $89 \pm 25 \mu\text{m}$. - Đường kính: 2.5 - 5.0mm, Chiều dài từ 8 - 24mm. - Độ dày thanh chống 0.08 - 0.09 mm; độ rộng thanh chống 0.07 - 0.08 mm. - Tiêu chuẩn: CE và ISO	Cái	3
137	Stent động mạch thận các cỡ	- Giá đỡ nong mạch máu ngoại biên bằng bóng bằng (thận) - Chất liệu: Cobalt Chromium - Lớp phủ: proBIO - Đường kính: 4.5mm -> 7mm - Dây dẫn: 0.014" - Chiều dài: 12mm -> 19mm	Cái	2
138	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, thiết kế tối ưu cho mạch máu lớn	- Chất liệu Platinum Chromium (PtCr), có Polymer (PLGA) tự tiêu hoàn toàn. Lớp polymer chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch. - Phủ thuốc Everolimus. - Khung stent có 12 peak, 4 kết nối ở phần đầu gần và 3 kết nối ở thân. - Đường kính stent 3.5-> 5.0mm và có thể mở rộng tới 6.0 mm. Chiều dài 8-32 mm - Đường kính mở rộng nhánh bên: tối đa 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA (bản PMA)	Cái	15
139	Stent mạch vành phủ thuốc lõi kép Zotarolimus, các cỡ	Stent mạch vành phủ thuốc Zotarolimus, hàm lượng gần $1.6 \mu\text{g}/\text{mm}^2$. - Khung làm từ hợp kim Cobalt lõi PtIr, có hai loại độ dày: $81 \mu\text{m}$ và $91 \mu\text{m}$, thiết kế từ một sợi đơn duy nhất được uốn theo hình sin. - Đường kính 2.0 đến 5.0mm. Có thể nong tối đa lên 6.0mm. - Bóng nong mang stent có 2 lớp giúp tăng tính linh hoạt và giảm đường kính vượt tổn thương. - Có thể chỉ định kháng kết tập tiểu cầu kép DAPT 1 tháng - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng PMA và CE.	Cái	100
140	Stent động mạch vành các cỡ phủ thuốc có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu	-Stent động mạch vành các cỡ phủ thuốc có phủ lớp polymer sinh học tự tiêu, chất liệu khung Cobalt chromium (CoCr L605) - Phủ Sirolimus liều lượng thấp - Lớp polymers tự tiêu - Polymers tự tiêu hoàn toàn trong khoảng từ 6 đến 9 tháng - Bề dày thanh chống $75 \mu\text{m}$, Lớp phủ $5 \mu\text{m}$ - Link kết nối hình chữ S - Áp lực định danh (NP) 10 atm, áp lực nở (RBP): 18atm - Đường kính stent: từ 2.25 - 4.0mm - Stent có đường kính 3.0 và 3.5mm có chiều dài từ 13mm - 58mm - Đường kính đầu gần 2.1F, đường kính đầu xa 2.8F - Crossing profile: 1.05mm - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO	Cái	100
141	Stent mạch vành phủ thuốc, không polymer, khung Cobalt Chromium	- Chất liệu Cobalt Chromium, tẩm thuốc Biolimus A9 trực tiếp lên bề mặt stent được đánh nhám, không phủ polymer. Hàm lượng thuốc: $>15 \mu\text{g}/\text{mm}$, - Chiều dài stent: thuộc khoảng từ 9->36mm - Đường kính các cỡ: 2.25->4.0mm. Đường kính stent có thể đạt tối đa 5.95mm. - Bề dày thanh giá đỡ $\leq 88 \mu\text{m}$ (thiết kế 9 vành), $\leq 84 \mu\text{m}$ (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: $\leq 2.29\%$. Độ co lại đàn hồi: $\leq 3.87\%$. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng. - Đường kính mắt cáo $\geq 1.58\text{mm}$. Tính chịu lực xuyên tâm $> 0.67\text{bar}$ hay 500mmHg. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE.	Cái	45

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
142	Stent mạch vành phủ thuốc, polymer tự tiêu sinh học, khung Cobalt Chromium.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cobalt Chromium, tẩm thuốc Biolimus A9 có phủ lớp polymer tự tiêu sinh học. Hàm lượng thuốc: >15µg/mm - Chiều dài stent: Thuộc khoảng 9mm-36mm - Đường kính các kích cỡ: 2.25-4.0mm. Đường kính stent có thể đạt tối đa 5.95mm. - Bề dày thanh giá đỡ ≤ 88µm (thiết kế 9 vành), ≤ 84µm (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: ≤ 2.29%. Độ co lại đàn hồi: ≤ 3.87%. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng. - Đường kính mắt cáo ≥ 1.58mm. Tính chịu lực xuyên tâm > 0.67bar hay 500mmHg. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. 	Cái	50
143	Stent mạch vành PtCr, phủ polymer tự tiêu, thiết kế mắt mở	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Platinum Chromium có tẩm thuốc Everolimus, phủ Polymer tự tiêu - Khung stent mỏng, có bề dày 74µm đến 81µm - Tip profile: 0.017 inch - Đường kính: 2.25mm - 5.00mm - Chiều dài 8mm - 48mm. - Polymer tự tiêu hoàn toàn sau 120 ngày, Lớp Polymer chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch, bề dày lớp phủ polymer 4µm - Chất liệu bóng trong stent: Pepax có 2 lớp, bóng 5 nếp gấp - Hệ thống mang stent phủ lớp ái nước. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, FDA (Bản PMA) (Mỹ) 	Cái	200
144	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép	<ul style="list-style-type: none"> - Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch. - Độ dày stent: 95-105 µm - Kích thước tối đa của mắt cáo trên stent: 4.5 mm - Đường kính: 2.5 - 4.0 mm. - Chiều dài: 9 – 38 mm. - Radial strength (Khả năng chịu nén) > 25 psi - Foreshortening (Tỷ lệ rút ngắn chiều dài của stent) < 1% - Recoil (Tỷ lệ co lại của stent) < 5% - Đường kính 2.5-2.75mm nong lên tối đa 3.25 mm - Đường kính 3.0-4.0mm nong lên tối đa 4.5 mm - Thử nghiệm lâm sàng trên 9600 bệnh nhân. 	Cái	80
145	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Hydrophilic, ngậm nước ≥ 25% và < 26%, lọc ánh sáng xanh, tím (nhuộm vàng tự nhiên). Optic: Thiết kế phi cầu với cầu sai từ (-0.08 µm) đến (+0.2 µm) - Càng kính: thiết kế dạng đĩa hoặc 2 càng khép kín, bờ vuông 360 độ chống đục bao sau, góc càng < 1,5 độ. - Đường kính: ≥ 6,0 mm. Chiều dài tổng < 11,0 mm. Hằng số A < 117,4. - Chỉ số khúc xạ: ≤ 1,47. Chỉ số ABBE: 47 ≤ ABBE ≤ 49 - Dây công suất từ -5,0 D đến lớn hơn hoặc bằng +40,0 D. 	Cái	300
146	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, lọc tia UV và ánh sáng xanh, một mảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Optic: Bằng Hydrophobic Acrylic, nhuộm vàng, thiết kế phi cầu . - Chỉ số cầu sai SA = (-0,16) µm ± 10%; - Chỉ số khúc xạ ≥ 1,54; - Chỉ số ABBE từ 36 đến 37, Hằng số A từ 118 đến 119; - Độ sâu tiền phòng ACD từ 5,45 đến 5,50; - Dài công suất đáp ứng: từ +6,0 D đến +30,0 D; - Kích thước vết mổ ≤ 2,2mm; - Có 2 càng hình chữ C, góc càng 0 độ; - Thủy tinh thể lắp sẵn trong súng (injector) dạng xoay hoặc tương đương. 	Cái	200

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
147	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, chất liệu không ngậm nước, 4 càng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu acrylic không ngậm nước - Đường kính optic trong khoảng từ 5mm đến 6 mm. - Đặc điểm phi cầu. dải công suất từ -10.0 D đến + 35.0 D. - Chiều dài tổng thể từ trong khoảng 10mm đến 12 mm. - Chỉ số khúc xạ (RI) $1.52 < RI < 1.54$. - Màu vàng lọc ánh sáng xanh, tia UV. Thiết kế 4 càng. - Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt. 	Cái	300
148	Van cầm máu dạng chữ Y loại đóng mở bằng lò xo, và van kép chất liệu Polycarbonate	<ul style="list-style-type: none"> - Van cầm máu chất liệu Polycarbonate - Loại đóng mở bằng lò xo, có van kép - Có kèm insertion tool bằng kim loại và torque điều khiển - Dây dẫn 0.014" - Đường kính trong 2.44 mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Tiêu chuẩn châu âu) và FDA (Cục quản lý dược phẩm và thực phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	150
149	Chất tắc mạch dạng lỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần gồm: EVOH (ethylene-vinyl alcohol), DMSO (di-methyl sulfoxide) và chất cản quang tantalum - Có 2 loại nồng độ: 6% EVOH và 8% EVOH - đóng gói: 01 hộp bao gồm 1 lọ Onyx 1.5ml, 1 lọ DMSO 1.5ml, 2 xi-lanh 1ml để bơm Onyx và một xi-lanh 1ml để bơm DMSO. - tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc CE 	Cái	10
150	Vật liệu nút mạch tắc tạm thời chất liệu gelatin cỡ 150-3500 µm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch tạm thời chất liệu gelatin dạng vi hạt được sử dụng để nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan và kiểm soát chảy máu. - Kích thước hạt: 150-3500 µm. - Hạt có tính đàn hồi cao và độ dính kết chắc chắn, tắc mạch và hấp thụ hiệu quả trong mạch máu, không có chứa chất gây hại. - Đóng gói: lọ, mỗi lọ chứa 150mg vật liệu. - Tiêu chuẩn: ISO 	Lọ	50
151	Vật liệu nút mạch tải thuốc điều trị ung thư gan có kích thước hạt từ 70µm-500µm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch có chức năng tải thuốc điều trị ung thư gan. - Thành phần hydrogel, có khả năng tắc mạch máu trong khối u ác tính và truyền hóa chất Doxorubicin, Irinotecan điều trị ung thư biểu mô tế bào gan nguyên phát hoặc thứ phát do khối u đại trực tràng di căn gan. - Hạt vi cầu tắc mạch tải hóa chất còn Polyvinyl - Kích thước 70 µm - 500 µm. - Khả năng ngậm thuốc doxorubicin lên đến 37.5mg/ml hạt. 	Lọ	60
152	Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin, kích thước hạt từ 50µm-4000µm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu nút mạch tạm thời có nguồn gốc từ gelatin, kích thước hạt từ 50µm - 4000 µm, được - Thể tích: ống tiêm 20ml. - Mỗi ống chứa khoảng 100mg vật liệu nút mạch trong điều kiện vô trùng. 	Lọ	50
153	Vi dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu đường kính: 0.014"	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu thép không gỉ. Đầu xa có cuộn lò xo platinum dài 5cm. Đầu tip có thể uốn dài 2cm. Có đoạn phủ ái nước. - Đường kính 0.014". Dài 205cm. 	cái	30
154	Vi dây dẫn can thiệp đa lõi	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn đa lõi thiết kế vòng xoắn kép tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giật. - Tip load từ 0.3 - 4.5 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. - Đầu tip: straight, J, pre-shape. - Chiều dài: 190cm -> 300 cm 	Cái	70
155	Vi dây dẫn can thiệp đơn lõi	<ul style="list-style-type: none"> - Dây dẫn đơn lõi one-piece core. - Tip load từ 0.8- 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. - Lớp phủ: silicon - Đầu tip: straight - Chiều dài: 180cm -> 300 cm 	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
156	Dây dẫn can thiệp mạch não	- Vi dây dẫn ái nước đường kính 0.014" - Chiều dài 205cm, có thể mở rộng chiều dài lên ≥ 300 cm - Đầu tip thẳng, có thể uốn - Chiều dài cân quang ≤ 5 cm	Cái /dây	30
157	Vi dây dẫn can thiệp thần kinh các loại, các cỡ	- Đầu gắn làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol. - Đường kính: 0.007", 0.008", 0.012", 0.014" - Chiều dài từ 200cm trở lên	Cái	80
158	Vi dây dẫn can thiệp mạch não đầu 0.012 inch	- Chất liệu phối hợp giữa Nitinol và thép không gỉ, lớp vỏ là PTFE, phủ Hydrophilic. - Chiều dài 200 cm, chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi có chất liệu là Nitinol. - Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012" - Đầu xa thẳng, có thể uốn được - Chiều dài cân quang từ 3 cm - 6 cm.	Cái /dây	20
159	Vi dây dẫn can thiệp mạch tạng vùng bụng	- Lõi bằng thép không rỉ được bao phủ bằng polyurethane resin và lớp polymer ái nước. - Đường kính: 0.016" - Chiều dài đầu cân quang 3cm, - Chiều dài: 135cm \rightarrow 180cm.	Cái	100
160	Vi dây dẫn can thiệp mềm với cấu trúc vòng xoắn kép	- Lõi dây hình trụ tròn chất liệu thép không gỉ - Dây dẫn đơn lõi/đa lõi (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phản hồi momen xoắn và chống giật. - Vòng xoắn ngoài (Lõi platinum + thép không gỉ) giữ được phản hồi moment xoắn của dây dẫn. - Lớp phủ: silicon hoặc ái nước - Tip load: 0.5 gf hoặc 0.7gf - Đầu tip: straight, J. - Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 150 cm, 165 cm, 180 cm, 190 cm, 300 cm.	Cái	600
161	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ siêu ái nước có đường kính 0,08 inch	- Cấu trúc vòng xoắn kép - Đầu tip 0.008 inch, trục dây 0.010 inch - Hình dạng đầu tip: straight - Chiều dài 200cm.	cái	10
162	Vi ống thông can thiệp 2.4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm, cấu trúc 3 lớp với cuộn tungsten xoắn ốc, phủ ái nước hydrophilic M coat, đầu xa dây dẫn có cuộn vàng	Vi ống thông 2.4Fr loại đồng trục có dây dẫn đi kèm Cấu trúc 3 lớp: - Lớp trong: phủ lớp PTFE - Lớp giữa: là lớp cuộn chất liệu Tungsten đánh dấu cân quang - Lớp ngoài: phủ lớp ái nước M coat Kích thước: đường kính: 2.4Fr, chiều dài: 110 cm hoặc 130 cm Thông số dây dẫn đi kèm - Kích cỡ 0.018" - Lõi bằng hợp kim Nitinol siêu đàn hồi - Lớp ngoài Polyurethane; - Lớp phủ ái nước hydrophilic - Đầu có lớp cuộn bằng vàng 3cm - Kiểu đầu: 70° ; Double angled	cái	10
163	Vi ống thông can thiệp CTO cấu trúc lõi lớp bên kép thép không gỉ	- Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm để tăng cường khả năng nhận diện. - Cấu trúc lõi là lớp bên bằng thép không gỉ (SUS braid) - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm	Cái	20
164	Vi ống thông can thiệp mạch máu não siêu nhỏ	- Vi ống thông phủ lớp ái nước Hydrophilic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống - Kích thước ngoài đoạn gần từ 2.2F- 4.0F, đoạn xa từ 1.9F-3.8F. - Tương thích với dây dẫn có đường kính .014" - .035". - Chiều dài vi ống thông 135cm, 155cm. - Định dạng với đầu thẳng (D) và đầu cong (MP).	Cái	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
165	Vi ống thông can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên	<ul style="list-style-type: none"> - Vi ống thông có đầu xa siêu nhỏ, dành cho mạch máu siêu chọn lọc, dùng trong can thiệp mạch máu tạng và mạch máu ngoại biên, tiết niệu, sinh dục, gan, lách, thận. - Phủ lớp ái nước Hydrophilic - Tương thích vi dây dẫn: 0.016"; 0.018"; 0.025" - Chiều dài: 70cm - 150cm. 	Cái	10
166	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh 0.021"	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ lớp ái nước bên ngoài, lớp PTFE lót lòng trong. - Tương thích DMSO. - Đường kính ngoài đầu gần-xa là 2.7Fr-2.4Fr, đường kính trong 0.021". - Chiều dài 153cm 	Cái /dây	30
167	Vi ống thông can thiệp mạch máu não nhiều kích thước	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính trong: 0.0165", 0.021", 0.027", 0.039". - Đường kính ngoài (đầu xa/gần): 1.9F/ 2.3F, 2.2F/ 2.6F, 3.0F/ 3.1F, 4.0F/ 4.1F. - Chiều dài khả dụng: 125cm, 135cm, 145cm, 155cm, 160cm, 167cm - Phủ lớp ái nước, lớp phủ PTFE ở trong lòng ống. - Đầu ống thẳng có thể định hình. - Số dấu cân quang: 1 dấu với ống 0.027", 0.039"; 2 dấu với ống 0.0165", 0.021". 	Cái	20
168	Vi ống thông can thiệp tim mạch	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế trục mới với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. - Đầu tip thuận mềm, đường kính 1.3F - Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.9, 2.1 F. - Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700 mm (dây 135cm)/ 850 mm (dây 150 cm). - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm 	Cái	30
169	Vi ống thông can thiệp toce 1.9F/2.6F	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tip siêu nhỏ 1.9F/ 2.6F dành cho mạch máu siêu chọn lọc. - Áp lực bơm lên tới 1000psi. - Lớp phủ Hydrophilic 65cm, 100cm. - Chiều dài khả dụng 105cm - 150cm. 	Cái	10
170	Vi ống thông can thiệp toce 2.4F	<ul style="list-style-type: none"> Vi ống thông can thiệp mạch máu - Chất liệu Tungstent và Pebax, có lớp phủ ái nước - Đường kính ngoài đầu gần có tối thiểu cỡ 2.8Fr - Đường kính ngoài đầu xa có tối thiểu khoảng 2.0Fr - Chiều dài khoảng 105cm - 175cm - Tương thích dây dẫn khoảng 0.014" - 0.018" Tiết khuẩn - Đạt chứng nhận tiêu chuẩn FDA và CE. 	Cái	10
171	Vi ống thông can thiệp TOCE đầu tip 1.7F, tương thích dây dẫn 0.016 inch	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu ống siêu nhỏ 1.7 F thuận mềm bám sát dây dẫn (tương thích với dây dẫn 0.016 inch). - Ống thông được bện bởi 2 dây (độ dày khác nhau) giúp chống xoắn, chống co giãn ống thông và hiển thị cao. - Thiết kế ống thuận dần cho phép phản hồi xúc giác tốt và đảm bảo dòng chảy đều. - Lớp phủ ái nước. - Chiều dài khả dụng 105, 125, 150 cm. - Tiêu chuẩn : ISO 	Cái	10
172	Vi ống thông hút huyết khối mạch não cỡ lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế dạng cuộn dây xoắn và bện, có phủ lớp Hydrophilic. - Đầu xa mềm và có thể uốn tạo hình bằng hơi nước. - Đường kính trong 0,070", đường kính ngoài đầu gần 0.0825", đường kính ngoài đầu xa 0.0815". - Chiều dài đầu xa 19cm linh hoạt - Chiều dài hoạt động 125cm-131cm. 	Cái	40

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
173	Vi ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	- Ống thông hút huyết khối dùng các trường hợp mạch nhỏ, tổn thương xa. - Kích thước: Chiều dài làm việc: 160 cm. Đường kính ngoài: đầu xa: 0.050in., đầu gần: 0.062in. Đường kính trong: đầu xa: 0.035in. - Thân ống được gia cố bên bằng thép không gỉ, độ cứng giảm dần từ đầu gần đến đầu xa. Lót bằng lớp PTFE. - Tiêu chuẩn: FDA, MDR (CE).	cái	5
174	Vi ống thông kèm bóng thuyên tắc nút mạch, phủ ái nước với đầu vào 1.8Fr và 02 đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa và đầu gần của bóng	Cấu tạo bóng: - Vật liệu: polyurethane - Chiều dài: 10mm - Vị trí: cách 3.5mm từ đầu vào ống thông - Bóng chẹn hoàn toàn, bóng được nong cao hơn 1,1 hoặc 1,2 lần đường kính mạch máu Cấu tạo vi ống thông: - Chiều dài: 110cm; 130cm; 150cm - Phủ ái nước hydrophilic ở 60cm đầu xa - Gồm 02 đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa và đầu gần của bóng dài 0.65mm - Đầu vào 1.8Fr, dài 0.5mm - Tương thích với dây dẫn 0.014";	cái	5
175	Vi ống thông loại đầu tít thuôn can thiệp mạch tạng, các cỡ	- Dây dẫn thuôn dài, thiết kế hình dạng đầu vát bút chì. - Chiều dài: 110cm ->150cm. - Đường kính trong 0.019"/0.022" - Tương thích với dây dẫn có đường kính tối đa 0.018". - Đường kính ngoài tại vị trí của marker, đầu xa, đầu gần tương đương với 1.9Fr, 2.2Fr, 2.8Fr	Cái	80
176	Vi ống thông siêu nhỏ dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não	- Đường kính trong đầu xa là 0.013", đường kính ngoài đầu gần -xa: 2.7Fr - 1.5Fr. - Chiều dài 165cm. - Tương thích với dây dẫn có đường kính nhỏ hơn 0.010". - Tương thích DMSO.	Cái	15
177	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh đa chức năng	-Vi ống thông có thể dùng thả coil hoặc bơm chất sinh học tắc mạch. - Đầu có thể uốn được bằng hơi nước. - Tương thích với DMSO. - Có 2 loại: Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xạ là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xạ là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang).	Cái /dây	10
178	Vòng xoắn kim loại điều trị phình mạch máu não	- Vòng xoắn kim loại điều trị túi phình mạch não có các loại: phức hợp và helical - Đường kính sợi coil: 0.010"; 0.011"; 0.0125"; 0.0135"; 0.0145" - Đường kính coil từ 1-25mm - Chiều dài 1-60cm - Cơ chế cắt coil cơ học - Tiêu chuẩn: FDA và CE	Cái	20
179	Vòng xoắn kim loại gây tắc mạch có thể thu lại coil	- Vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi dacron. - Khóa đơn giản giúp tăng khả năng kiểm soát, độ chính xác và có thể thu lại coil để đặt lại. - Đường kính 2/6-22 mm và chiều dài đến 60 cm. - Hình dạng coil 2D, kim cương, cube	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
180	Vòng xoắn kim loại siêu mềm điều trị túi phình mạch não	<ul style="list-style-type: none"> - Vòng xoắn kim loại (coil) dùng trong can thiệp mạch máu ngoại biên và thần kinh . - Có 2 dạng: xoắn ốc (Helical) và xoắn phức hợp (Complex) - Nhiều mức độ mềm: tiêu chuẩn (Standard), mềm (Soft) và siêu mềm (Super Soft) - Đường kính sợi coil : .010", .011", .012", .013" và .014". - Đường kính vòng coil: 1-24mm - Chiều dài coil: 1-65cm - Cắt coil nhanh dưới 01 giây 	Cái	100
181	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Chiều dài khả dụng: 80cm, đến 100cm - Đường kính ngoài (đầu gần/xa): 8F/ 8F. Đường kính trong .088 inch - Có lớp phủ ưa nước. - Vùng đầu xa linh hoạt dài 4cm - Tiêu chuẩn: FDA, MDR (CE). 	Cái	20
182	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ngoài đầu gần: 6F. - Đường kính trong: .062in; .068in; .072in. - Chiều dài: 132cm, 138cm. - Chất liệu: Nitinol. Phủ lớp ưa nước. Lớp lót PTFE. - Tiêu chuẩn: FDA, MDR (CE). 	Cái	25
183	Thủy tinh thể nhân tạo đơn tiêu, màu vàng, nạp sẵn	<ul style="list-style-type: none"> - Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, một mảnh, phi cầu, không có hiện tượng chói (Glistening); - Màu vàng, lọc tia cực tím (UV) và lọc ánh sáng xanh; - Chất liệu: Hydrophobic Acrylic (không ngấm nước); - Đặc điểm càng: càng chữ C, góc càng 0°; - Thiết kế optic: bờ cạnh vuông 360° cạnh được xử lý mờ chống chói, góc càng tiếp xúc bao rộng 106° giúp ổn định xoay; - Đường kính vùng quang học: 6.0mm; Đường kính tổng: 13.0 mm; - Chỉ số khúc xạ: 1.50; - Dải công suất đáp ứng: +0.0D đến +34.0D; - Chỉ số ABBE: 50; - Dụng cụ đặt kính: Lắp sẵn hoàn toàn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS. Xuất xứ G7. 	Cái	400
184	Vi ống thông sợi bên tổng hợp can thiệp TOCE đầu tip 1.7Fr, tương thích dây dẫn 0.016 inch	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đầu ống siêu nhỏ với đường kính ngoài: đầu xa: 1.7 Fr, đầu gần: 2.8 Fr; đường kính trong: đầu xa: 0.017 inch, đầu gần: 0.023 inch. Chiều dài khả dụng: 105 cm – 150 cm - Chất liệu: Ống được bên từ 2 dây có độ dày khác nhau, giúp chống xoắn và chống co giãn, tăng độ hiển thị. Thiết kế thuôn dần từ gần đến xa, đảm bảo phản hồi xúc giác nhạy và dòng chảy ổn định. Chiều dài lớp phủ ái nước: 65 cm - 100 cm. - Đặc tính: Đầu ống mềm, thiết kế đầu ống thon dần. Áp lực bơm tối đa: 1000 psi. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. 	Cái	10
185	Vi ống thông sợi bên tổng hợp can thiệp TOCE đầu tip 1.9Fr áp lực bơm tới 1000 psi	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đầu ống siêu nhỏ với đường kính ngoài: đầu xa: 1.9 Fr, đầu gần: 2.8 Fr; đường kính trong: đầu xa: 0.019 inch, đầu gần: 0.025 inch. Chiều dài khả dụng: 105 cm – 150 cm - Chất liệu: Thân ống bên tổng hợp giúp ống tránh bị cong và co giãn ở những đoạn mạch khúc khuỷu. Lớp phủ ái nước: Độ dài phủ: 65 cm - 100 cm. - Đặc tính: Đầu ống siêu nhỏ 1.9Fr dùng cho can thiệp chọn lọc. Áp lực bơm tối đa: 1000 psi. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. 	Cái	10
186	Kim chọc dò đốt sống dùng để bơm xi măng vào thân đốt sống	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò đốt sống với đầu kim loại chống sóc các cỡ, mũi kim vát hoặc mũi kim cứng, - Đầu nối kiểu Luer Lock, loại có khóa ở tay cầm. - Kim chọc kích cỡ từ 9G - 15G - Có đường đánh dấu laser trên thân cho phép kiểm soát độ sâu - Tiêu chuẩn chất lượng : ISO hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	45

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
187	Thủy tinh thể nhân tạo mềm đơn tiêu lắp sẵn trong suốt PC 545Y QuadrimaX Aspheric	- Chất liệu: acrylic hỗn hợp, kính trong (không nhuộm màu). - Optic: Càng hình đĩa hoặc phiến, góc càng > 7 độ; thiết kế phi cầu với cầu sai từ (-0.08 μm) đến (+0.1 μm) hiệu chỉnh quang sai. Đường kính optic: 5.7 / 6,00 mm. Chiều dài 10.50 / 10.75 / 11.0 mm. . - Chỉ số khúc xạ nhỏ hơn hoặc bằng 1.46. Chỉ số ABBE: từ ≥ 47 đến ≤ 50 - Dãy công suất từ + 5.0 D đến +35.0 D. Thủy tinh thể lắp sẵn trong cartridge kèm dụng cụ đặt kính dùng 1 lần.	Cái	300
188	Bộ đầu đốt phẫu thuật rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực	- Bộ dụng cụ phẫu thuật đốt rung nhĩ đơn cực và lưỡng cực sử dụng sóng cao tần với nước tưới IRF. - Hàm kẹp linh hoạt, hàm kẹp xoay được góc 300 độ. - Bộ gồm: 1 tay súng, 1 bút, dây giải nhiệt	Cái	1
189	Dụng cụ cố định mạch vành trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	- Dụng cụ có các đầu giác hút có thể tự động căng rộng - Thân được bọc silicone có thể uốn cong linh hoạt, để có thể xoay được 360 độ - Khoá kiểm soát áp lực hút, kẹp chắc chắn để gắn lên hệ thống banh ngực. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA (Mỹ)/ CE (tiêu chuẩn châu âu)	Cái	3
190	Dụng cụ dẫn lưu lòng động mạch vành mổ bắc cầu động mạch vành	- Ống dẫn nội mạch bằng silicone - Đường kính lòng ống từ 1.0mm-3.0mm - 2 đầu ống được thiết kế thuôn bầu được đánh dấu cân quang. - Thân ống được buộc với thẻ đánh dấu cân quang ghi cỡ ống dẫn.	Cái	3
191	Dụng cụ hỗ trợ nối mạch máu trong phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	- Chất liệu: + Kim bằng thép không gỉ + Tay cầm bằng nhựa - Kim 14G - Khoan động mạch chủ: 3.5mm -> 4.0mm	Cái	5
192	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm-10cm	Cấu tạo gồm: - Kim luồn chọc mạch cỡ 18G dài ≥ 6cm hoặc 20G dài ≥ 5cm - Mini plastic guide wire, đầu thẳng, cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Đường kính có tối thiểu các cỡ 4Fr, 5Fr, 6Fr, 7Fr, 8Fr - Chiều dài có tối thiểu các cỡ 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.000
193	Ống thổi dùng trong mổ bắc cầu động mạch vành	- Bộ gồm 01 tay cầm, thân bằng thép không gỉ, có thể uốn cong, dài 16.5cm. - Đầu tip bằng silicon, mềm. - Có 02 dây - Có tích hợp lọc khí 0.2 micron.	Cái	2
194	Thanh nâng ngực các loại các cỡ (kèm ốc/vít)	- Thanh nâng ngực định hình biến dạng lồng ngực - Chất liệu: Titanium - Kích cỡ: 6cm -> 40cm - Thanh dùng ốc vít để cố định vào thành ngực. - Mỗi thanh kèm 2 ốc vít	Cái	10
195	Van động mạch chủ sinh học các cỡ thời gian thoái hóa lâu	- 3 lá van tách rời - Chất liệu: màng tim bò/heo - Vòng van: khung bằng hợp kim Cobalt - chromium, phủ bởi lớp Polyester - Có vùng nối rộng van, có marker hiển thị dưới hình ảnh cân quang - Kích cỡ: 19mm->29mm	Cái	3

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
196	Van hai lá sinh học các cỡ thời gian thoái hóa lâu	- 3 lá van tách rời có cấu tạo từ màng tim bò được gắn vào một khung bằng hợp kim Cobalt - chromium. - Van có vòng chỉ hướng dẫn vị trí khâu. - Thiết kế van ở vị trí trên vòng van và có 2 markers chỉ dẫn vị trí đặt van để tối ưu hóa dòng chảy thất trái - Cỡ 25-33mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (Tiêu châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Cái	3
197	Van tim cơ học động mạch chủ loại INR thấp	- Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết - Góc mở lá van tới 90 độ - Đầu ra dạng ống loe - Được chứng nhận an toàn hơn với INR 1.5IU->2.5UI - Độ chênh áp thấp - Van động mạch chủ vòng khâu số 19->29	Cái	5
198	Van tim hai lá INR thấp	- Chất liệu carbon nhiệt phân tinh khiết - Góc mở lá van tới 90 độ - Đầu ra dạng ống loe - Được chứng nhận an toàn hơn với INR 1.5IU->2.5UI - Độ chênh áp thấp	Cái	15
199	Dụng cụ đóng mạch máu không cần bộc lộ động mạch	- Dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp bằng chỉ ngoại khoa 3.0 - Cho lỗ động mạch từ 5F đến 21F không cần bộc lộ động mạch	Cái	30
200	Vòng van ba lá 3D các cỡ	- Vòng van 3 lá mềm dẻo. Vòng khâu silicone, được bao phủ bởi lớp vải polyester. Lõi titanium. - Hình dạng lượn sóng 3D, thiết kế mở. - Viên khâu riêng biệt thuận lợi cho việc đặt chỉ khâu và tiết diện viên khâu nhỏ giúp giảm lực xuyên kim và lực trượt trong quá trình khâu vòng van - Cỡ 24-36mm.	Cái	15
201	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới bằng vật liệu Phynox phi từ tính, loại đặt vĩnh viễn	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch chủ dưới ngăn ngừa thuyên tắc phổi lâu dài hoặc vĩnh viễn - Được làm bằng Phynox không có tính sắt từ, tương thích MRI và dễ dàng quan sát dưới tia X - Chiều dài: 44 mm, đường kính mở rộng lưới lọc 42 mm thích hợp với tĩnh mạch có đường kính đến 35 mm. - Bộ dụng cụ bộc lộ tĩnh mạch gồm: + Dây dẫn đường đầu chữ "J" phủ PTFE, dài 1500 mm, đường kính 0.89 mm (0.035") + Dụng cụ mở đường Introducer Sheath 7F có van cầm máu và ống nối bên. Dài 610 mm, đường kính trong 2,4 mm - Que nong 7F, dài 687 mm - Que đẩy dài (màu trắng), dài ≥ 653 mm - Que đẩy ngắn (màu xanh), dài ≥ 181 mm	Cái	3
202	Miếng vá mạch máu nhân tạo phủ PTFE hình chữ nhật	- Miếng đệm khâu vá mạch máu Felt - Chất liệu PTFE - Kích thước: 2.5 x 15.2 cm - Độ dày thông thường : 1.65mm	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
203	Bóng nong (balloon), bóng bơm ngược dòng động mạch chủ, bóng tách rời, bóng chặn các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế OTW. Chất liệu bóng: Nylon (Grilamid) - Đầu tip thuận nhỏ tăng cường khả năng lặn qua tổn thương - Đường kính bóng: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm. - Chiều dài bóng: 20, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 200, 250, 300 mm. - Áp lực thường: 8-10 atm. - Áp lực gây vỡ bóng: 12-24 atm - Marker cân quang đoạn gần và xa (có marker kép ở đầu xa đối với bóng có chiều dài ≥ 100 mm) - Lớp phủ ái nước kép dài 35cm tăng khả năng lặn theo dây dẫn - Chiều dài khả dụng của ống thông: 40, 80, 135 cm. - Sheath tương thích: 5-7F - Dây dẫn tương thích: 0.035" 	cái	5
204	Bộ dẫn lưu dịch não tủy não thất- ổ bụng, tự động điều chỉnh áp lực (không cần dụng cụ điều chỉnh bên ngoài)	<p>Chất liệu Silicone và Polypropylene.</p> <p>Thiết kế kiểu van tự động đáp ứng các mức áp lực khác nhau, không cần sử dụng dụng cụ điều chỉnh bên ngoài.</p> <p>Van lắp sẵn với 1 catheter dẫn lưu bụng dài 110-120cm, catheter dẫn lưu não thất dài 15cm.</p> <p>Tiệt trùng.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p>	Bộ	2
205	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	<p>Có 2 vị trí lấy mẫu/tiêm. Vent lọc khí. Thể tích buồng dẫn lưu nhỏ giọt 50ml. Túi chứa dịch 700ml. Thang áp lực đo 30cmH2O và 20 mmHg tích hợp trên túi chứa dịch dẫn lưu. Có van chống trào ngược (van 1 chiều), khóa 4 chiều.</p> <p>Kèm theo 1 Catheter não thất dài 35cm, có tối thiểu các loại đường kính: 2.5mm, 2.7mm, 3.0mm, 3.3mm, có dụng cụ đặt thả catheter 38cm, trocar cỡ 10F dài 15cm.</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</p>	Bộ	10
206	Bộ bơm xi măng có bóng (loại 1 bóng)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ bơm xi măng có bóng bao gồm: kim chọc dò mũi vát, kim có 2 phần vỏ ngoài và nòng trong có thể tháo rời, loại 1 thì; kim chọc dò tạo đường hầm; kim chọc đẩy xi măng vào thân đốt sống; bóng nong thân đốt sống áp suất chịu được tối đa khi bơm 300 psi; Bơm áp lực cho bóng nong, đơn vị tính từ 0 đến 30Bar hoặc 0 đến 400 PSI, 01 bộ trộn; Xi măng sinh học kèm dung dịch pha. - Thể tích sau trộn tối thiểu 22cc - Xi măng có hạt cân quang - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Bộ	30
207	Bộ trộn và phân phối xi măng đóng gói tiệt trùng sẵn	<p>Gồm 5 thành phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phễu dùng để đổ xi măng và dung dịch (hóa chất) vào bình trộn - Bình trộn có tay quay - Xi lanh 10cc để hút và bơm xi măng - 1 ống nối - 1 tay cầm <p>Đóng gói tiệt trùng bằng ethylene oxide</p> <p>Tiêu chuẩn: ISO hoặc CE</p>	Bộ	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
208	Stent động mạch vành Cobalt Chrome phủ thuốc Sirolimus, không polyme, thanh chống mỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Stent động mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Thuốc phủ Sirolimus bằng công nghệ phủ áp thành Abluminal. - Hàm lượng Sirolimus 1.2µg/mm² - Không polymer. Chất nền dẫn thuốc Probuocol. - Stent chất liệu stent là hợp kim Cobalt Chrome. Bề dày thanh stent mỏng từ 55µm - 65µm. - Kích cỡ stent: đường kính: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0 mm; chiều dài: 9, 12, 16, 19, 24, 28, 32 và 38 mm - Profile qua tổn thương nhỏ nhất từ 0.79 - 0.96 mm. Profile đầu chóp: 0.41 mm - Tiêu chuẩn EC; ISO - Đường kính đầu xa 2.5F, đầu gần 1.9F Áp lực bơm bóng 10 atm, Áp lực gây vỡ bóng 18atm (đường kính 4.0mm, 15 atm) - Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái được tiệt trùng bằng phương pháp EtO - Có nghiên cứu lâm sàng ngẫu nhiên đa trung tâm trên 3,000 bệnh nhân, thời gian theo dõi 5 năm 	Cái	50
209	Bóng nong mạch vành áp lực thường, bán đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành bán đàn hồi, dạng Rapid Exchange, chất liệu Nylon, 2 điểm đánh dấu Platinum. -Đầu tít trơn mềm ≤0.017". -Bóng gập nhớ hình theo 3 hướng, có khả năng tái gập lại, khả năng rút bóng tốt. -Đường kính đầu xa ≤2.8F, đường kính đầu gần ≤2.3F. -Áp lực thông thường: 8 atm (φ1.5mm-3.0mm) / 6 atm (φ3.5mm-4.0mm). - Áp lực vỡ bóng: 16 atm (φ1.5mm-3.5mm) / 14 atm (φ4.0mm). -Đường kính: 1.5-4.0mm, chiều dài: 9-30mm. -Tiêu chuẩn ISO và CFS. 	Cái	30
210	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi, có điểm nổi trên thân bóng giúp chống trượt	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành bán đàn hồi phủ hydrolubric (lớp phủ bề mặt ưa nước giảm ma sát). Có 16 điểm nổi trên 4 dây của thân bóng giúp chống trượt - Chiều dài đầu tít ≥ 4mm. - Khẩu kính đầu vào: 0.017, Tiết diện ngang ≤ 0.040" (bóng kích cỡ 2.5mm) - Vật liệu: bán đàn hồi polyamide. - Có 2 vạch cân quang nằm ở đầu gần và xa của bóng - Đường kính: phủ trong khoảng 2.5-4.0mm. - Chiều dài: phủ trong khoảng 8-16mm, (tối thiểu có các chiều dài 8mm, 12mm, 16mm) 	Cái	50
211	Bóng nong mạch vành lưỡng tính (2 trong 1), các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành bán đàn hồi phủ hydrolubric (lớp phủ bề mặt ưa nước giảm ma sát) - Bóng 2 trong 1 với: <ul style="list-style-type: none"> + Áp lực < 16atm: hoạt động như bóng mềm/độ giãn nở bóng cao. + Áp lực 16-20atm: hoạt động như bóng cứng/độ giãn nở bóng thấp. - Khẩu kính đầu vào: 0.017". Tiết diện ngang ≤ 0.024" (bóng kích cỡ 1.5-2.0mm) - Vật liệu bóng: semi-compliant polyamide, chiều dài đầu tít từ 2-4mm - Áp suất định mức (NP) 11atm. Áp suất vỡ bóng (RBP) lên đến 20atm. Có 2 vạch cân quang dài 1.0mm ở hai đầu bóng. - Đường kính: phủ trong khoảng 1.5-4.5mm - Chiều dài: phủ trong khoảng 10-20mm 	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
212	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel dạng tinh thể, với Polymer tự nhiên ưa nước, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch RX gấp 3 nếp, phủ đều thuốc Paclitaxel dạng tinh thể bằng lớp polymer Shellac ưa nước. - Liều thuốc: 3.00 µg/mm², độ dày phủ thuốc trung bình ≤ 10µm. - Đường kính bóng: từ ≤ 2mm đến ≥ 4.00mm (tối thiểu có các kích cỡ 3.25mm và 3.75mm) - Chiều dài bóng từ ≤ 10mm đến ≥ 40mm. - Áp suất định mức (NP) 8atm - Áp suất vỡ bóng (RBP) lên tới 16 atm (đường kính bóng từ 3.75mm đến 4.00mm) - Khẩu kính đầu vào 0.017". Khẩu kính bóng: 0.806mm. - Thân ống thông đoạn xa phủ Hydrophilic. - Chiều dài khả dụng ≥ 1450mm. - Tiêu chuẩn: ISO 	Cái	15
213	Miếng ghép tạo hình sọ chất liệu polyethylene kích cỡ lớn (dùng cho một bên bán cầu)	<p>Chất liệu Polyethylene, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển. Miếng ghép có diện tích lớn, thiết kế theo chiều cong sinh lý của một bên hộp sọ, kích cỡ 174mm x 133mm x 5.0mm trái/ phải</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA</p>	Miếng	2
214	Miếng ghép tạo hình đường cắt xương sọ chất liệu Polyethylene	<p>Chất liệu Polyethylene, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong. Hình dạng phù hợp đường cắt xương sọ. Chiều dài 10-15cm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA</p>	Miếng	6
215	Miếng ghép tạo hình lỗ khoan xương sọ chất liệu Polyethylene	<p>Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong, hình dạng phù hợp dành cho các lỗ khoan sọ, đường kính 2-4cm</p> <p>Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA</p>	Miếng	20
216	Miếng vá màng cứng Collagen loại tự dính cỡ 5x5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu từ Collagen, thiết kế toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc. Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau 12 tháng, công nghệ tự dính, cỡ 5cm x 5cm - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Miếng	10
217	Miếng vá màng cứng Collagen loại tự dính cỡ 7.5x7.5cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu từ Collagen, thiết kế toàn bộ miếng vá đều có các vi hốc. Đặc tính tự tiêu và biến thành màng cứng tự thân sau 12 tháng, công nghệ tự dính, cỡ 7.5x7.5cm - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Miếng	3
218	Keo sinh học vá màng cứng vùng não và cột sống	<ul style="list-style-type: none"> - 1 bộ gồm xylanh kép, gồm dung dịch polyethylen Glycol và dung môi (buffer). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Cái	10
219	Stent graft động mạch chậu các loại, các cỡ, dạng bóp thả	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho phình động mạch chủ-chậu, có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F. GW 0.035" . Dài 113 cm . - Đầu gần có stent chữ M: giúp chống gấp gãy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gấp nếp. - Có marker hình chữ E. - Thiết kế hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-rời-Thả, điều khiển bằng 2 tay giúp đặt stent ở đúng vị trí mong muốn. Nắp cuối có chức năng dẫn hướng cho dây dẫn hướng trung tâm và hướng bên cũng như cơ chế nhà để cố định stent ở đầu xa - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 14mm -18mm đối với đầu gần và từ 10mm đến 14mm đối với đầu xa, 8mm nhánh bên. - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. -Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE 	Cái	1

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
220	Khung giá đỡ (Stent) động mạch chậu có lớp phủ sinh học vĩnh viễn loại tự nở	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch chậu loại tự nở, chất liệu hợp kim Nickel Titanium (Nitinol) - Độ dày khung: 220 μm - Bề mặt stent được phủ lớp Carbon sinh học vĩnh viễn - Có 6 dấu móc chất liệu Tantalum chắn bức xạ tại 2 đầu stent (mỗi đầu 3 dấu móc) - Chiều dài: từ 20 đến 100 mm - Đường kính: từ 9 đến 12 mm - Ống thông mang stent được thiết kế theo kiểu Over the wire (OTW) - Thiết kế theo phương pháp Công thái học cho phép sử dụng hệ thống nhà stent bằng một tay và cơ chế nhà kép. Khóa an toàn có thể tháo rời - Tương thích dây dẫn 0,035", Sheath 6F - Chiều dài ống thông: 85 cm và 135 cm - Có chứng nhận ISO, CE 	Cái	3
221	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ, miếng chính, dạng xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho phình và bóc tách động mạch chủ Bụng Chậu gồm loại 2 bên (MB) hoặc 1 bên (AUI), có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F-20F (phần thân chính). - Đầu gần có stent chữ M giúp chống gập gãy, áp sát thành mạch và hạn chế sự gập nếp. Phần Sheath phủ Hydrophilic giúp đi đến tổn thương tốt hơn. Có marker hình chữ E ngược và ring marker ở chân gần. - Kích cỡ: Đường kính từ 23mm đến 36mm đối với stent đầu gần và 13mm đến 19mm đối với stent đầu xa. - Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> + Stent: Nitinol + Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE 	Cái	1
222	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ, miếng phụ, dạng xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng để nối dài cho bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic, có đường kính ngoài từ 14F đến 20F, bung stent bằng cách xoay tròn. - Đường kính đầu xa: từ 10mm đến 36mm. - Chiều dài: từ 49mm đến 199mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA. 	Cái	1
223	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ, miếng chính dạng bóp thả	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho phình động mạch chủ dưới thận (bụng-chậu) gồm loại 2 bên (MB) hoặc 1 bên (AU), có kích thước hệ thống dẫn nhỏ nhất 18F - 20F (phần thân chính). - Đầu gần: được cắt bằng laser với móc giúp áp sát thành mạch và cố định tốt. - Phần Sheath có phủ lớp ưa nước giúp đi đến tổn thương tốt hơn. - Có marker hình chữ E ngược và ring marker ở chân gần. - Thiết kế hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-rời-Thả, điều khiển bằng 2 tay giúp đặt stent ở đúng vị trí mong muốn và có cơ chế giải phóng phần stent cố định cắt bằng laser ở đầu gần. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 23mm đến 36mm đối với đầu gần và 13mm đến 19mm đối với đầu xa. - Chất liệu: Stent: Nitinol Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE 	Cái	1

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
224	Stent graft động mạch chủ bụng các loại, các cỡ, miếng phụ dạng bóp thả	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với bộ khung giá đỡ động mạch chủ bụng phía trên để sử dụng khi cần ghép thêm cho bệnh nhân, gồm 3 thiết kế (CL, IE, AE) có kích thước hệ thống dẫn từ 16F - 20F - Đầu gần: được cắt bằng laser với móc giúp áp sát thành mạch và cố định tốt. - Có marker hình chữ E ngược và ring marker ở chân gần. - Thiết kế hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-rời-Thả, điều khiển bằng 2 tay giúp đặt stent ở đúng vị trí mong muốn và có cơ chế giải phóng phần stent cố định cắt bằng laser ở đầu gần. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 13mm đến 38mm đối với đầu gần và 10mm đến 38mm đối với đầu xa. - Chất liệu: Stent: Nitinol Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE 	Cái	1
225	Stent graft cho động mạch chủ ngực miếng chính dạng xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Bao gồm 1 miếng chính và các miếng phụ nếu cần để đảm bảo che phủ hết tổn thương trong một lần can thiệp. - Đầu gần có 8 đỉnh stent trần không có lớp phủ, dài 12mm giúp stent bám chắc vào thành mạch - Có 4 marker hình số "8" ở đầu gần và 1 marker hình số "8" ở giữa thân stent, 2 marker hình "O" ở đầu xa giúp tăng khả năng quan sát. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic có đường kính ngoài từ 22F đến 25F. - Đường kính stent: từ 22mm đến 46mm. - Chiều dài bao phủ của stent: từ 100mm đến 212mm - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA. 	Cái	1
226	Stent graft cho động mạch chủ ngực miếng phụ dạng xoay	<ul style="list-style-type: none"> - Có 4 marker hình số "8" ở đầu gần và 1 marker hình số "8" ở giữa thân stent, 2 marker hình "O" ở đầu xa giúp tăng khả năng quan sát. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước hydrophilic có đường kính ngoài từ 22F đến 25F - Đường kính stent: từ 22mm đến 46mm. - Chiều dài bao phủ của stent: từ 100mm đến 205mm - Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: CE, FDA. 	Cái	1
227	Stent graft động mạch chủ ngực các loại, các cỡ, miếng chính dạng bóp thả	<ul style="list-style-type: none"> - Stent graft sử dụng cho phình, bóc tách động mạch chủ ngực. - Có 2 thiết kế Straight Open và Twin Stent làm cho đầu gần của stent bám chắc hơn, giảm thiểu di lệch. - Thiết kế hệ thống bung stent theo cơ chế Bóp-rời-Thả điều khiển bằng 2 tay giúp đặt stent ở đúng vị trí mong muốn và có khoá an toàn giúp giảm rủi ro trong thủ thuật. - Đường kính 20F, 22F, 24F - Có nhiều cấu hình stent graft với đường kính khác nhau tương thích với nhiều loại giải phẫu bệnh hơn. - Có từ 3-5 marker làm bằng hợp kim Pt-Ir được may vào phần polyester của stent graft để cải thiện khả năng nhìn thấy bởi tia X. - Kích cỡ: Đường kính của Stent từ 24mm đến 44mm dài 80mm đến 230mm. - Chất liệu: Stent: Nitinol Graft: Polyester đa sợi mật độ cao. - Tiêu chuẩn: ISO 	Cái	1

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
228	Van động mạch chủ sinh học thoái hóa trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Van động mạch chủ sinh học màng ngoài tim bò: - Khung van chất liệu hợp kim (thành phần chính gồm nguyên tố Cobalt và Chromium), vòng may chất liệu PET(polyester), vòng hỗ trợ chất liệu acetal polymer - Đường kính van động mạch chủ: 19, 21, 23, 25, 27 mm - Chiều cao van động mạch chủ: 14, 15, 16, 17, 18 mm - Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí ở điểm tiếp giáp giữa các lá van giúp dễ dàng khâu và định hướng van - Lá van được xử lý bằng quy trình chống canxi hóa giúp kéo dài độ bền - Dung dịch bảo quản: Glutaraldehyde - Tương thích điều kiện MRI đến 3.0 Tesla - Tiêu chuẩn chất lượng: EC (Châu Âu) , ISO (13485:2016) 	Cái	2
229	Van động mạch chủ sinh học thoái hóa trung bình van 2 lá	<ul style="list-style-type: none"> - Van hai lá sinh học được cấu thành từ 3 lá van bằng màng ngoài tim bò: - Khung van bằng hợp kim Elgiloy (thành phần chính gồm nguyên tố Cobalt và Chromium), vòng khâu đan bằng sợi PET(polyester), vòng hỗ trợ chất liệu Acetal Polymer - Đường kính van hai lá: 23, 25, 27, 29, 31 mm - Chiều cao van hai lá: 15, 16, 17, 18 mm - Vòng khâu van có đánh dấu 3 vị trí ở điểm tiếp giáp giữa các lá van giúp dễ dàng khâu và định hướng van - Tính năng, công nghệ: - Lá van được xử lý bằng quy trình chống canxi hóa giúp tăng độ bền - Dung dịch bảo quản: Glutaraldehyde - Tương thích điều kiện MRI đến 3.0 Tesla - Tiêu chuẩn chất lượng: EC (Châu Âu) , ISO (13485:2016) 	Cái	2
230	Khung giá đỡ (Stent) động mạch đùi có lớp phủ sinh học vĩnh viễn loại tự nở	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch đùi loại tự nở, chất liệu hợp kim Nickel Titanium (Nitinol) - Độ dày khung: 190 μm - Bề mặt stent được phủ lớp Carbon sinh học vĩnh viễn BIS (Bio Inducer Surface) - Có 6 dấu móc chất liệu Tantalum chắn bức xạ tại 2 đầu stent (mỗi đầu 3 dấu móc) - Chiều dài: từ 20 đến 150 mm - Đường kính: từ 6 đến 8 mm - Ống thông mang stent được thiết kế theo kiểu Over the wire (OTW) - Thiết kế theo phương pháp Công thái học cho phép sử dụng hệ thống nhà stent bằng một tay và cơ chế nhả kép. Khóa an toàn có thể tháo rời - Tương thích dây dẫn 0,035", Sheath 6F - Chiều dài ống thông: 85 cm và 135 cm - Có chứng nhận ISO, CE 	Cái	2
231	Khung giá đỡ (Stent) động mạch chi loại tự nở phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch chi loại tự nở, chất liệu hợp kim Nickel Titanium (Nitinol); độ dày khung: 190 μm - Phủ hỗn hợp thuốc gồm: Sirolimus và axit béo; mật độ phủ thuốc 0.9 μg/mm²; chứa trong khoang - Bề mặt stent được phủ lớp Carbon sinh học vĩnh viễn, tương thích tốt với mạch máu và ngăn phát tán ion kim loại gây phản ứng dị ứng - Có 6 dấu móc chất liệu Tantalum chắn bức xạ tại 2 đầu stent (mỗi đầu 3 dấu móc) - Chiều dài: từ 20 đến 150 mm - Đường kính: từ 6 đến 8 mm - Ống thông mang stent được thiết kế theo kiểu Over the wire (OTW), chiều dài: 85 cm và 135 cm - Tương thích dây dẫn 0.035", Sheath 6F - Có chứng nhận ISO, CE 	Cái	2

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
232	Bóng phủ thuốc mạch ngoại vi	<p>Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liều lượng thuốc: 3µg/mm². - Ống thông mang bóng: bên trong là vật liệu HDPE. Bên ngoài thân là vật liệu Grilamid. - 2 markers bằng chất liệu Platinum và Iridium. - Thời lượng giữ bóng ở trạng thái phồng ít nhất 30 giây để thuốc hoàn toàn bám vào thành mạch. - Ống thông thiết kế kiểu Over The Wire (OTW) tương thích với dây dẫn 0.014", 0.018" và 0.035" - Kích cỡ: Đường kính: 1.5 - 8.0 mm; Chiều dài: 40 - 150 mm - Có 2 loại chiều dài thân ống thông 75cm và 130cm - Đóng gói riêng lẻ, tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 	Cái	3
233	Mạch máu nhân tạo loại chia đôi dài 40cm	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất từ công nghệ dệt kim sợi cuộn, cấu trúc nhung đôi - Cấu trúc nhung đôi đảm bảo làm lạnh đoạn ghép tốt - Chất liệu sợi polyester (polyethylene terephthalate), được ngâm tẩm với Gelatin bò biến tính có thể hấp thụ được. - Không bị rỉ/ lỗ trên bề mặt. Kỹ thuật tẩm không aldehydes, tương thích sinh học. - Lực lưu giữ vết khâu cao - Mật độ gelatin (Polygelin): 3.4-6.5 mg/cm² thành mạch. - Độ xốp ban đầu bằng 0 ml/min/cm². - Đường kính: 12 x 6 mm/ 12 x 7 mm/ 14 x 7 mm/ 14 x 8 mm/ 16 x 8 mm/ 16 x 9 mm/ 18 x 9 mm/ 18 x 10 mm/ 20 x 10 mm/ 20 x 11 mm/ 22 x 11 mm/ 24 x 12 mm; Chiều dài 40 cm 	Cái	2
234	Mạch máu nhân tạo thẳng dài 30cm	<p>Mạch máu nhân tạo loại thẳng được sản xuất từ công nghệ dệt kim, cấu trúc nhung đôi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dùng trong thủ thuật tái cấu trúc động mạch chủ ngực - bụng - Chất liệu sợi polyester (polyethylene terephthalate) - Được ngâm tẩm với Gelatin bò biến tính có thể hấp thụ (thủy phân) được. Kỹ thuật tẩm không chứa aldehydes, tương thích sinh học. - Mật độ gelatin (Polygelin): 3.4-6.5 mg/cm² thành mạch. Độ dày ≤ 0,5mm - Độ xốp ban đầu bằng 0 ml/min/cm²; Không bị rỉ/ lỗ tổ ong trên bề mặt. - Lực lưu giữ vết khâu cao ≥ 0,3 kgf/m² - Đường kính: 6 - 24 mm; Chiều dài: 30 cm 	Cái	2
235	Mạch máu nhân tạo 100CM	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất từ công nghệ dệt kim, cấu trúc nhung đôi - Chất liệu sợi polyester (polyethylene terephthalate), - Được ngâm tẩm với Gelatin bò biến tính có thể hấp thụ được, - Mật độ gelatin (Polygelin): 3.4-6.5 mg/cm² thành mạch. - Độ xốp ban đầu bằng 0 ml/min/cm² - Không bị rỉ/ lỗ trên bề mặt. Kỹ thuật tẩm không chứa aldehydes, tương thích sinh học. - Lực lưu giữ vết khâu cao - Đường kính 6, 7, 8 MM; chiều dài 100 CM 	Cái	2

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
236	Bóng cứng NC nong mạch ngoại vi	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống RX với lòng trong ống dài 60cm tăng cường lực đẩy cho tổn thương ở đoạn xa. - Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax, bóng cứng không giãn nở (Non-Compliant) - Công nghệ Z-Tip, chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) - Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.017 inch - Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.039 inch - Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 18-22 atm. - Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Số marker cân quang: 2-4 Chiều dài ống: 150 cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5
237	Vi ống thông hỗ trợ ca ngoại biên thân Shinka đầu tip 1.5F, thân ống 2.3F	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế ống Shinka cho phép xoay cả hai chiều thông qua tổn thương khó, đầu tip kim loại bền vững tiết diện thâm nhập 0.020 inch (0.5 mm), đoạn ống 100 mm từ đầu tip có độ hỗ trợ cao. - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5F/2.3F Dây dẫn tương thích 0.014 inch Lớp phủ ái nước 23, 30, 70, 115cm Chiều dài khả dụng: 60, 90, 135, 150 cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5
238	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên với cấu trúc đơn lõi	<ul style="list-style-type: none"> - Tip load 1.0gf, 4.0gf, 12.0gf, 20.0gf, 30.0gf, 40.0gf - Đường kính dây 0.014inch, 0.018inch - Dây dẫn đơn lõi one-piece core mang lại độ phản hồi mômen xoắn chính xác - Chiều dài 180cm, 190cm, 200cm, 300cm - Lớp phủ ái nước (trừ đầu tip)/ ái nước trên nền polymer - Hình dạng đầu tip: thẳng/ định hình sẵn/ đầu tip hình chóp (micro-cone) hoặc thuôn nhọn (tapered) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510k 	Cái	5
239	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên với cấu trúc vòng xoắn kép	<ul style="list-style-type: none"> - Tip load 3.0gf, 4.0gf, 7.5gf, 12.0gf - Đường kính dây 0.014inch, 0.018inch - Dây dẫn đa lõi và cấu trúc lõi hình trụ tròn tăng khả năng truyền moment xoắn và độ bền đầu tip cao - Chiều dài 190cm, 200cm, 235cm, 300cm - Lớp phủ ái nước (trừ đầu tip)/ ái nước trên nền polymer - Hình dạng đầu tip: thẳng/ định hình sẵn/ đầu tip hình chóp (micro-cone) - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FDA 510k 	Cái	5
240	Sheath mở đường van cầm máu 6 cạnh xoắn cắt	<ul style="list-style-type: none"> - Van cầm máu thiết kế 6 cạnh xoắn cắt hỗ trợ di chuyển ống thông tự do mà không bị trào ngược máu hoặc hút khí. - Ống cannula 2 lớp đàn hồi, tăng cường chống xoắn giúp linh hoạt, dễ dàng tiếp cận mạch quanh co. - Lớp phủ silicone (cannula và dilator) - Đoạn xa đầu tip được phủ lớp Tungsten giúp định vị cân quang tốt hơn. - Kích thước: thuộc trong khoảng 4 F - 11 F - Đường kính tip của dilator: 25mm, 35mm, 45mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
241	Bóng nông ngoại vi 0.035 OTW chất liệu Nylon (Grilamid)	<ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế OTW. Chất liệu bóng: Nylon (Grilamid) Đầu tip thuận nhỏ tăng cường khả năng lặn qua tổn thương - Đường kính bóng: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mm. - Chiều dài bóng: 20, 40, 60, 80, 100, 120, 150, 200, 250, 300 mm. - Áp lực thường: 8-10 atm. - Áp lực gây vỡ bóng: 12-24 atm - Marker cân quang đoạn gần và xa (có marker kép ở đầu xa đối với bóng có chiều dài ≥ 100 mm) - Lớp phủ ái nước kép dài 35cm tăng khả năng lặn theo dây dẫn - Chiều dài khả dụng của ống thông: 40, 80, 135 cm. Sheath tương thích: 5-7F - Dây dẫn tương thích: 0.035" - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5
242	Bóng ngoại vi phủ thuốc Paclitaxel	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng phủ thuốc Paclitaxel - Liều lượng thuốc: 3.0 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.017" (0.43 mm) - Cấu trúc vi tinh thể hình kim của Paclitaxel hoạt động như một kho dự trữ chứa thuốc và duy trì giải phóng liên tục trong 30 ngày. - Cấu trúc truyền thuốc ở cấp độ phân tử: Butyryl-Tri-Hexyl Citrate (BTHC) - Vùng phủ thuốc: Phần hình trụ và đoạn thuận lại của bóng, 2 dải marker cân quang Platinum Iridium - Số nếp gấp bóng: 3 ($\text{Ø}2.0 - 2.5$); 5 ($\text{Ø}3.0 - 7.0$) - Sheath tương thích: 5F ($\text{Ø}2.0 - 5.0$); 6F ($\text{Ø}6.0 - 7.0$) - Dây dẫn đường kính tối đa: 0.018" (0.46 mm) - Đường kính bóng: 2.0 mm/ 2.5 mm/ 3.0 mm/ 4.0 mm/ 5.0 mm/ 6.0 mm/ 7.0 mm - Chiều dài bóng: 40 mm/ 60 mm/ 80 mm/ 120 mm/150 mm - Áp lực thường: 7 atm - Áp lực ngưỡng: 11 - 13 atm - Chiều dài khả dụng của ống thông: 85cm, 150 cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5
243	Vi ống thông hỗ trợ ca ngoại biên thân Shinka trục gần 2.8F trục xa 2.1F	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc bên và cuộn kép tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hướng, hỗ trợ dây dẫn và hạn chế tình trạng ống bị xoắn và giãn. - Đường kính ngoài (trục gần/ xa): 2.8F / 2.1F - Đường kính trong trục ống: 0.0185" - Đường kính trong/ngoài của đầu tip: 0.0157"/0.0190" - Đầu Tip cân quang: 6 mm, tungsten - Lớp phủ ái nước: 60 cm (từ đầu tip) - Chiều dài khả dụng: 90,135,150 cm - Ống thông tương thích: $\geq 4\text{F}$ - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE 	Cái	5
244	Bộ bơm bóng áp lực cao 30ATM, mặt đồng hồ phát quang	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ bơm bóng gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Kết nối chữ Y, + Khóa 3 chạc áp lực 1200 psi, + Dây mở rộng 25cm, + Dụng cụ chèn 21G, + Torquer 0.014"/0.035". - Dung tích: 20ml, Áp lực 30atm - Chất liệu Polycarbonate, chịu được áp lực tốt, tay cầm chữ T. - Mặt đồng hồ áp lực gập góc, phát quang có dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi. - Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click và Push-pull, có áp lực lên đến 1200 psi. - Sản xuất tại nước thuộc khu vực Châu Âu - G7 - Chứng nhận: ISO 13485:2016, CE 	Bộ	600
245	Manifold 3 cửa	<ul style="list-style-type: none"> Chịu áp lực 500psi, 2-3 cửa. Loại van: mở, đóng. Gồm loại có và không có dây nối. Tiết khuẩn ETO. Tiêu chuẩn ISO 13485. 	cái	700

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
246	Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao	Chất liệu PVC/TPU, đường kính trong 0.056" (1.44mm), chịu áp lực 1200psi, tiệt khuẩn ETO. Chiều dài: 30, 60, 90, 120, 150, 180cm. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	600
247	Dây dẫn chẩn đoán	Dây dẫn chẩn đoán có lõi bằng thép không gỉ, lớp phủ Teflon dạng cuộn. Đầu tip dạng thẳng hoặc J. Đường kính: 0.035", 0.038". Chiều dài: 150cm. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	700
248	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay	Bộ dụng cụ mở đường mạch quay phủ lớp ái nước, có van cầm máu silicon và thiết kế khóa đặc biệt. - Chuyển đổi mượt mà từ ống nong sang vỏ bọc giúp giảm đáng kể lực cản khi đâm xuyên. - Bao gồm: sheath mở đường (1), dụng cụ nong (1), dây dẫn ái nước (1), catheter nội mạch (1), dao mổ (1), bơm tiêm (1). - Sheath: đường kính 4-7F, chiều dài 5-24cm. - Dây dẫn: đường kính 0.021"-0.025", chiều dài 45-70cm. - Catheter nội mạch: 20-22G. - Tiêu chuẩn FDA (510K) và ISO 13485.	Cái	400
249	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Novolimus hoặc tương đương	- Vật liệu khung giá đỡ: Cobalt Chromium, L-605. Độ dày stent: 81 µm. - Phủ thuốc Novolimus nồng độ 5µg/mm. - Phủ lớp Polymer Methacrylate dày 3µm bền vững. - Chất liệu bóng: Nylon Copolymer. - Thiết diện cắt ngang 0.041" (1.04 mm). Hệ thống đẩy stent: chiều dài catheter 140 cm, Thiết diện đầu tip 0.017" (0.43 mm). - Đường kính: 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm. - Chiều dài: 14, 18, 23, 28, 32, 38mm. - Áp lực thường: 9atm. Áp lực nổ: 16 atm. - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.36 mm, catheter 5F. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO. Chứng nhận CE.	Cái	25
250	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus, chất liệu CoCr, lớp polymer tự tiêu	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus, - Chất liệu L605 CoCr, độ dày khung stent 75 µm, lớp polymer tự tiêu PLGA. - Thiết kế mắc cáo mở, dạng sóng Sin, 8 đỉnh liên kết 3-3-3, hình xoắn ốc kép. - Tỷ lệ kim loại trên động mạch 15%, độ co lại theo đường kính 3.4%, độ co ngắn <1%. - Tiết diện cắt ngang: 0.035" (0.90mm). - Áp lực thông thường 8atm. - Áp lực vỡ bóng 16atm đối với đường kính 2.5-3.0mm, 14atm đối với đường kính 3.0-4.5mm. - Đường kính stent: 2.5-4.5mm, chiều dài stent: 12, 15, 18, 21, 24, 29, 33, 36mm. - Tiêu chuẩn ISO và CFS.	Cái	25
251	Túi vô trùng được thiết kế để che phủ động cơ trong quá trình siêu âm nội mạch	1. Túi vô trùng bao gồm một túi dài, hẹp làm bằng polyethylene mật độ thấp với một đầu mở. 2. Đóng gói trong màng nylon/polyethylene và túi Tyvek 3. Kích thước túi: chiều dài 72.00 ± 2.00 inche, chiều rộng 13.00 ± 0.25 inches 4. Tiệt khuẩn E-Beam 5. Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	20
252	Ống thông siêu âm nội mạch vành HD tần số 60MHz	Đầu dò siêu âm mạch vành tần số 60MHz, có tần số hoạt động 60MHz, đường kính vượt qua tổn thương 3.1F; đường kính đầu vào 0.66mm (0.026"); Độ phân giải trục 22µm. Độ phân giải bên (Lateral resolution): 50 - 140µm Tương thích ống thông 5F trở lên Độ sâu thâm nhập mạch máu 6mm. Phủ ái nước Bioslide. Chiều dài hệ thống 135cm, Tiệt khuẩn Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
253	Ống thông phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL)	<p>Ống thông phá mảng vôi hóa nội mạch vành (IVL).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ống thông IVL tích hợp điện cực sóng xung kích, tạo ra các xung áp suất âm tại vị trí tổn thương giúp phá hủy các mảng vôi hóa. - Các điện cực sóng xung kích được phân bố trên toàn bộ chiều dài hoạt động của bóng nong. - Chế độ hoạt động: 1 xung/1 giây, tối đa 10 xung liên tiếp trong một chu kỳ, mỗi ống thông tối đa 8 chu kỳ. - Chiều dài hoạt động: 1420 mm - Đường kính bóng: 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng: 12mm và 15mm - Áp suất điều trị: 6 atm - Áp suất danh định: 8 atm - Áp suất vỡ danh định: 20 atm - Đầu xa có hai điểm đánh dấu cân quang và lớp phủ ưa nước từ đầu xa đến cổng đổi dây dẫn. - Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F. 	Cái	6
254	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính bóng: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.5; 4.0; 4.5mm. Chiều dài bóng: 9; 12; 14; 15; 17; 20; 25; 30mm. Chiều dài khả dụng: 142cm - Chất liệu: bóng bán đàn hồi, được phủ thuốc Sirolimus kết hợp hạt nano lipid rắn (SLN), nồng độ phủ thuốc 3.0 µg/mm² - Đặc tính: Áp suất tối đa: 14/16 ATM; Áp suất danh nghĩa: 7 ATM. Guidewire tương thích 0.014". Có điểm cân quang trên thân bóng. Công thức thuốc ổn định, giải phóng có kiểm soát và nhắm trúng đích. - Tiêu chuẩn: CE, ISO13485 	Cái	40
255	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Biolimus	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nong mạch vành bán đàn hồi chất liệu Pebax 7233. - Phủ thuốc Biolimus với hàm lượng 3µg/mm², chất mang Poly(ethylene oxide) - PEO. - Đường kính bóng: 2.00mm - 4.00mm - Dài 10mm - 45mm - Đường kính thân đoạn xa: 2.6F, đoạn gần: 2.1F. - Áp lực định danh: 6 atm. - Áp lực tối đa: 16 atm (2.00-3.00mm), 14 atm (3.50-4.00mm). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. 	Cái	30
256	Bóng nong mạch vành áp lực cao có lớp phủ ái nước	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính bóng: 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 4.0; 4.5; 5.0mm. Chiều dài bóng: 8; 10; 12; 13; 15; 18; 23; 28; 30; 35; 38mm. Chiều dài khả dụng: 142cm - Chất liệu: Nylon, không đàn hồi - Đặc tính: có lớp phủ ái nước. Độ dài đầu tip: 3.5±0.5 mm. Dây dẫn tương thích 0.014". Áp suất tối đa: 20 ATM; Áp suất danh nghĩa: 12 ATM. - Tiêu chuẩn: MDR, ISO13485, FDA 	Cái	70
257	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi có lớp phủ ái nước	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: Đường kính bóng: 1.25; 1.5; 2.0; 2.25; 2.5; 2.75; 3.0; 3.25; 3.5; 4.0; 4.5mm. Chiều dài bóng: 6; 9; 12; 14; 15; 17; 20; 25; 30; 33; 38; 41mm. Chiều dài khả dụng: 142cm. - Chất liệu: Novalon (Nylon), bán đàn hồi - Đặc tính: có lớp phủ ái nước. Độ dài đầu tip: 3.5/5.0mm tùy theo đường kính. Dây dẫn tương thích 0.014". Áp suất tối đa: 14/16 ATM; Áp lực danh nghĩa: 7 ATM - Tiêu chuẩn: MDR, ISO13485, FDA 	Cái	70
258	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao chiều dài lên tới 40mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu polymer bề mặt nhẵn bóng giúp hạn chế va chạm với các thanh stent. - Chiều dài ống thông sử dụng: 1414 mm - Áp suất danh định 10 atm. Áp suất vỡ bóng 18 atm - Đường kính thân xa: 0.90 mm. Đường kính thân gần: 0.72 mm - Đường kính vượt tổn thương tối thiểu: 0.8 mm - Hai điểm đánh dấu bằng hợp kim Platinum- iridium - Đường kính bóng: từ 1.5mm đến 5.0mm - Chiều dài bóng: từ 8mm đến 40mm - Tip profile: 0.016" - Có ít nhất 1 CFS của châu Âu 	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
259	Bóng nong mạch vành loại áp lực cao, thiết kế đa nếp gấp với chóp bóng hình nón	<ul style="list-style-type: none"> -Bóng nong mạch vành áp lực cao. Chất liệu: Nylon 12. -Thiết kế 3 nếp gấp, thiết kế chóp bóng hình nón 30°. -Lớp phủ: ái nước lên đến 50cm trên thân ống (không phủ trên bóng và chóp bóng). - Áp lực định danh (NP): 14atm, áp lực vỡ bóng (RBP) từ 18atm đến 20atm. - Hai điểm đánh dấu cản quang. - Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 8mm đến 25mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE và giấy phép lưu hành tự do (FSC) tại Châu Âu. 	Cái	70
260	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel không tá dược	<ul style="list-style-type: none"> "- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Không chứa tá dược - Nồng độ paclitaxel hiệu quả trong mô có thể được duy trì đến 28 ngày. - Bóng chất liệu bán đàn hồi. - Áp suất bóng định mức (NP): 6 atm. Áp suất vỡ bóng (RBP): 14 atm. - Paclitaxel dạng tinh thể nano hình kim và công nghệ phủ thuốc bằng phun tia siêu âm - Đường kính bóng: 2.50, 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm - Độ dài bóng: 10, 15, 17, 20, 26, 30 mm 	Cái	30
261	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc	<ul style="list-style-type: none"> Bóng nong động mạch vành phủ thuốc bởi 3 lớp 3D-Dextran-Paclitaxel Matrix. - Crossing profile nhỏ hơn 1mm. - Áp lực định danh: 6atm. - Đường kính bóng: 1.5, 2.0, 2.25, 2.5, 2.75, 3.0, 3.5, 4.0mm. - Chiều dài bóng: 10, 13, 15, 20, 25, 30, 40mm - Chiều dài hệ thống 135cm 	Cái	20
262	Ống thông nối dài dùng trong can thiệp mạch	<ul style="list-style-type: none"> Thiết kế trục ống với công nghệ dây dẫn kép với đầu vào hình dáng loe (flared) Lõi thân ống gia cố tăng cường độ cứng để dễ dàng đi qua các tổn thương canxi hoá cao Đường kính trong: 5.5F, 6F, 7F, 8F (0.052, 0.057, 0.063, 0.072 inch) Đường kính ngoài: 0.064, 0.068, 0.076, 0.086 inch Được chỉ định có thể dùng để truyền dịch Chiều dài khả dụng: 150cm. *Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE *Nhóm nước sản xuất: G7 	Cái	30
263	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng có nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân, ghi nhận 14 phút điện tim và bảo hành 10 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn. - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc 	Bộ	4

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
264	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng có nhịp đáp ứng vận động, cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân, ghi nhận 14 phút điện tim và bảo hành 8 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép chụp MRI 3 Tesla toàn thân không có vùng giới hạn. - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay - Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Tính năng Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Tính năng tạo nhịp kiểm nén rung nhĩ - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc 	Bộ	7
265	Bộ máy ICD 1 buồng cho phép chụp MRI toàn thân, theo dõi đoạn ST chênh, phủ lớp Parylene chống trầy xước và bảo hành 10 năm	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Thiết bị sẵn sàng cho chụp MRI cường độ từ trường 1,5 Tesla. Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Lớp phủ Parylene chống trầy xước dây điện cực. - Thuật toán phát hiện quá dòng tự động thay đổi cấu hình shock điện để bảo đảm vẫn cung cấp điều trị điện thế cao khi phát hiện quá dòng. - Chức năng ShockGuard giúp giảm sốc nhầm - Chức năng SenseAbility giúp giảm nhận cảm nhầm sóng T - Tương thích dây điện cực sốc chuẩn DF4 - Chức năng tạo nhịp cắt cơn nhịp nhanh ATP trước khi sạc và trong khi sạc tụ ở vùng VF - Có khả năng theo dõi ST chênh cho phép liên tục hiểu thấu các sự kiện chênh đoạn ST rõ rệt, có liên quan đến các cơn loạn nhịp thất. - Năng lượng phát sốc 36J - Trọng lượng 67g, thể tích 30 cc 	Bộ	1
266	Ống thông hỗ trợ cấy điện cực tạo nhịp hệ thống dẫn truyền	<ul style="list-style-type: none"> Catheter có đầu cong đa dạng, có van cầm máu, có kèm dụng cụ cắt bỏ catheter sau khi hoàn thành thủ thuật. - Catheter phù hợp với dây điện cực 6F. - Catheter có đường kính trong 7F, đường kính ngoài 9F - Phù hợp với một dây điện cực 6 F với chiều dài tối thiểu 58 cm đối với ống thông 42 cm và điện cực dài 65 cm đối với ống thông 45cm. 	Cái	3
267	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi	<ul style="list-style-type: none"> "- Bóng bán đàn hồi chất liệu Pebax - Lớp phủ ái nước - Áp suất định mức: 6 atm, Áp suất căng bóng tối đa: 14 atm - Có thể sử dụng cho kỹ thuật bóng tiếp giáp (Abutment balloon technique) - Dầu cản quang: 1 dầu đối với chiều dài bóng ≤ 2.0 mm, 2 dầu đối với chiều dài bóng > 2.0 mm - Số nếp gấp bóng: 3 - Khẩu kính đầu vào tổn thương: 0.41 - 0.48mm - Đường kính thân đầu gần: 0.63mm (1.89F) - Đường kính thân đầu xa: 0.85mm (2.55F) - Chiều dài bóng: 5; 8; 10; 12; 15; 17; 20; 26; 30mm - Đường kính: 1.00; 1.25; 1.50; 1.75; 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.25; 3.50; 4.00mm - Thời gian bơm bóng: trong vòng 20 giây 	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
268	Bóng nong mạch vành không đàn hồi đường kính từ 2.0 đến 4.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng không đàn hồi chất liệu Nylon - Lớp phủ ái nước - Áp suất định mức: 12 atm, Áp suất vỡ bóng: 22 atm - Có thể sử dụng cho kỹ thuật bóng tiếp giáp (Abutment balloon technique) - Dầu cản quang: 2 dầu - Số nếp gấp bóng: 3 - Khẩu kính đầu vào tổn thương: 0.41 - 0.48mm - Đường kính thân đầu gần: 0.64mm (1.92F) - Đường kính thân đầu xa: 0.89mm (2.67F) - Chiều dài bóng: từ 8 mm đến 18 mm (8; 10; 12; 15; 18mm) - Đường kính: từ 2.0 mm đến 4.5 mm (2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.25; 3.50; 3.75; 4.00; 4.50mm) - Thời gian bơm bóng: trong vòng 20 giây 	Cái	120
269	Bóng nong mạch vành phá mảng vôi hoá trong lòng mạch sử dụng lực	<ul style="list-style-type: none"> Bóng nong sử dụng lực tiếp xúc cơ học - Đường kính bóng: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm; 3.5mm - Chiều dài bóng 14mm - Áp suất thông thường: 5atm - Áp suất tối đa: 12atm - Chiều dài ống thông: 140cm - Đạt chứng nhận ISO; CE - Xuất xứ: Châu Mỹ 	Cái	5
270	Ống thông đưa dây tạo nhịp đến bó nhánh	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ ống thông với phụ kiện, đưa dây dẫn vào vị trí bó nhánh CSP, bó HIS hoặc bó nhánh trái với nhiều đường cong, chiều dài thích hợp. Các ống thông có lớp trơn ái thủy, dài 32 cm hoặc 39 cm - Tiệt khuẩn 	Cái	3
271	Bóng nong mạch vành có cắt mảng xơ vữa áp lực cao	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống dây dẫn kép (dây dẫn chính kèm bằng Nitinol 0.011") nong bóng tập trung lực hiệu quả. Chất liệu bóng: Nylon Số nếp gấp bóng: 3 Lớp phủ: ái nước ở đoạn xa và đầu tip, kháng nước trong lòng ống và bóng Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.034 inch (Ø 3.0 mm). Chiều dài đầu tip: 11 mm Đường kính bóng: 1.75 - 4 mm. Chiều dài: 10, 15, 20 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 20 atm. 	Cái	70
272	Bộ van cầm máu chữ Y	<ul style="list-style-type: none"> Bộ van cầm máu chữ Y bao gồm: van chữ Y (1), dụng cụ điều hướng dây dẫn (1), dụng cụ đưa dây dẫn (1). Loại kéo-đẩy hoặc xoay. Đường kính trong: 0.118" (3.0mm). Chất liệu: Polycarbonate. Dây nối dài: 20, 25, 40, 50cm. Tiêu chuẩn FDA (510k) và CE và ISO 13485. 	Cái	200
273	Kim chọc dò động mạch đùi, quay	<ul style="list-style-type: none"> Kim chọc dò động mạch 18-20 Gauge, chiều dài 38-70 mm, tương thích dây dẫn 0.021", 0.035", 0.038". Tiêu chuẩn ISO 13485. 	Cái	400
274	Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> Dụng cụ bắt dị vật kích thước nhỏ - Ba dây cáp bằng Nitinol xoắn lại với nhau - Có một dải Platinum liên kết chặt với các loop để tăng tính nhận biết - Dây Nitinol siêu đàn hồi có đặc tính là mềm dẻo, có độ chịu xoắn tốt - Có dải band marker cản quang giúp xác định thiết bị một cách chính xác. - Kích thước làm việc: 4-8mm - Chiều dài catheter: 150cm - Chiều dài của snare: 175 cm Đạt tiêu chuẩn CFG - FDA (Hoa Kỳ) 	Cái/ Bộ/ Hộp	4

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
275	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy có lớp phủ chống huyết khối	- Khung giá đỡ chuyển hướng dòng chảy dùng trong can thiệp điều trị phình mạch não - Kích thước: đường kính 2.5mm đến 8.0mm; Chiều dài 10mm đến 50mm. - Phủ lớp fibrin-heparin giúp giảm huyết khối trong stent - Tương thích với vi ống thông 0.0165"- 0.017", 0.027" và 0.039".	Cái	5
276	Bình chứa dung dịch hút huyết khối	- Kích thước: Dung tích: 1000 ml. - Đặc tính: Bình chứa dung dịch hút huyết khối, gắn với máy bơm hút huyết khối. Có đầu kết nối với dây nối hút huyết khối. Có bộ lọc ngăn chất bẩn.	Cái	15
277	Ống thông chụp mạch não dài 100cm	- Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ - Bề mặt phủ lớp polyamide, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cản quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi	Cái	100
278	Vi dây dẫn can thiệp mạch não đầu cấu trúc vòng xoắn kép	- Vi dây dẫn can thiệp có cấu trúc vòng xoắn kép - Đường kính: 0.008 inch, 0.010 inch, 0.014 inch, 0.018 inch - Chiều dài khả dụng: 200cm, 300cm - Đầu tip: straight, round curve, angled 90.	Cái	20
279	Giá đỡ điều trị hẹp mạch nội sọ	- Cấu trúc stent tự bung - Đường kính stent: 4 mm, 5 mm - Chiều dài stent: 15 mm đến 30 mm - Vi ống thông tương thích: 0.0165 inch/ 0.017 inch - Phủ lớp lót bên trong giúp giảm hình thành huyết khối trong stent	Cái	3
280	Stent mạch cảnh hệ thống Rx	- Stent mạch cảnh chất liệu nitinol, hệ thống Rx - Đường kính 5 – 10 mm - Chiều dài 20 – 40 mm - Tương thích dây dẫn 0.014" - Chiều dài khả dụng của ống thông: 135 cm - Stent tự áp sát thành mạch nhờ công nghệ Tự thuôn lại - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, FDA	Cái	10
281	Vi ống thông thả stent chuyển dòng	- Cấu tạo trục composite linh hoạt. - Đường kính trong: 0.021" và 0.027". Đường kính ngoài đầu gần - xa: 2.6F - 2.3F và 3.1F và 2.8F. - Chiều dài: 150cm	Cái	3
282	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 25cm	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene) - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	60
283	Stent lấy huyết khối mạch máu não cấu trúc mở	- Kích thước: đường kính stent từ 3mm đến 6mm; chiều dài stent từ 20mm đến 40mm - Chất liệu: nitinol - Stent có cấu trúc mở, thiết kế gấp cuộn, tự bung có thể thu hồi hoàn toàn. - Tương thích vi ống thông đường kính trong phạm vi từ 0.021 inch đến 0.027 inch. - Dây đẩy có đường kính 0.018 inch và dài 200cm	Cái	20
284	Bóng nong hẹp động mạch cảnh	- Chiều dài bóng 15 đến 40 mm và đường kính: 4.0 - 7.0 mm. - Hệ thống phân phối: RX - Tương thích ống thông 6F cho tất cả các kích thước bóng và với dây dẫn ngắn nhất 130 cm - Thân và bóng phủ lớp kỵ nước cho giảm ma sát - Tương thích dây dẫn 0.014"	Cái	15

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
285	Ống thông hút huyết khối mạch máu não	- chất liệu nitinol, thiết kế dạng coil dẹt + Đường kính trong $\leq 0.055"$ và $\geq 0.071"$ + Đường kính ngoài đầu xa $\geq 0.066"$ và $\leq 0.082"$ + Chiều dài hoạt động tối thiểu: 115 đến 131cm + Chiều dài lớp phủ ≥ 60 cm + Chiều dài đầu xa ≤ 15 cm - Kèm dây nối máy hút	Cái	20
286	Bóng chẹn cổ túi phình mạch não 2 nòng	- Cấu trúc bóng 2 nòng - Thiết kế phủ hydrophilic. - Kích thước đường kính 4.0mm, chiều dài 11mm. Chiều dài đầu xa 5mm.	Cái	5
287	Stent nội mạch làm thay đổi hướng dòng chảy	- Stent kép 2 lớp hoạt động với cơ chế tự bung nở, chất liệu nitinol. - Stent có lớp phủ làm giảm sự kết dính của tiểu cầu và giảm hình thành huyết khối. - Đường kính stent từ 2.5mm - 5.5mm. - Chiều dài hoạt động từ 7mm - 39mm, tổng chiều dài toàn bộ stent từ 13mm - 45mm.	Cái	2
288	Giá đỡ hỗ trợ nút phình túi mạch não	- Giá đỡ mạch não được thiết kế để sử dụng với coil. - Có 16 sợi nitinol bện vào nhau với các mắt lưới kích thước < 1 mm. - Đường kính từ 3.5mm đến 5.5 mm, chiều dài từ 12 mm đến 33 mm	Cái	3
289	Vi ống thông can thiệp thần kinh các cỡ	- Chất liệu PTFE, lớp ngoài phủ Hydrophilic. - Vi ống thông tương thích với DMSO. - Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. - Đường kính trong từ 0,017", 0,021" và 0,027", đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F, 2.5F, 3, 1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F . - Chiều dài sử dụng là 150 cm - 156cm. - Có hai markers cản quang.	Cái	50
290	Cuộn nút mạch não	- Chất liệu Platinum - có các loại 3D; Frame 3D và Helix. - Đường kính sợi coil có các loại: 0.0108", 0.0115", 0.0125", 0.0135" và 0.0145". - Đường kính vòng coil từ 1 - 25mm. - Chiều dài từ 1 - 50cm. - Cắt dễ dàng bằng dụng cụ cắt coil cơ học	Cuộn	20
291	Dụng cụ bảo vệ mạch ngoại biên	- Dụng cụ bảo vệ mạch được sử dụng trong can thiệp động mạch cảnh, động mạch vành và động mạch ngoại biên. - Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi - đường kính lưới lọc 3 đến 7mm, độ dài dây đẩy 190cm và 320cm. - Tương thích dây dẫn 0.014" và 0.018" - Chất liệu: Nitinol - Đường kính vượt tổn thương(Crossing Profile): 3.2Fr Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker - Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc, giúp lưới lọc hoàn toàn ổn định trong suốt quá trình can thiệp.	Cái	15
292	Dụng cụ đóng động mạch quay sau can thiệp loại bóng nén kép	Dụng cụ đóng động mạch quay sau can thiệp với cơ chế bóng nén kép - Bóng nén kép: giúp nén chặn lọc và chính xác động mạch quay, duy trì lưu lượng động mạch và hồi lưu tĩnh mạch. - Tấm hỗ trợ: đảm bảo động mạch trụ không bị tắc nghẽn, hỗ trợ hồi lưu tĩnh mạch, tránh chèn ép dây thần kinh giúp giảm đau cho bệnh nhân. - Chiều dài có tối thiểu 2 cỡ 24 cm và 29cm - Xuất xứ: G7	Cái	100
293	Bơm tiêm truyền áp lực các loại 10ml	Bơm tiêm truyền áp lực các loại 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Đầu xoay luer loại Fixed Male - Pít- tông màu xanh da trời Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	700

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
294	Bơm tiêm chụp mạch	Bơm tiêm chụp mạch đầu nối Luer xoay - Pít tông chắc chắn và trơn tru với nút nhấn độc đáo giúp dễ dàng thao tác. - Vạch chia rõ ràng, kiểm soát chính xác thể tích truyền dịch. - Không chứa latex. - Dung tích: 12ml. - Tiệt khuẩn ETO. - Tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	700
295	Mũi khoan sọ não tự dừng, sử dụng 1 lần	- Mũi khoan sọ tự dừng dùng trong phẫu thuật thần kinh, sử dụng 01 lần. - Đường kính 11/14mm; - Cơ cấu nhả khóa an toàn thích hợp cho cả xương phẳng và xương nhám; - Đầu cắt có mũi trung tâm chống trượt; - Sử dụng được trên độ dày xương sọ ở 1.0, 2.0 và 3.0mm, - Tương thích với máy khoan; - Dùng được cho cả người lớn và trẻ em. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE	Cái	50
296	Miếng ghép tạo hình sọ dùng cho vùng trán, chằm kích cỡ 110 x 97.5 x 5.25mm	Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong. Miếng ghép có dạng uốn cong theo hình sinh lý của hộp sọ, cỡ 110 x 97.5 x 5.25mm, phù hợp vị trí khuyết sọ vùng trán, chằm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	3
297	Miếng ghép tạo hình sọ hàm mặt	Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong. Các kích cỡ 30 x 50mm, 38 x 50mm, 50 x 76mm, 50 x 50mm, dày từ 0.45mm - 3mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	3
298	Miếng ghép tạo hình sọ dùng cho vùng thái dương trái / phải, các cỡ	Chất liệu Polyethylene tỉ trọng cao, có các vi hốc liên thông đa hướng hỗ trợ mô phát triển bên trong, loại trái / phải, các cỡ 76 x 61 x 19mm, 90 x 73 x 19mm hoặc 101 x 85 x 19mm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	5
299	Miếng ghép tạo hình sọ chất liệu titanium kích cỡ 200x200mm	- Miếng vá khuyết sọ kích thước 200x200mm - Miếng vá khuyết sọ loại có cấu trúc lưới uốn 3D - Chất liệu Titanium - Đồng bộ với vít sọ tự khoan, tự taro cùng danh mục. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	2
300	Miếng ghép tạo hình sọ chất liệu titanium kích cỡ 122x122mm	- Miếng vá khuyết sọ kích thước 122x122mm - Miếng vá khuyết sọ loại có cấu trúc lưới uốn 3D - Chất liệu Titanium - Đồng bộ với vít sọ tự khoan, tự taro cùng danh mục. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	3
301	Miếng ghép tạo hình sọ chất liệu titanium kích cỡ 50x50mm	- Miếng vá khuyết sọ kích thước 50x50mm - Miếng vá khuyết sọ loại có cấu trúc lưới uốn 3D - Chất liệu Titanium - Đồng bộ với vít sọ tự khoan, tự taro cùng danh mục. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái/ miếng	5
302	Bộ chi thép cố chốt, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Dùng để cố định ổ gãy, buộc giữ hoặc buộc tăng cường các mảnh gãy nhỏ, các đoạn xương gãy. - Có các đường kính 1.6mm -> 1.8mm, dài 650mm. - 1 bộ bao gồm: chi thép, chốt - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Bộ	10
303	Vít rộng tự nén ép 2.8 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 2.8mm. - Thiết kế vít không đầu. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 08->14mm với bước tăng 1mm, từ 14->30mm với bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
304	Vít rỗng tự nén ép 3.6 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 3.6mm. - Thiết kế vít không đầu. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 16->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->60mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
305	Vít rỗng tự nén ép 4.1 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 4.1mm. - Thiết kế vít không đầu. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 16-> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50->75mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
306	Vít rỗng tự nén ép 5.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Đường kính 5.5mm. - Thiết kế vít không đầu. - Có 3 bước ren khác nhau trên thân vít, tự nén ép ổ gãy. - Vít được bắt chìm trong xương. - Dài 25->90mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
307	Đinh nội tủy liên mẫu chuyển xương đùi loại ngắn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh nội tủy: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Có ốc lắp sẵn (bên trong) để khóa vít đầu xương - Nắp đậy bằng titanium - Hình thang có kích thước các cạnh trong khoảng 12mm - 15mm - Góc: $\leq 127^\circ$ - Diện tích bề mặt: $\leq 176\text{mm}^2$ - Có khe hở đầu xa - Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> + Chiều dài: $\leq 180\text{mm}$ + Đường kính: 10mm 2. Vít <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Vít đầu xương: đường kính 10.5mm, dài trong khoảng 70->125mm, có đoạn ren vít dài 32mm - Vít thân xương: đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 30->60mm - Vít chống xoay: đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 65->100mm 3. Đóng gói tiệt trùng chính hãng 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ G7. 	Bộ	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
308	Đỉnh nội tủy liên mấu chuyển xương đùi loại dài	<p>1. Đỉnh nội tủy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Có ốc lắp sẵn (bên trong) để khóa vít đầu xương - Nắp đáy bằng titanium - Hình thang có kích thước các cạnh trong khoảng 12mm - 15mm - Góc: $\leq 127^\circ$ - Diện tích bề mặt: $\leq 176\text{mm}^2$ - Có khe hở đầu xa - Kích cỡ: + Chiều dài: từ 240-300mm + Đường kính: 10mm <p>2. Vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Vít đầu xương: đường kính 10.5mm, dài trong khoảng 70->125mm, có đoạn ren vít dài 32mm. - Vít thân xương: đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 30->60mm - Vít chống xoay: đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 65->100mm. <p>3. Đóng gói tiệt trùng chính hãng</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. Xuất xứ G7.</p>	Bộ	10
309	Khớp háng toàn phần nhân tạo chuyển động đôi không xi măng, Ceramic on Poly	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$ - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm <p>2. Đầu xương đùi (chỏm) và Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu xương đùi (chỏm): + Vật liệu: alumina ceramic + Đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) - Lớp đệm: + Vật liệu: Polyethylene + Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2) - Lớp đệm được lắp sẵn với chỏm tại hãng <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Mặt ngoài: quanh viền có ≥ 6 đỉnh, trên đỉnh có ≥ 4 đỉnh - Mặt trong: được đánh bóng cao với độ nhám $< 0,05\mu\text{m}$ - Có vành chống trật 5mm với ≥ 2 điểm đánh dấu - Có chén (đĩa) đóng lắp sẵn dưới áp lực chân không - Kích cỡ: 48-60 (bước tăng 2) <p>* Tiệt trùng bằng tia Gamma</p> <p>* Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	5

PH
NH
KHO
ĐỒ
5*

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
310	Khớp háng toàn phần không xi măng, Metal on Poly	<p>1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$ - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87->170mm. - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Mặt ngoài: quanh viền có ≥ 6 đỉnh, trên đỉnh có ≥ 4 đỉnh - Có vành chống trật 5mm với ≥ 2 điểm đánh dấu - Kích cỡ: 44-> 60 (bước tăng 2) - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>4. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Polyethylene - Lớp đệm chuyển động đôi - Kích cỡ: 44-> 60 (bước tăng 2) - Tiệt trùng bằng ethylene oxide <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	20
311	Khớp háng bán phần không xi măng	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$ - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0,+3), đường kính 28mm (-3.5, 0,+3.5) <p>3. Ổ cối bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không rỉ, bên trong bằng polyethylene - Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám $< 0,5\mu\text{m}$ - Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp - Kích cỡ: 38->60 (bước tăng 2) <p>* Tiệt trùng bằng tia Gamma</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	20
312	Khớp háng bán phần không xi măng, chuôi trung bình không xi măng có gờ chống lún	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khoá, cổ có gờ viền quanh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$ - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương. - Có ≥ 8 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 130->170mm <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) <p>3. Ổ cối bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không rỉ, bên trong bằng polyethylene - Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám $< 0,5\mu\text{m}$ - Ổ cối có cơ chế khóa ràng chống trật khớp - Kích cỡ: 38->60 (bước tăng 2) <p>* Tiệt trùng bằng tia Gamma</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
313	Khớp háng bán phần có xi măng	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép không rỉ - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥8 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 92-165mm <p>2. Đầu xương đùi (chôm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) <p>3. Ổ cối bán phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không rỉ, bên trong bằng polyethylene - Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám <0,5μm - Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp - Kích cỡ: 38-60 (bước tăng 2) <p>4. Xi măng cùng hãng sản xuất</p> <p>5. Nút chặn xi măng</p> <p>* Tiết trùng bằng tia Gamma</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	20
314	Khớp háng toàn phần không xi măng COC	<p>1. Chuôi xương đùi: Loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium ≥120μm và Hydroxyapatite ≥80μm. - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm <p>2. Ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium, - Phủ 2 lớp: Titanium ≥120μm và Hydroxyapatite ≥80μm. - Quanh viền có ≥4 đỉnh, đỉnh có ≥4 đỉnh - Kích cỡ: 46->62 (bước tăng 2) <p>3. Lớp đệm ceramic:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: BioloX Delta alumina/zirconia composite Ceramic - Côn 18° 55' - Kích cỡ: + Size ≤39 tương ứng với ổ cối 46, 48mm và chỏm đường kính 32mm + Size ≤44 tương ứng với ổ cối 50, 52mm và chỏm đường kính 36mm + Size ≤48 tương ứng với ổ cối 54-62mm và chỏm đường kính 36mm <p>4. Đầu xương đùi (chôm) ceramic:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: BioloX delta alumina composite ceramic - Đường kính 32mm (-4, 0, +4), đường kính 36mm (-4, 0, +4) <p>5. Vít ổ cối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim titanium aluminum vanadium - Đường kính ≤5.5mm, chiều dài 20-45mm bước tăng 5mm <p>* Tiết trùng bằng tia Gamma</p> <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
315	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi	<p>1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$. - Góc cổ chuôi 135°. Côn 12/14 - $5^\circ 40'$. - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Có ≥ 9 kích cỡ (bước tăng 1), chiều dài từ 87-170mm. - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>2. Đầu xương đùi (chỏm):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không rỉ - Đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5). - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium $\geq 120\mu\text{m}$ và Hydroxyapatite $\geq 80\mu\text{m}$ - Mặt ngoài: quanh viền có ≥ 6 đỉnh, trên đỉnh có ≥ 4 đỉnh - Có vành chống trật 5mm với ≥ 2 điểm đánh dấu - Kích cỡ: 44->60 (bước tăng 2) - Tiệt trùng bằng tia Gamma <p>4. Lớp đệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Polyethylene - Lớp đệm chuyển động đôi - Kích cỡ: 44->60 (bước tăng 2) - Tiệt trùng bằng ethylene oxide <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	5
316	Khớp gối toàn phần di động	<ul style="list-style-type: none"> - Khớp gối toàn phần có xi măng có tâm chuyển động ở phía sau là đơn trục, cho phép duỗi hoàn toàn góc lên đến 130°. - Bề mặt tiếp xúc của lõi cầu đùi. Miếng lót mâm chày có tính di động. - Lõi cầu đùi: + Vật liệu: Hợp kim chromium cobalt molybdenum + Bên trái có 5 kích cỡ và bên phải có 5 kích cỡ - Mâm chày: + Vật liệu: Hợp kim chromium cobalt molybdenum + Có 5 kích cỡ - Lớp đệm di động: + Vật liệu: Polyethylene + Chiều cao 9, 11, 13, 15mm; mỗi chiều cao có 5 kích cỡ - Xương bánh chè: + Vật liệu: Polyethylene cao phân tử + Đường kính: 31, 34, 37mm - Xi măng cùng hãng sản xuất <p>* Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE. Xuất xứ: G7</p>	Bộ	10
317	Gân nhân tạo tái tạo dây chằng chéo trước	<p>Vật liệu: Polyethylene terephthalate (polyester).</p> <p>Cấu trúc: Dạng ống liên tục, cấu trúc dệt mờ, có các lỗ bên hông để chứa gân tự thân.</p> <p>Độ bền kéo của Sợi đơn 1200 N</p> <p>Đường kính trong 7 mm x 710 mm.</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO</p> <p>Đóng gói: Tiệt trùng sẵn</p> <p>Xuất xứ G7</p>	Đoạn	2
318	Khớp bàn đốt và khớp gian đốt gân nhân tạo	<p>Khớp bàn đốt MCP và khớp gian đốt gân PIP nhân tạo đúc liền khối gồm một vùng uốn ngang ở giữa và các cuống khớp</p> <p>Chất liệu: Silicon y tế,</p> <p>Bề mặt: Nhẵn, không có lớp phủ.</p> <p>Kích thước: 7 kích thước khác nhau, rộng từ 12 -> 18mm với bước tăng 1mm, dài từ 35mm -> 75mm</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Bộ	2

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
319	Khớp xương thang – xương bàn tay ngón cái nhân tạo	<p>Khớp xương thang – xương bàn tay ngón cái nhân tạo, đúc liền khối gồm một phần thân hình trụ và một cuống khớp neo bốn cạnh.</p> <p>Chất liệu: Silicon y tế.</p> <p>Bề mặt: Nhẵn, không có lớp phủ.</p> <p>Kích thước: Có 3 kích cỡ khác nhau, đường kính 13 ; 14 ; 15mm, chiều dài từ 28-> 35mm.</p> <p>Tiêu chuẩn: CE, ISO</p> <p>Xuất xứ: Châu Âu</p>	Bộ	2
320	Khớp gối toàn phần di động	<p>1. Khớp gối ba khoang, mặt khớp xoay, giữ lại hoặc hy sinh dây chằng chéo sau PCL</p> <p>Lồi cầu: bán kính cong không đổi từ 0 đến 160 độ, góc nghiêng lõm cầu sau 87 độ. Chất liệu CoCrMo, có 7 kích cỡ</p> <p>2. Lớp đệm di động chất liệu tiêu chuẩn ; ổn định khớp cao; phù hợp tái tạo động học khớp gối tự nhiên và xoay dọc theo trục chày. Lớp đệm này bất đối xứng và có phiên bản Trái/ phải. Chất liệu UHMWPE: Có 7 kích cỡ</p> <p>3. Mâm chày di động chất liệu CoCrMo: Có 7 kích cỡ</p> <p>4. Xi măng xương: có kháng sinh Gentamicin, độ nhớt trung bình, màu xanh, cản quang, 40g</p>	Bộ	5
321	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasma và HA toàn phần, góc cổ chuỗi 135°	<p>1. Chuôi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ chuỗi 12/14, góc cổ chuỗi 135 độ, chất liệu Titan, phủ HA toàn thân chuỗi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa giúp cực đại hóa diện tích tiếp xúc của xương và chuỗi. - Có ≥ 11 kích cỡ chuỗi từ 8 đến 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm đến 186mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuỗi có chiều dài ≤ 120mm - Có 2 loại chuỗi tiêu chuẩn và chuỗi có độ di lệch cổ ngang ≥ 7.5mm cho phép phục hồi cơ sinh học của háng chính xác - Có 2 lựa chọn có vành cổ chuỗi và không có vành cổ chuỗi. <p>2. Ổ cối hình bán cầu, đỉnh phẳng, chất liệu Titanium phun plasma titan nhám phủ HA, có ≥ 3 lỗ bắt vít.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ≥ 13 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ ≤ 42mm; - Kích thước chỏm tương ứng : Ổ cối cỡ ≤ 48 sử dụng chỏm 32mm; cỡ ≥ 50 sử dụng chỏm 36mm. <p>3. Lớp đệm: Chất liệu Polyethylene cao phân tử liên kết chéo, có bờ chống trật 0 độ và 15 độ</p> <p>4. Chỏm xương đùi: Chất liệu CoCrMo có đường kính 32mm (Chiều dài cổ - 4, +0, +4, +7), 36mm (Chiều dài cổ -4, +0, +4, +7)</p> <p>5. Vít: Chất liệu Titanium; đường kính 6,5mm; chiều dài 20-50mm bước tăng 5mm; côn 24 độ; mũi vít tự dẫn hướng; đầu vít hình lục giác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: CE, ISO - Cung cấp kèm bộ dụng cụ tương thích khi sử dụng 	Bộ	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
322	Khớp háng toàn phần chuyển động đôi không xi măng, chén in 3D nguyên khối	<p>1. Chuôi khớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ chuôi 12/14, góc cổ chuôi 135 độ, chất liệu Titanium, phủ HA toàn thân chuôi. Có rãnh ngang ở đầu gần chống lún và rãnh dọc ở đầu xa giúp cực đại hóa diện tích tiếp xúc của xương và chuôi. - Có ≥ 11 kích cỡ chuôi từ 8 đến 18 tương ứng chiều dài từ 116 mm đến 186mm, trong đó có ít nhất 1 kích cỡ chuôi có chiều dài ≤ 120mm - Có 2 loại chuôi tiêu chuẩn và chuôi có độ di lệch cổ ngang ≥ 7.5mm <p>2. Ổ cối in 3 chiều nguyên khối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình bán cầu, có gờ hình trụ cao 3mm chống trật khớp. - Có ≥ 14 kích cỡ chén liên tục với bước tăng 2mm, trong đó có tối thiểu 1 chén có kích cỡ ≤ 42mm. Ổ cối cỡ ≥ 48mm sử dụng chỏm 28mm; - Vỏ ổ cối in 3D từ bột CoCrMo phủ HA dày $\geq 40\mu\text{m}$, có kích thước lỗ xốp trung bình $\geq 700\mu\text{m}$, độ xốp $\geq 63,3\%$. <p>3. Lớp đệm di động Cross-linked PE: Chất liệu UHMWPE</p> <p>4. Chỏm xương đùi: chất liệu CoCrMo với các đường kính: 22.2mm (Chiều dài cổ -2, +0, +2, +5); 28mm (Chiều dài cổ -3.5, 0, +3.5, + 7)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: CE, ISO - Cung cấp kèm bộ dụng cụ tương thích khi sử dụng 	Bộ	5
323	Bộ Đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi ngắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4 <p>1. Đỉnh rỗng nòng loại ngắn, dùng lưỡi chốt xoắn ốc chống xoay, bề mặt trơn láng, có một đầu thuôn nhỏ, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing. Độ lớn góc 130°</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính $\Phi 9, 10, 11, 12$mm. - Chiều dài từ 170 - 240mm, bước tăng 30/40mm. <p>2. Vít nén/lưỡi chốt xoắn ốc đầu gần, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính lưỡi chốt xoắn $\Phi 10.4$mm. - Chiều dài từ 75 - 120mm, bước tăng 5mm. <p>3. Vít khóa chốt ngang đầu xa, mũ vít lục giác, tạo góc 90° với đầu xa đỉnh, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính vít $\Phi 4.9$mm. - Chiều dài từ 26 - 100mm, bước tăng 2/4/5mm. <p>4. Nắp đỉnh giúp cố định cổ đỉnh, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.</p>	Bộ	15
324	Bộ Đỉnh nội tủy đầu trên xương đùi dài	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4 <p>1. Đỉnh (rỗng nòng loại dài), dùng lưỡi chốt xoắn ốc chống xoay, bề mặt trơn láng, có một đầu thuôn nhỏ, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing. Độ lớn góc 130°</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính $\Phi 9, 10, 11, 12$mm. - Chiều dài từ 300 - 420mm, bước tăng 20mm. L/R. <p>2. Vít nén/lưỡi chốt xoắn ốc đầu gần, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing,</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính lưỡi chốt xoắn $\Phi 10.4$mm. - Chiều dài từ 75 - 120mm, bước tăng 5mm. <p>3. Vít khóa chốt ngang đầu xa, mũ vít lục giác, tạo góc 90° với đầu xa đỉnh, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường kính vít $\Phi 4.9$mm. - Chiều dài từ 26 -> 100mm, bước tăng 2/4/5mm. <p>4. Nắp khóa, giúp cố định cổ đỉnh, sau khi xử lý bề mặt Colored anodizing có màu Vàng. Kích thước 0mm, 5mm, 10mm, 15mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Bộ	15

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
325	Bộ khớp háng toàn phần ceramic on poly	<p>1/ Chuôi khớp: Chất liệu: Titanium alloy. Có lớp phủ phản ứng sinh học. Góc cổ 135°. Chiều dài thân chuôi từ 115 -> 190mm tương ứng 11 cỡ. Chiều dài cổ 38.2mm.</p> <p>2/ Ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy + Titanium. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: 44mm (Trong 36mm) - 64mm (Trong 54mm); bước tăng 2mm.</p> <p>3/ Lót ổ cối: Chất liệu: High Cross Linked Polyethylene. Đường kính Ngoài/(Trong) tương ứng: Ngoài: từ 36 - 38mm (Trong 28mm), từ 40 - 42mm (Trong 32mm), từ 42 - 54mm (Trong 36mm); bước tăng 2mm.</p> <p>4/ Head: Chất liệu: Ceramic. Kích thước: 28, 32 và 36mm, tương ứng 4 cỡ S, M, L, XL (loại 32 và 36mm). Chiều dài cổ tương ứng các cỡ: - Loại kích thước 28mm: -3.5, 0, +3.5mm. - Loại kích thước 32 và 36mm: -4, 0, +4, +8mm.</p> <p>5/ Vít cho ổ cối: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 6.3mm. Chiều dài 20 - 35mm, bước tăng 5mm.</p> <p>6/ Nút lỗ đi kèm: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 10mm. Chiều dài 4mm.</p> <p>7/ Nút lỗ vít: Chất liệu: Titanium alloy. Đường kính 8mm. Chiều dài 3mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.</p>	Bộ	10
326	Vật liệu xương nhân tạo chứa yếu tố thúc đẩy xương phát triển nhanh thể tích 0.25mg	<p>Xương nhân tạo gồm hydroxyapatite, nước cất pha tiêm đóng gói riêng biệt, tương thích sinh học, kích tạo xương và dẫn tạo xương tốt</p> <p>- Đóng gói: hydroxyapatite 0.25g, rhBMP-2 0.25mg, nước cất pha tiêm</p>	Hộp	10
327	Vật liệu xương nhân tạo chứa yếu tố thúc đẩy xương phát triển nhanh thể tích 0.5mg	<p>Xương nhân tạo gồm hydroxyapatite, nước cất pha tiêm đóng gói riêng biệt, tương thích sinh học, kích tạo xương và dẫn tạo xương tốt</p> <p>- Đóng gói: hydroxyapatite 0.5g, rhBMP-2 0.5mg, nước cất pha tiêm</p>	Hộp	10
328	Vật liệu xương nhân tạo chứa yếu tố thúc đẩy xương phát triển nhanh thể tích 1mg	<p>Xương nhân tạo gồm hydroxyapatite, nước cất pha tiêm đóng gói riêng biệt, tương thích sinh học, kích tạo xương và dẫn tạo xương tốt.</p> <p>- Đóng gói: hydroxyapatite 1g, rhBMP-2 1mg, nước cất pha tiêm</p>	Hộp	10
329	Keo sinh học chống dính 1,5ml	<p>-Thành phần: poloxamer, gelatin, chitosan</p> <p>-Hàm lượng/Nồng độ: +Poloxamer 407: 15 ~ 16% +Poloxamer 188: 17 ~18% +Glycerol: 10% +Chitosan: 0.3% +Gelatin: 0.05% +Acetic acid: 0.02% +Nước vô trùng: 55.63 ~ 57.63%</p> <p>-Hình thái: dạng Sol-Gel nhạy cảm nhiệt</p> <p>-Quy cách: Hộp 1 bơm tiêm chứa 1,5ml vật liệu chống dính, catheter</p> <p>-Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Ống	10
330	Keo sinh học chống dính 3ml	<p>-Thành phần: poloxamer, gelatin, chitosan</p> <p>-Hàm lượng/Nồng độ: +Poloxamer 407: 15 ~ 16% +Poloxamer 188: 17 ~18% +Glycerol: 10% +Chitosan: 0.3% +Gelatin: 0.05% +Acetic acid: 0.02% +Nước vô trùng: 55.63 ~ 57.63%</p> <p>-Hình thái: dạng Sol-Gel nhạy cảm nhiệt</p> <p>-Quy cách: Hộp 1 bơm tiêm chứa 3ml vật liệu chống dính, catheter</p> <p>-Tiêu chuẩn ISO 13485</p>	Ống	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
331	Đầu đốt lưỡng cực bằng sóng radio, loại cong 90°, có chấu	<p>Lưới cắt đốt bằng sóng radio</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Đầu điện cực phẫu thuật được làm bằng thép không gỉ 304, bạch kim, vonfram, molybden/ titan, và ống của thân lưới cắt được làm bằng thép không gỉ 304. - Kích cỡ: 90 độ. Đường kính 4.5mm. Phạm vi làm việc 130 mm. - Không có ống hút - Dùng nhiệt thấp, ít chấn thương, phục hồi nhanh. - Lumen lưu lượng cao được cung cấp từ điện cực để loại bỏ mô mềm và cầm máu. Phạm vi thăm dò tổng, cung cấp khả năng đông máu trong phẫu thuật nội soi cột sống, vai, đầu gối và khớp nhỏ. - Trường plasma 100µm·200µm cho phép loại chính xác các mô mềm với mức độ tổn hại tối thiểu với các mô khác. - Hoạt động phù hợp công suất định mức của máy đốt: 0.01 - 100 W - Tiêu chuẩn: ISO 	Cái	30
332	Lưới bảo khớp	<p>Lưới bảo khớp, dùng 1 lần, tiệt trùng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: 3.4/ 4.2/ 5.5mm - Chiều dài: 130mm - Đầu trực lưới bảo có vạch chia, bước tăng 1 cm giúp định hướng và cảnh báo chiều sâu trong suốt quá trình phẫu thuật - Có thể gắn vào bộ chuyển đổi kèm bàn chải vệ sinh lưới bảo trong quá trình sử dụng - Hỗ trợ cung cấp tay bảo và máy bảo tương thích. - Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu) 	Cái	30
333	Bộ dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi khớp	<p>Bộ dây bơm nước dùng cho phẫu thuật nội soi khớp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Chất liệu chính: nhựa PVC, khóa xoay (ABS), kẹp điều chỉnh (polypropylene). - Kích cỡ: dài 3m. - Chịu áp suất: lên tới 200 mmHg, công suất bơm: lên tới 3l/phút. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide Gas * Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE 	Cái	40
334	Vít neo cố định dây chằng tự điều chỉnh	<p>Vít neo cố định dây chằng có thể điều chỉnh dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside và có thể kết hợp tăng cường chiều rộng lên 5mm, dài lên 15mm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Bằng titanium, vòng treo chỉ UHMWPE - Thiết kế 4 lỗ , dây từ 1-> 3mm, rộng từ 3->6mm, dài từ 10->14 mm, có thước đo tỷ lệ nhằm tạo thuận lợi cho phẫu thuật. - Lực kéo ≥ 1840 Newton. - Có hai sợi chỉ siêu bền riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu) 	Cái	30
335	Vít cố định dây chằng	<p>Vít cố định dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: PEEK - Kích cỡ: đường kính 7-11 mm, dài 20, 25, 30mm - Thiết kế ren toàn phần và đầu tù giúp bảo vệ mảnh ghép khỏi tổn thương trong quá trình cấy ghép. - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu) 	Cái	30
336	Vít khâu sụn chêm , loại cong, all-in-side	<p>Vít khâu sụn chêm sử dụng kỹ thuật All-Inside</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Thép không gỉ , peek và chỉ siêu bền trọng lượng cao phân tử (UHMWPE). - Vít khâu có 2 nút thắt peek cấy chỉ, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt bằng nút điều khiển. - Có thước đo chiều sâu từ 10->20mm. - Đầu kim điều khiển dễ dàng với khả năng xoay. - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu) 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
337	Vít tự tiêu cố định dây chằng chéo, loại đầu phẳng	Vít tự tiêu sử dụng trong Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo khớp gối - Chất liệu: Vật liệu sinh học tự tiêu PLLDLA (Poly-L70/30 L-Lactide/DL-Lactic Acide). - Kích cỡ: Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 25, 30 mm. - Thiết kế: Ren cùn, đầu phẳng, đường kính rỗng giữa 1.5mm không gây tổn thương cho dây chằng - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	30
338	Nẹp cố định dây chằng hình chữ U các cỡ	Dùng cố định mô mềm với xương trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước và chéo sau, dây chằng bên. - Chất liệu: hợp kim titan - Kích thước: 8,10mm - Thiết kế hình chữ U với chân nẹp sắc nhọn giúp cố định dễ dàng, có răng giúp bám chắc giảm nguy cơ bị tuột. - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
339	Cannulla dùng trong phẫu thuật nội soi khớp	Cannulla dùng trong phẫu thuật nội soi khớp - Chất liệu: nhựa ABS - Kích cỡ: (đường kính x chiều dài) 6/6.5/8 x 74mm, cổng điều chỉnh chất lỏng 0,6 mm - Mã màu theo đường kính, kiểm soát dòng chảy với các nút bịt và ống thông trong suốt để theo dõi thiết bị. - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
340	Vít neo tự tiêu khâu chóp xoay	Vít neo dùng trong phẫu thuật chóp xoay. - Chất liệu: Vít tự tiêu PLLDLA kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lực cao phân tử (UHMWPE). Trụ tay đóng bằng thép không rỉ có tay cầm bằng nhựa ABS. - Kích cỡ: 5.5 mm - Thiết kế ren toàn thân (với thiết kế ren vỏ xương và xương xốp) giúp tăng cường lực giữ neo. - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
341	Vít neo khớp vai	Vít neo dùng trong phẫu thuật rách chóp xoay, tổn thương Bankart, tổn thương SLAP và sửa chữa dây chằng bên. - Chất liệu: PEEK, đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 4.5mm - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
342	Vít neo khâu chóp xoay khớp vai	Vít neo sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, khâu dây chằng bên khớp gối. - Chất liệu: PEEK, đã tiệt trùng kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lực cao phân tử (UHMWPE) - Kích cỡ: Đường kính: 5.5 mm - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
343	Lưỡi cắt đốt đơn cực loại cong 90 °	Lưỡi cắt đốt đơn cực bằng sóng radio - Chất liệu: thân bằng thép không rỉ, đầu tip bằng titanium, tay cầm bằng nhựa PVC. - Kích cỡ: Gập góc 90 độ. Đường kính lưỡi 3.75mm, chiều dài 160mm, trong đó chiều dài trực là 135mm - Đầu đốt với phạm vi rộng giúp cầm máu trong các phẫu thuật nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
344	Lưỡi bào ổ khớp lưỡi bén 2 bên	Lưỡi bào khớp dùng một lần, tiệt trùng. - Chất liệu : Thép không rỉ, PEEK, SILIKON - Kích cỡ: Đường kính: 4.5 mm, dài 130mm, xoay 360 độ - Giao diện lớn, có vạch chia - Kiểu thiết kế cắt mạnh mẽ tích cực - Dùng với tay bào có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz - Đạt tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
345	Vít neo khớp vai kèm hai sợi chỉ đôi	Vít neo dùng trong phẫu thuật rách chóp xoay, tổn thương Bankart, tổn thương SLAP và sửa chữa dây chằng bên. - Chất liệu: Chất liệu PEEK, kèm chỉ siêu bền trọng lượng cao phân tử (UHMWPE), đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 2.9 mm - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
346	Vít neo khớp vai (UHMWPE)	Vít neo khớp vai dùng trong phẫu thuật rách chóp xoay, tổn thương Bankart, tổn thương SLAP, khớp cùng đòn và phẫu thuật gối. - Chất liệu: 100% chỉ, kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lượng cao phân tử (UHMWPE), đã tiệt trùng - Kích cỡ: Đường kính 3.0mm - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	Cái	20
347	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Ceramic loại tiêu chuẩn	1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối - Chất liệu: Hợp kim titan. Lớp phủ: xốp titan và hydroxyapatit - Kích cỡ: 13 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chỏm có đường kính từ Ø28 mm đến Ø40 mm. - Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm. - 3 lỗ bắt vít, có các gờ chống trượt bên trong ổ cối, 2. Lớp đệm ổ cối dạng hình nón cụt: - Chất liệu: Ceramic - Kích cỡ: 40-44/ Ø28mm; 46-50/ Ø32mm; 52-56/ Ø36mm; 58-64/ Ø36mm; 58-64/ Ø40mm 3. Chỏm xương đùi: - Chất liệu: Ceramic, tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'. - Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 28 (+0, ±3.5); Ø 32 (+0, ±4, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 40 (+0, ±4, +8)mm 4. Cuống xương đùi không xi măng: - Chất liệu: Titanium alloy, dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm. - Kích cỡ: 8-20, chiều dài: 115-190mm - Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ đuôi 129° 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium alloy - Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm-> 60mm với mỗi bước tăng 5mm Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)	Bộ	5
348	Khớp háng toàn phần không xi măng chuyển động đôi Ceramic	1. Ổ cối không xi măng chuyển động đôi - Chất liệu: thép không rỉ, phủ xốp titanium and hydroxyapatite - Kích cỡ: 12 cỡ từ 42 - 64mm, tương thích chỏm có đường kính Ø22.2, Ø28 mm. 2. Lớp đệm ổ cối di động - Chất liệu: Polyethylene (trọng lượng cao phân tử UHMWPE). - Kích cỡ: đường kính Ø22.2, Ø28 mm, tương thích ổ cối cỡ 42 -64 mm, bước tăng 2mm. 3. Chỏm xương đùi: - Chất liệu: Ceramic, tương thích với cổ côn 12 / 14 5°40'. - Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng): Ø 28 (+0, ±3.5); Ø 32 (+0, ±4, +7); Ø 32 (+0, ±4, +8); Ø 40 (+0, ±4, +8)mm 4. Cuống xương đùi không xi măng: - Chất liệu: Titanium alloy, dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite - Kích cỡ: 8-20, chiều dài: từ 115->190mm - Tương thích với cổ côn: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ đuôi 129° - Tiêu chuẩn ISO, EU (châu Âu)	Bộ	5

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
349	Nẹp bất động cẳng chân	<p>Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel).</p> <p>- Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối, 4 đỉnh đường kính 6mm /5mm/ 4mm.</p> <p>- Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương cẳng chân, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Bộ	20
350	Nẹp bất động đùi	<p>Chất liệu: thép y khoa (Stainless Steel).</p> <p>- Kích cỡ: Gồm có 1 thanh chính có 2 khớp nối dài 260mm và 1 thanh nén, kéo.</p> <p>- 6 đỉnh đường kính 6.0mm với chiều dài 130mm, đoạn răng 50mm.</p> <p>- Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương đùi, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Bộ	10
351	Nẹp bất động đầu dưới xương quay	<p>Chất liệu: thép y khoa.</p> <p>- Gồm có: 1 thanh chính có khớp nối ở giữa, 2 khớp nối chuyển động trượt. 2 đỉnh đường kính 2.5mm với chiều dài 60mm, đoạn răng 15mm. 2 đỉnh đường kính 3.5mm với chiều dài 80mm, đoạn răng 15mm.</p> <p>- Đặc tính: dùng để cố định bên ngoài cho các phẫu thuật gãy hở xương quay, có 1 thanh lắp ốc và sử dụng cờ lê lục giác hình chữ L.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Bộ	10
352	Đỉnh chốt titan cẳng chân	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính đỉnh 8/9/10mm. Chiều dài từ 255->375mm, mỗi bước tăng 15mm.</p> <p>- Đặc tính: thân đỉnh đặc (gồm 1 đỉnh, 1 nắp đỉnh và 9 vít). Các loại vít như sau: + Vít chốt khoá đường kính 4.8mm với chiều dài: từ 30-> 80mm, gia số tăng 5mm. + Vít chốt khoá đường kính 4.3mm với chiều dài: 25->80mm, gia số tăng 5mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cây	20
353	Đỉnh chốt titan đùi	<p>- Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính đỉnh 9/10/11mm. Chiều dài từ 340->420mm, mỗi bước tăng 20mm.</p> <p>- Đặc tính: thân đỉnh rỗng (gồm 1 đỉnh, 1 nắp đỉnh và 4 vít). Các loại vít như sau: + Vít khoá Gamma đường kính 6.4mm với chiều dài từ 70 ->115mm, gia tăng số 5mm; + Vít chốt khoá đường kính 4.7mm với chiều dài: từ 26->60 mm, gia số tăng 2mm, từ 64-> 84mm gia tăng số 4mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cây	20
354	Vít rỗng titan 3.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 3.0mm, chiều dài: từ 14->30mm.</p> <p>- Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác, ren hai đầu. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác rỗng.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
355	Vít xóp rỗng 4.5mm	<p>- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel).</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.5mm, chiều dài: từ 16->34mm.</p> <p>- Đặc tính: thân vít rỗng, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	50
356	Vít xóp rỗng 7.3mm	<p>- Chất liệu: thép y khoa (stainless steel).</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 7.3mm, chiều dài: từ 60->115mm.</p> <p>- Đặc tính: thân vít rỗng, thân không toàn ren, chỉ có 1 đoạn ren tại mũi vít; kèm loong đèn đệm, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
357	Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng thiết kế hộp ổn định lồi sau, gồm 5 chi tiết/bộ, lồi cầu chất liệu CoCr	<p>Khớp gối nhân tạo toàn phần có xi măng:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đĩa đệm mâm chày (Articular Insert) với 4 kích cỡ: size 1-2, 3-4, 5-6, 7-8. Mỗi size có các độ dày sau: 9, 11, 13, 15, 18 mm. Chất liệu UHMWPE. 2. Mâm chày (Tibial tray) Chất liệu hợp kim titanium với 8 kích cỡ riêng biệt trái, phải: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8. Chiều trước sau các cỡ: từ 42-> 59mm. Chiều trong ngoài: từ 60-> 85mm. Bề dày 2.3mm, độ dốc 3 độ. 3. Lồi cầu xương đùi (Femoral Condyle) chất liệu CoCr với các cỡ 1 N, 2N, 3N, 3, 4N, 4, 5N, 5, 6N, 6, 7, 8. trong đó cỡ N (narrow) hẹp hơn 2mm môi bên theo chiều trong ngoài so với cỡ tiêu chuẩn. Mặt trước nghiêng 3 độ. Chiều trước sau các cỡ tương ứng: từ 47-> 75mm. 4. Bánh chè (Patella) với đường kính: 23, 26, 29, 32, 35mm; độ dày 9mm, 13mm tính cả chiều cao chốt 5. Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường. 	Bộ/ Hộp	5
358	Khớp háng toàn phần nhân tạo không xi măng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cuống khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119->171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi từ 29mm->44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ 2. Chỏm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu Cobalt Chromium , kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8) 3. Ổ cối chất liệu hợp kim Titanium 6Al-4V, đường kính ngoài từ 40 đến 68mm, bước tăng 2mm. 4. Lót ổ cối (liner) chất liệu XLPE -Crosslinked Polyethylene có hai loại nghiêng 0 và 20 độ. 5. Vít ổ cối chất liệu titan dài từ 15 -> 70 mm 	Bộ/ Hộp	10
359	Khớp háng bán phần có xi măng phủ HA	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cuống khớp có xi măng: Chất liệu: Thép không gỉ, cổ côn 12/14. Chiều dài: từ 125->159 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ. Bề dày trong ngoài từ 29->40mm. 2. Chỏm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrom ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8). 3. Chỏm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. 4. Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII. Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141), 5. Nút ống tủy: Gồm nút chặn xi măng cỡ 18.5mm và 25mm, 	Bộ/ Hộp	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
360	Khớp háng bán phần không xi măng phủ HA, góc cổ chuôi 135/126/145 độ	<p>1. Cuồng khớp không xi măng phủ HA: chất liệu hợp kim titanium 6Al-4V, phủ Ti-plasma 180 micron, lớp ngoài phủ HA dày 50µm, dài từ 119->171 mm, góc cổ chuôi 135 độ hoặc 126 độ hoặc 145 độ. Bề rộng chuôi 29mm->44mm. Hai loại có hoặc không có viền cổ</p> <p>2. Chỏm khớp phù hợp cổ côn 12/14 chất liệu CobaltChrome ASTM F 799, kích thước 22mm (+0,+4,+8,+12); 26mm (+0,+4,+8,+12); kích thước 28mm; 32mm (-3, +0, +4, +8, +12, +16); kích thước 36mm (-3, +0, +4, +8).</p> <p>3. Chỏm lưỡng cực có lót đường kính trong 22 và 28mm, đường kính ngoài từ 38 đến 55 mm (bước tăng 1), chất liệu Cobalt Chrome/UHMWPE. Độ dày lớp polyethylene tối thiểu 5mm. Phạm vi chuyển động 82 độ với cổ +0 và 88 độ với cổ -3.</p>	Bộ/ Hộp	10
361	Xi măng có kháng sinh	<p>Xi măng xương Palacos có kháng sinh gentamicin (0.55g gentamicin/44.9g bột). Bột xi măng chất liệu Gentamicin (dưới dạng gentamicin sulphate), Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), zirconium dioxide, benzoyl peroxide và chất tạo màu chlorophyll E141.</p> <p>Dung dịch pha chứa: Methyl methacrylate, N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chất tạo màu E141. Chứa chất tạo màu chlorophyll (E141).</p>	Cái/ Hộp	10
362	Xi măng không kháng sinh	<p>Xi măng xương Palacos không kháng sinh. Bột xi măng một gói 44.0g bột có chứa 38.3g Poly-(methylacrylate, methyl methacrylate), 5.3g zirconium dioxide, 0.4g hydrous benzoyl peroxide và chlorophyll VIII.</p> <p>Dung dịch pha 20ml một ống chứa: 18.4g Methyl methacrylate, 0.4g N,N-dimethyl-p-toluidine, hydroquinone và chlorophyll VIII. Chất tạo màu chlorophyll (E141) đánh dấu vị trí của xi măng trong phẫu trường.</p>	Cái/ Hộp	5
363	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp, thẳng hoặc cong	<p>Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thẳng hoặc cong, dùng một lần - Thiết kế răng vát ở cả hai mặt, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. - Có tính năng khoá cửa sổ hút. 	Cái/ Hộp	60
364	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio, dùng công nghệ Coblation, tạo plasma dày 100-200µm, đường kính mũi 5.25mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. - Tạo plasma dày 100-200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh - Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại - Có đường hút nước - Đường kính mũi 5.25mm - Đường kính phần thân 3,75mm - Đầu mũi nghiêng 90° 	Cái/ Hộp	60
365	Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật.	Dây sử dụng cho máy bơm nước. Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển.	Cái/ Hộp	80
366	Vít cố định dây chằng chéo chất liệu sinh học tự tiêu phủ HA, có vít ren ngược, các cỡ	Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA)	Cái/ Hộp	60
367	Vít neo cố định dây chằng chéo, chất liệu titanium và Polyester, chiều dài chốt 12mm	<ul style="list-style-type: none"> • Thiết kế chốt: 4 lỗ, Chiều dài chốt: 12mm, chiều rộng chốt 4mm, dày 2mm. • Chỉ kéo Ultrabraid màu trắng số 5, chỉ lạt Durabraid màu xanh số 5. • Chiều dài vòng treo gân: 10, 15, 20, 25, 30, 35 mm • Chất liệu: Chốt làm bằng titanium màu vàng, Vòng treo gân được tạo bởi vật liệu Polyester đường kính 5mm 	Cái/ Hộp	60

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
368	Vít neo cố định dây chằng	Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ Chất liệu chốt: titanium, Chất liệu vòng treo: UHMWPE. Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 → 105 mm Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm Dùng 1 sợi chỉ polyester #2 duy nhất để kéo và kiểm tra chốt ngang có lặt hay không Cơ chế khoá bên trong, giúp tối đa gân trong đường hầm và tối thiểu lực siết vòng treo. Vòng treo có bao bảo vệ gân. Có vòng chỉ thắt giúp thắt chỉ bằng một tay	Cái/ Hộp	60
369	Mũi khoan ngược chiều rộng nông	Mũi khoan ngược sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm mũi khoan ngược, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưỡi cắt có thể thu vào, bào ngược tạo đường hầm đường kính 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương.	Cái/ Hộp	50
370	Vít chỉ khâu sụn chêm kỹ thuật khâu all inside, chốt trượt bung neo chủ động 360 độ, tích hợp khóa giới hạn độ sâu 10- >18mm	Sử dụng kỹ thuật khâu sụn chêm All -Inside. Thiết kế chốt trượt bung neo chủ động 360° cho phép bung neo tại mọi vị trí tay. Gồm hai neo 5mm chất liệu PEEK OPTIMA và nút chỉ không tiêu 2-0 ULTRABRAID chất liệu, UHMW polyethelene. Tích hợp khóa giới hạn độ sâu từ 10->18mm. Mũi kim 17 gauge	Cái/ Hộp	60
371	Lưỡi bào xương dùng trong nội soi khớp, có hai chế độ cắt dao động, có tính năng khóa cửa sổ hút, các cỡ	Lưỡi bào cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp. Thẳng, dùng một lần, mã màu theo cỡ để nhận diện. Thiết kế có răng hoặc không răng, đường kính 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. - Hỗ trợ cung cấp máy bào và tay bào tương thích. Có tính năng khóa cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động.	Cái/ Hộp	30
372	Đầu đốt mô bằng sóng radio cao tần	Đầu đốt mô mềm dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp hơn so với đầu đốt RF thông thường. Khe hút đơn hình ngôi sao. Đầu mũi nghiêng 90°. Đường kính mũi (tối đa) 5.5mm, đường kính thân 3.75 mm. Điện cực đốt gồm 4 viên cầu.	Cái/ Hộp	30
373	Lưỡi mài xương có vạch màu chốt, tốc độ 8000 - 10000vòng/phút dùng trong nội soi khớp	Lưỡi mài xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiệt trùng. Đường kính: 4.0mm, 5.5mm. Tốc độ tối đa 8000-10000 vòng/phút. - Hỗ trợ Cung cấp máy bào và tay bào tương thích	Cái/ Hộp	30
374	Troca nhựa tích hợp khóa 3 lớp, chất liệu: polycarbonate, Latex-free dùng trong nội soi khớp	Ống trocar nhựa. Tích hợp khóa ba lớp giảm rò dịch khi thao tác. Thiết kế nhấn vào, vặn ra giúp bám chắc vào mô và đem lại khả năng điều chỉnh hữu ích. Chất liệu: polycarbonate, Latex-free. Đường kính 4.5, 5.5, 6.5, 7.0, 8.5mm. Chiều dài 45, 55, 72, 90mm.	Cái/ Hộp	50
375	Cây đẩy chỉ giúp đẩy và luồn chỉ với 3 tùy chọn khâu, các thiết kế đầu khác nhau	Cây đẩy luồn chỉ. Gồm các loại đầu mũi thẳng, cong trái 45 độ, cong phải 45 độ, uốn lên trên 45 độ, uốn lên trên 70 độ, hình lưỡi liềm. Vô trùng, sử dụng một lần. Thiết kế tay cầm thao tác một tay, có bánh xe. Thân cứng một mảnh chống cong và gãy. Kèm chỉ #1 Monoflament dài 48"	Cái/ Hộp	30
376	Vít neo khớp vai tự tiêu, đường kính 2.9mm chất liệu PLLA phủ Ha, kèm 2 sợi chỉ Ultra	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp · Vít được kết nối sẵn với tay đóng. • Chất liệu tự tiêu PLLA kết hợp HA, đã tiệt trùng • Kèm hai sợi chỉ siêu bền Ultrabraid số 2, Đường kính 2.9 mm. Đường kính ngoài 3.7 mm, dài 11.5mm	Cái/ Hộp	40
377	Chỉ khâu siêu bền chất liệu polyethylene UHMW, dài 38" dùng cho nội soi các loại	Chỉ không tiêu số 2 kèm kim. Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene siêu bền. Dài 38 Inch. Đã tiệt trùng.	Cái/ Hộp	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
378	Vít neo khớp vai toàn bằng chỉ kích thước 1.8mm	Vít neo khớp vai toàn bằng chỉ. Neo chưa bung đường kính 1.8mm, dài 15mm. Sau khi bung tạo nút cầu đường kính 4.0mm dài 3.5mm. Gồm một sợi chỉ số 2. Phù hợp khâu sụn viền.	Cái/ Hộp	30
379	Cây đẩy chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay	Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay - Chất liệu: Nitinol - Kim tròn, uốn cong sẵn. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ	Cái/ Hộp	20
380	Vít chỉ neo đôi khâu chóp xoay khớp vai, PLLA, phủ HA, đường kính 4.5, 5.5, 6.5 mm	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiết trùng • Kèm hai hoặc ba sợi chỉ Ultrabraid số 2 • Đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.5mm tương ứng chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm	Cái/ Hộp	20
381	Vít neo khớp vai toàn bằng chỉ đường kính 2.8mm	Vít neo khớp vai toàn bằng chỉ. Neo chưa bung đường kính 2.8mm, dài 20.0mm. Sau khi bung tạo nút cầu đường kính 5.5mm dài 4.7mm. Gồm hai sợi chỉ số 2. Phù hợp khâu chóp xoay.	Cái/ Hộp	20
382	Vít chỉ khâu chóp xoay, chất liệu Peek, sử dụng kỹ thuật khâu hai hàng, đường kính 4.5 và 5.5mm	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiết trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình ngành mọc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài bung tương ứng 20.4mm và 20.8mm	Cái/ Hộp	20
383	Xương nhân tạo (Dạng hạt, độ cứng thông thường)	1. Thành phần cấu tạo: - Thành phần hữu cơ: Collagen type I tinh khiết (55% ±5%). - Thành phần vô cơ: Hydroxyapatite nano kết tinh thấp (45% ± 5%). - Cấu trúc mô phỏng xương tự nhiên, tái tạo đa tầng nano – vi mô – vĩ mô. - Cấu trúc bề mặt xốp 3D liên thông. 2. Đặc tính sinh học: Sản xuất bằng công nghệ khoáng khóa sinh học - Cảm ứng xương (osteinduction): giải phóng ion Ca ²⁺ , PO ₄ ³⁻ kích thích nguyên bào xương và tế bào gốc - Độ xốp: 60 – 80%, kích thước lỗ 50 – 500 μm, thuận lợi cho tái tạo xương 3. Đặc tính cơ học - Tỷ trọng: xấp xỉ 0,7 g/cm ³ , gần giống xương xốp tự nhiên - Độ bền nén: >0.2MPa, phù hợp vùng xương xốp 4. Kích thước hạt: 3.5 - 4 mm, thể tích 2cc 5. Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA (510K)	Hộp	20
384	Xương nhân tạo (Dạng khối, độ cứng thông thường)	1. Thành phần cấu tạo: - Thành phần hữu cơ: Collagen type I tinh khiết (55% ±5%). - Thành phần vô cơ: Hydroxyapatite nano kết tinh thấp (45% ± 5%). - Cấu trúc mô phỏng xương tự nhiên, tái tạo đa tầng nano – vi mô – vĩ mô. - Cấu trúc bề mặt xốp 3D liên thông. - Độ nén nhỏ hơn 0.5MPa 2. Đặc tính sinh học: Sản xuất bằng công nghệ khoáng khóa sinh học - Cảm ứng xương (osteinduction): giải phóng ion Ca ²⁺ , PO ₄ ³⁻ kích thích nguyên bào xương và tế bào gốc - Độ xốp: 60 – 80%, kích thước lỗ 50 – 500 μm, thuận lợi cho tái tạo xương 3. Đặc tính cơ học - Tỷ trọng: xấp xỉ 0,7 g/cm ³ , gần giống xương xốp tự nhiên - Độ bền nén: > 0.2MPa, phù hợp vùng xương xốp 4. Kích thước khối: 10 x 10 x 20mm (dài, rộng, cao), thể tích 2cc 5. Tiêu chuẩn ISO 13485 và CFDA	Hộp	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
385	Xương nhân tạo (dạng thanh trụ) các cỡ	<p>1. Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hữu cơ: Collagen type I tinh khiết (55% ±5%). - Thành phần vô cơ: Hydroxyapatite nano kết tinh thấp (45% ± 5%). - Cấu trúc mô phỏng xương tự nhiên, tái tạo đa tầng nano – vi mô – vĩ mô. - Cấu trúc bề mặt xốp 3D liên thông. <p>2. Đặc tính sinh học: Sản xuất bằng công nghệ khoáng khóa sinh học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm ứng xương (osteoinduction): giải phóng ion Ca²⁺, PO₄³⁻ kích thích nguyên bào xương và tế bào gốc - Độ xốp: 60 – 80%, kích thước lỗ 50 – 500 μm, thuận lợi cho tái tạo xương <p>3. Đặc tính cơ học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ trọng: xấp xỉ 0,7 g/cm³, gần giống xương xốp tự nhiên - Độ bền nén: > 0,2 MPa, phù hợp vùng xương xốp <p>4. Kích thước dạng que: φ 3.5mm x 50mm (Đường kính x chiều dài), thể tích 1cc</p> <p>5. Tiêu chuẩn ISO 13485 và FDA (510K)</p>	Hộp	60
386	Dây nước dùng trong nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng cho phẫu thuật nội soi khớp, chất liệu nhựa PVC, không có DEHP - Dây dẫn nước áp lực trong nội soi khớp, có 2 đầu nước vào và 1 đầu nước ra được điều chỉnh khóa an toàn. - Để kiểm soát áp suất, ống đo áp suất sẽ được kết nối với máy bơm. - Được khử trùng bằng khí VH₂O₂-Gas - Plasma * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC 	Cái	30
387	Lưới bảo dùng cho nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Lưới bảo khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Dùng 1 lần. Có chiều dài 85mm cho đường kính 3mm. Chiều dài 130mm cho đường kính 4mm và 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC 	Cái	30
388	Vít treo mảnh ghép gân	<ul style="list-style-type: none"> - Vít chốt neo cố định dây chằng chéo, bao gồm: 1 nút titan, 1 vòng polyethylene terephthalate (PET), 2 sợi kéo terephthalate polyethylene (xanh lá cây và trắng). Vòng dây treo 15, 20, 25, 30, 35, 40 mm. Sản phẩm được cung cấp trong một gói vô trùng và tiệt trùng Gamma - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC 	Cái	30
389	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh độ dài	<ul style="list-style-type: none"> - Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài và vít chặn. Phần nút chặn chất liệu titanium (TA6V ELI) kích thước 12mm. Phần vòng dây có thể điều chỉnh chiều dài chất liệu UHMWPE (chiều dài nhỏ nhất vòng dây là 15mm). Phần dây kéo và dây lật màu xanh và trắng có chất liệu Polyethylene terephthalate. Độ giãn tối đa là 1.43mm; Lực tải tối đa là 1844N. Vít dây chằng được đóng gói 2 lớp và tiệt trùng bởi ethylene oxide. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC và FSC 	Cái	30
390	Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Vít cố định dây chằng chéo tự tiêu chất liệu PLA 70% + Beta Tri calcium phosphate 30% (β -TCP), đường kính 6 đến 11 mm và chiều dài 20mm, 24mm, 30mm, 35 mm. Đầu Flat-head. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, EC, FDA 510 và FSC 	Cái	30
391	Vít neo khâu sụn chêm nội soi khớp	<ul style="list-style-type: none"> - Vít neo khâu sụn chêm nội soi khớp. Neo sinh học all-inside dành cho sửa chữa tổn thương sụn chêm - Đầu kim thẳng (10°)/cong (30°) - Chất liệu PEEK Anchor - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 	Cái	20
392	Vít neo khâu chóp xoay chất liệu Peek	<p>Vít neo khâu chóp xoay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: + Vít neo chất liệu PEEK + Chỉ khâu chất liệu Polyethylene trọng lượng cao phân tử - Kích thước: + Vít: Đường kính: 5.0 mm và 5.5 mm Chiều dài: 19 mm + Có 2 loại chỉ khâu đi kèm 1/2# và 2/2# (1 sợi cỡ 2 hoặc 2 sợi cỡ 2) Chiều dài chỉ: 600 mm, 650 mm hoặc 950 mm. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
393	Vít neo chóp xoay hàng 1 loại 2 chỉ	Vít neo chóp xoay hàng 1, 2 chỉ - Chất liệu: vít neo chất liệu PEEK, chỉ khâu Polyethylene trọng lượng cao phân tử - kích thước: + Vít có đường kính 4.5 × chiều dài 19 mm và đường kính 5.5 × dài 19 mm + Chỉ khâu 2/2# (2sợi cỡ 2)× 950 mm - Chỉ định + Cố định mô mềm, dây chằng và gân vào xương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	Cái	20
394	Vít neo đóng sụn viền chất liệu Peek	Vít neo đóng sụn viền - Chất liệu: vít neo chất liệu PEEK, chỉ khâu Polyethylene trọng lượng cao phân tử - kích thước: + Vít có đường kính 3.0 × chiều dài 13 mm và đường kính 4.5 × dài 25 mm + Chỉ khâu 1/2# (1 sợi cỡ 2)× 950 mm - Chỉ định + Cố định mô mềm, dây chằng và gân vào xương Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC	Cái	20
395	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	1. Lõi cầu lặn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket), bán kính góc ổn định 0 - 90 độ. - 8 cỡ lõi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 - Độ rộng mặt trên (A/P): 59, 61, 64, 66, 70, 73, 77, 80mm - Độ dài mặt trên (M/L): 51, 54, 57, 60, 64, 68, 72, 76 mm 2. Mâm chày: Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái. - Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+ - Độ rộng mặt trên (A/P): 40, 43, 46, 49, 52, 55, 58, 61, 64mm - Độ dài mặt trên (M/L): 54, 58, 62, 66, 70, 74, 78, 82, 86mm. - Chiều dài thân (Stem Length): 31; 34; 38; 41mm 3. Lớp đệm: Chất liệu UHMWPE có 6 độ dày 10; 12; 14; 17; 20; 24mm. 4. Bánh chè: chất liệu UHMWPE, 3 chân. Có kích cỡ về độ dày và đường kính: 26 x 8,0 mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm. 5. Xi măng: Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vô trùng và một gói bột polymer 40g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA. Xi măng tiêu chuẩn: ISO 13485, EU và FSC - Xuất xứ các nước G7	Bộ	5
396	Bộ khớp háng bán phần không xi măng cổ liền Plasma	1. Đầu lưỡng cực: chất liệu Cobalt Chrome với bề mặt chịu lực polyethylene liên kết chéo A-CLASS, đường kính từ 36mm đến 65 mm với mỗi kích cỡ tăng 1mm. Phạm vi chuyển động 100° - Lớp lót chất liệu Cross-linked polyethylene, có một vòng hỗ trợ UHMWPE bên trong vỏ cố định và có một vòng khóa UHMWPE lắp ráp phía trên vòng hỗ trợ. 2. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 22.25, 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3,5mm, +7mm). 3. Cuồng xương đùi chất liệu Hợp kim Titanium, Góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37- 44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi phun lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14 - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA - Xuất xứ các nước G7	Bộ	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
397	Bộ khớp háng toàn phần không xi măng chuôi Plasma cổ liền	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xấp 30%, độ dày 114μm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bờ chống trật 0 độ; 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock.</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng Cobalt Chrome đường kính 28, 32, 36mm. Lõi tăng giảm (+0mm, ±3.5mm, +7mm) với taper 12/14.</p> <p>4. Cuồng xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy phủ lớp Plasma (0.5mm). Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có đường kính 6.5mm, chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>- Xuất xứ các nước G7</p>	Bộ	5
398	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly	<p>1. Ổ cối: hình cầu bán kính đơn 152° với mái vòm phẳng 14°, độ xấp 30%, độ dày 114μm, gồm đường kính các cỡ từ 44mm-70mm, bước tăng 2mm</p> <p>2. Lớp lót bằng X-Linked Poly (liên kết chéo), có bờ chống trật 0 độ 15 độ. Lớp lót được khóa an toàn bởi hệ thống cố định Rim-Lock.</p> <p>3. Đầu xương đùi làm bằng BioloX Delta đường kính 28, 32, 36, 40mm. Lõi điều chỉnh được (+0mm, ±3,5mm, ±4mm).</p> <p>4. Cuồng xương đùi với góc cổ thẳng cổ điển là 135 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (35- 42mm), cổ trung (37-44mm), cổ dài (42 - 49mm). Góc cổ Varus cổ điển 8 ° là 127 độ với độ di lệch cổ chuôi (Offset): Cổ ngắn (38- 45mm), cổ trung (43-50mm), cổ dài (46 - 53mm). Thân chuôi Titanium Alloy, phun lớp Plasma (0.5mm) hoặc phủ lớp Hydroxyapatite. Kích cỡ: 1-10, chiều dài: 125, 135, 140, 145, 150, 155, 160, 165, 170, 175mm. M/L With 27-36mm; A/P Thick 12-19mm. Cổ côn 12/14</p> <p>5. Vít bắt ổ cối Titanium có đường kính 6.5mm, chiều dài từ 15-50mm (Bước tăng 5mm)</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC và FDA</p> <p>- Xuất xứ các nước G7</p>	Bộ	5
399	Đinh Kirschner các cỡ	Đường kính 0.8 - 2.5mm x 200 - 300 mm Chất liệu thép không gỉ (Stainless Steel).	Cái	1.000
400	Khung cố định ngoài chữ T	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm dài 330mm, 2 thanh ren thép 316 đường kính 6mm dài 160-180mm, 12 khối chữ nhật, 10 bu lông, 28 đai ốc thép không gỉ. Bộ gồm 1 khung và 5 đinh răng Schanz 5.0mm.	Bộ	20
401	Khung cố định ngoài khung chậu	Gồm 2 thanh cong thép 316 đường kính 8mm; 3 thanh ren thép 316 đường kính 6mm dài 360mm, 380mm, 400mm; 14 khối chữ nhật; 26 bulông; 12 đai ốc thép không gỉ. Bộ gồm 1 khung và 4 đinh răng Schanz 5.0mm.	Bộ	15
402	Khung cố định ngoài qua gối	Gồm 2 thanh ren thép 316 đường kính 8mm, dài 650mm, 12 khối chữ nhật, 24 đai ốc, 12 bulông thép không gỉ. Bộ gồm 1 khung và 6 đinh răng Schanz 5.0mm.	Bộ	15
403	Khung cố định ngoài thẳng	Gồm 2 thanh ren đường kính 8mm dài 330mm thép 316, 8 khối chữ nhật, 8 bu lông, 16 đai ốc thép không gỉ. Bộ gồm 1 khung và 4 đinh răng Schanz 5.0mm.	Bộ	20
404	Chỉ thép bánh chè	- Chỉ thép khâu xương bánh chè các cỡ, chỉ liền kim - Chất liệu được làm bằng thép không gỉ - Tiệt trùng	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
405	Giá đỡ (Stent) mạch vành phủ thuốc Sirolimus	<ul style="list-style-type: none"> - Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus được thiết kế: cắt laser, ống có rãnh, với thiết kế 6 - 10 đỉnh mỗi vòng zigzag - Vật liệu khung stent: Cobalt Chromium L605 - Độ dày thanh chống: 65 μm - Chiều rộng khung stent chính: ở hai đầu: 85 μm, đoạn giữa: 72 μm - Độ rút ngắn chiều dài: $\leq 2\%$ - Đường kính stent: 2.00 - 4.50 mm - Chiều dài stent: 8 - 48 mm - Liều lượng thuốc phủ: 1.40 $\mu\text{g} / \text{mm}^2$ - Polymer phủ: Polymer tự tiêu sinh học PLLA 85/PLGA 15 - Độ dày lớp thuốc phủ: 3 - 5 μm - Số nếp gấp bóng: 3 cánh - Xuất xứ: Nhóm các nước công nghiệp phát triển (G7) hoặc Việt Nam. 	Cái	25
406	Xi măng sinh học cột sống kèm dung dịch pha	<ul style="list-style-type: none"> - Loại xi măng có độ nhớt thấp. Bao gồm xi măng dạng bột và dung dịch pha. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	80
407	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi cột sống thắt lưng		Cái	-
407.1	Dây bơm nước dùng trong nội soi chạy bằng máy sử dụng trong nội soi 2 cổng	<ul style="list-style-type: none"> - Dây bơm nước dùng trong nội soi khớp loại dùng một lần, tương thích với máy bơm - Chất liệu: Nhựa PVC - Dây bơm nước có 2 kim đầu nhọn cắm vào bình đựng nước và nắp đậy đầu kim, 3 kẹp bấm, đầu nối với ống soi và nắp đậy đầu nối, ... - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide - Cung cấp kèm máy bơm nước khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc CE hoặc FDA. 	Cái	10
407.2	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng để loại bỏ, cắt, đông máu và cầm máu các mô mềm - Sử dụng công nghệ Plasma - Tính năng tự động tạm dừng đốt khi đầu đốt tiếp xúc kim loại và tự động hoạt động trở lại sau khi đầu đốt trở về khoảng cách thích hợp. - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần. Tương thích với các máy cắt đốt cùng nhà sản xuất. - Cung cấp kèm máy đốt sóng cao tần plasma cùng nhà sản xuất khi sử dụng. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu) 	Cái	10
407.3	Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng	<ul style="list-style-type: none"> - Lưỡi mài kim cương tròn, loại nhám nhiều dùng trong nội soi cột sống 2 cổng - Đường kính lưỡi mài: 2, 3, 4, 5mm; - Có thể điều chỉnh chiều dài của mũi mài khi lắp vào - Tương thích với máy khoan mài tốc độ cao - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) 	Cái	10
407.4	Ống soi sử dụng trong nội soi cột sống 2 cổng, sử dụng 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Ống soi sử dụng trong nội soi cột sống 2 cổng, sử dụng 1 lần - Thiết kế quang học được cấp bằng sáng chế tạo ra hình ảnh chất lượng 4K, mà không cần sử dụng bó sợi quang học. - Tương thích với bất kì hệ thống camera. - Tiệt trùng sẵn, sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485,CE (Châu Âu) 		10
408	Bộ vít cột sống cổ đa trục lõi sau		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
408.1	Vít cột sống cổ đa trục lõi sau kèm ốc khóa trong	- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium - Kích thước: + Đường kính 3.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-40mm + Đường kính 4.0mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-52mm + Đường kính 4.5mm, chiều dài thuộc trong khoảng 8-50mm. - Vít cấu tạo tương thích với nẹp dọc đường kính 3.3mm. - Ốc khóa trong tương thích với vít cùng loại - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
408.2	Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau tương ứng vít cột sống cổ đa trục lõi sau	- Vật liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium, đường kính 3.3mm, chiều dài thuộc trong khoảng 100mm- 250mm. - Đồng bộ với "Vít cột sống cổ đa trục lõi sau kèm ốc khóa trong" - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA	Cái	6
409	Bộ vít cột sống cổ lõi trước		Cái	-
409.1	Vít cột sống cổ lõi trước	- Chất liệu: hợp kim titan - Vít sử dụng với nẹp cổ lõi trước - Thiết kế đơn trục hoặc đa trục, tự khoan hoặc tự taro - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ. - Đường kính 4.2mm hoặc 4.6mm, Chiều dài \geq 12mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	20
409.2	Nẹp cột sống cổ lõi trước 2 tầng, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium - Thiết kế phù hợp cố định cột sống cổ lõi trước, 2 tầng. - Tích hợp ốc khóa trên nẹp, tránh tuột vít - Chiều dài thuộc trong khoảng 24mm-46mm - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	3
409.3	Nẹp cột sống cổ lõi trước 3 tầng, các cỡ	- Chất liệu hợp kim titanium - Thiết kế phù hợp cố định cột sống cổ lõi trước, 3 tầng. - Tích hợp ốc khóa trên nẹp, tránh tuột vít - Chiều dài thuộc trong khoảng 39mm-69mm - Góc bắt vít nghiêng trong 6 độ, nghiêng tương ứng theo trục đầu/chân 10 độ - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485,CE (Châu Âu), FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	2
410	Bộ vít và nẹp sọ não		Cái	-
410.1	Vít sọ tự khoan, tự taro	- Chất liệu: Titanium - Vít vát sọ đường kính 1.6mm, chiều dài vít 5-8mm, tự khoan, tự taro - Tương thích với miếng vát sọ 122x122mm/200x200mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	250
410.2	Nẹp sọ não thẳng	Chất liệu titanium, số lượng lỗ trên thanh nẹp 10-20 lỗ, phù hợp với vít sọ tự khoan, tự taro trong danh mục. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA	Cái	20
411	Bộ vít cột sống đa trục rỗng nòng can thiệp tối thiểu qua da		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
411.1	Vít cột sống đa trục rỗng nòng can thiệp tối thiểu qua da kèm ốc khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim titanium / Ti-6Al-4V, - Thiết kế dùng cho phẫu thuật can thiệp tối thiểu qua da (MIS), vít có thể bắt vào chân cung hoặc vào thân đốt sống - Thiết kế ren đôi, với 1/3 trước là ren bén để bắt vào xương xốp, 2/3 sau là ren tù để bắt vào vỏ xương, thích hợp cho bệnh nhân loãng xương - Thân vít rỗng, có thể bơm xi măng vào đốt sống thông qua thân vít - Đầu vít có phần nắn trượt, giúp hỗ trợ nắn chỉnh cột sống - Kích thước: đường kính 4.5mm-8mm, chiều dài các cỡ - Tương thích với nẹp dọc cột sống thắt lưng cùng loại - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Cái	150
411.2	Nẹp dọc cột sống thắt lưng tương thích với Vít cột sống đa trục rỗng nòng can thiệp tối thiểu qua da	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: hợp kim titanium - Đồng bộ với "Vít cột sống đa trục rỗng nòng can thiệp tối thiểu qua da kèm ốc khóa trong" trong danh mục - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA 	Cái	50
412	Bộ vít cột sống lưng phủ H.A đa trục kèm ốc khóa trong		Cái	-
412.1	Vít cột sống lưng phủ H.A đa trục kèm ốc khóa trong	<p>Đối với vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu titanium Alloy - Mũi vít nhọn và có 2 rãnh cắt giúp vít tự tào - Thân vít được phủ lớp HA (Hydroxylapatite) - Vít đa trục thay đổi được góc giữa thân và mũ vít. Góc xoay thay đổi từ 0 độ đến 60 độ. - Đường kính thân vít: từ 4.0mm đến 7.0mm - Chiều dài thân vít: từ 20mm đến 60mm - Kèm theo ốc khóa trong tương thích với vít - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE 	Cái	100
412.2	Nẹp dọc cột sống thắt lưng tương thích với vít cột sống lưng phủ HA	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Đồng bộ với "Vít cột sống lưng phủ H.A đa trục kèm ốc khóa trong" - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc CE 	Cái	30
413	Bộ vít cột sống đa trục rỗng nòng có lỗ bơm xi măng		Cái	-
413.1	Vít cột sống đa trục rỗng nòng có lỗ bơm xi măng kèm bộ dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng kèm ốc khóa trong	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: titanium Alloy - Rỗng nòng, trên thân vít có lỗ bơm xi măng. Thân vít có 2 loại ren: 2/3 trước là ren bén, bắt vào xương xốp. 1/3 sau là ren tù, bắt vào vỏ xương - Đường kính: từ 4-10mm, chiều dài \geq 20mm - Đầu vít được thiết kế để gắn với canula (dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng) - Ốc khóa trong tương thích với vít - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE 	Cái	180
413.2	Nẹp dọc tương thích với vít cột sống đa trục rỗng nòng có lỗ bơm xi măng	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu hợp kim titanium - Kích thước: đường kính các cỡ, chiều dài các cỡ - Đồng bộ với "Vít cột sống đa trục rỗng nòng có lỗ bơm xi măng kèm bộ dụng cụ đưa xi măng sinh học vào vít đa trục rỗng nòng kèm ốc khóa trong" - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE 	Cái	60
414	Bộ nẹp khóa đa hướng xương đòn		Bộ	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
414.1	Nẹp khóa đa hướng xương đòn	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy, Titanium. - Nẹp 3.5mm trái/phải: Nẹp 6->11 lỗ khóa đa hướng ứng với chiều dài 83->138.4mm, rộng 11mm, dày 3.0mm. - Nẹp 2.7 và 3.5mm trái/phải: Nẹp 6 ->12 lỗ ứng với chiều dài 78->126mm, rộng 11mm, dày 3.0mm 2 lỗ đầu gắn dùng vít khóa đa hướng 2.4/2.7mm. - Nẹp dùng vít khóa 2.7 và 3.5mm, vít vò 3.5mm. * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	20
414.2	Vít khóa đa hướng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình cầu giúp thay đổi góc khóa, ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 8-40mm tăng 2mm, 40-60mm tăng 5mm. + Vít 3.5mm: Dài 10-60mm tăng 2mm, 60-95mm tăng 5mm. + Vít 5.0mm: Dài 14-50mm tăng 2mm, 50-100mm tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	140
414.3	Vít xương cứng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	40
415	Bộ nẹp khóa đa hướng xương đòn có móc		Bộ	-
415.1	Nẹp khóa đa hướng xương đòn có móc	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium. - Nẹp móc: Có các chiều cao 12 ->18mm, Đầu có 7 lỗ khóa đa hướng 2.4 và 2.7mm, thân nẹp có 2->5 lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép 3.5mm, ứng với chiều dài 75->105mm, dày 3.0mm. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k 	Cái	10
415.2	Vít khóa đa hướng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình cầu giúp thay đổi góc khóa, ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 8-40mm tăng 2mm, 40-60mm tăng 5mm. + Vít 3.5mm: Dài 10-60mm tăng 2mm, 60-95mm tăng 5mm. + Vít 5.0mm: Dài 14-50mm tăng 2mm, 50-100mm tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	40
415.3	Vít xương cứng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	10
416	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay		Cái	-
416.1	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương cánh tay	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu nẹp mở rộng có 2 lỗ khóa đa hướng, 6 lỗ khóa 1 lỗ vít kép 3.5mm, 9 lỗ cố định k_wire hoặc chỉ bao khớp. - Thân có 4->12 lỗ, ứng với khoảng chiều dài 78->174mm dày 3.0mm. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
416.2	Vít khóa đa hướng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình cầu giúp thay đổi góc khóa, ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 8-40mm tăng 2mm, 40-60mm tăng 5mm. + Vít 3.5mm: Dài 10-60mm tăng 2mm, 60-95mm tăng 5mm. + Vít 5.0mm: Dài 14-50mm tăng 2mm, 50-100mm tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	70
416.3	Vít xương cứng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	20
417	Bộ nẹp khóa đa hướng mỏm khuỷu		Cái	-
417.1	Nẹp khóa đa hướng mỏm khuỷu	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium. - Nẹp đầu trên trái/phải: đầu nẹp có 5 lỗ vít khóa đa hướng 2.4 và 2.7mm, 5 lỗ vít khóa 3.5mm 8 lỗ k-wire, thân có 4->9 lỗ kép kết hợp vít vỏ hoặc vít khóa 3.5mm ứng với chiều dài 86->143mm, dày 2.8mm. - Thân nẹp có lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k 	Cái	10
417.2	Vít khóa đa hướng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình cầu giúp thay đổi góc khóa, ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 8-40mm tăng 2mm, 40-60mm tăng 5mm. + Vít 3.5mm: Dài 10-60mm tăng 2mm, 60-95mm tăng 5mm. + Vít 5.0mm: Dài 14-50mm tăng 2mm, 50-100mm tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	60
417.3	Vít xương cứng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	10
418	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay 6 lỗ đầu		Bộ	-
418.1	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương quay 6 lỗ đầu	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium. - Nẹp có trái/phải, thân có lỗ kép kết hợp vít vỏ hoặc khóa 2.4 và 2.7mm. - Nẹp 2 cột: Đầu nẹp tạo hình tạo góc có cửa sổ kiểm soát ở gãy. + Đầu 6 lỗ khóa đa hướng, thân có 2->5 lỗ ứng với chiều dài 45->75mm, dày 2mm. - Nẹp mặt lòng: Đầu tạo hình p có 6 lỗ vít khóa đầu, thân 5 lỗ dài 57mm. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, FDA 510k 	Cái	20
418.2	Vít khóa đa hướng tự taro	<ul style="list-style-type: none"> * Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình cầu giúp thay đổi góc khóa, ren khóa đồng bộ với cả nẹp đơn và đa hướng, mũ vít tự taro. + Vít 2.4mm: Dài 8-30mm, tăng 2mm. + Vít 2.7mm: Dài 8-40mm tăng 2mm; 40-60mm tăng 5mm. + Vít 3.5mm: Dài 10-60mm tăng 2mm, 60-95mm tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k. 	Cái	120

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
418.3	Vít xương cứng tự taro	* Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũi vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k.	Cái	20
419	Bộ nẹp khóa bản hẹp		Cái	-
419.1	Nẹp khóa bản hẹp	* Chất liệu Titanium - Nẹp 5.0mm: có 4->14 lỗ, dài khoảng 72->252mm, rộng \geq 14mm, dày \geq 4.4mm. - Nẹp thẳng: Đầu nẹp mỏng có 5 lỗ kép, thân có 3-13 lỗ, ứng với các chiều dài 118-298mm, rộng 14mm, dày \geq 4.4mm. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
419.2	Vít khóa tự taro	* Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình trụ ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng theo góc cố định sẵn, mũi vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 6-30mm, tăng 2mm; 30-60mm, tăng 5mm. + Đường kính 3.5mm, dài 10-40mm, tăng 2mm; 40-95mm, tăng 5mm. + Đường kính 5.0mm, dài 14-50mm, tăng 2mm; 50-90mm, tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	60
419.3	Vít xương cứng tự taro	* Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũi vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
420	Bộ nẹp khóa bản rộng		Cái	-
420.1	Nẹp khóa bản rộng	* Chất liệu Titanium. - Nẹp thẳng: có đủ 6->15 lỗ, dài khoảng 108->270mm, rộng \geq 18mm, dày \geq 5.4mm. - Nẹp cong 2 đầu nhọn có đủ 12->18 lỗ, dài khoảng 229->336mm, dày \geq 5.5mm. - Thân nẹp có rãnh cắt, lỗ kép kết hợp vít khóa hoặc nén ép. * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
420.2	Vít khóa tự taro	* Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũ vít hình trụ ren khóa đồng bộ với nẹp đơn và đa hướng theo góc cố định sẵn, mũi vít tự taro. + Vít 2.7mm: Dài 6-30mm, tăng 2mm; 30-60mm, tăng 5mm. + Đường kính 3.5mm, dài 10-40mm, tăng 2mm; 40-95mm, tăng 5mm. + Đường kính 5.0mm, dài 14-50mm, tăng 2mm; 50-90mm, tăng 5mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	60
420.3	Vít xương cứng tự taro	* Chất liệu Titanium Alloy - Đầu vận hình sao, mũi vít tự taro. - Vít 2.7mm: Dài 6-30mm tăng 2mm. - Vít 3.5mm: Dài 10-50mm tăng 2mm; 50-70mm tăng 5mm. - Vít 4.5mm: dài 14-70mm, tăng 2mm. - Có đủ trợ cụ tương thích * Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
420.4	Vít xương cứng tự taro	* Chất liệu Titanium (có dẫn hướng). - Vít 2.5mm toàn ren: Dài 8 ->30mm, tăng 1-2mm. - Vít 2.5mm 2 đầu ren: Dài 10 -> 40mm, tăng 2mm với vít ren ngắn, dài 20->40mm, tăng 2mm, với vít ren dài. - Thân vít rỗng, đầu vận hình sao, cấu tạo mũi vít tự khoan, tự taro. * Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	Bộ	20
421	Bộ nẹp khóa nén ép 3.5, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
421.1	Nẹp khóa nén ép 3.5, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Thiết kế cho giải pháp trực xương nhỏ hoặc thân xương cánh tay. - Lỗ đơn, lỗ khóa và lỗ nén xen kẽ nhau. - Đầu nẹp được vát mỏng. - Nẹp được thiết kế mỏng. - 2 đầu nẹp vát nhọn bo tròn. - Thân nẹp thiết kế uốn lượn, đường viền tự động - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vỏ động tự taro 3.5mm - Có 4 -> 12 lỗ, dài 59mm -> 163mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	10
421.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10-> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50-> 80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	60
421.3	Vít vỏ động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	20
422	Bộ nẹp khóa xương đòn, Chất liệu Ti6Al4V., bao gồm:		Cái	-
422.1	Nẹp khóa xương đòn, Chất liệu Ti6Al4V.	- Chất liệu Ti6Al4V - Nẹp hình chữ S được thiết kế xoắn quanh thân xương đòn. - Nẹp được sử dụng đặt cho phẫu thuật xương đòn mặt trước. - Có 2 lỗ nén ở giữa để nén ép và cố định ổ gãy. - Hông nẹp uốn lượn để dàng uốn cong. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vỏ động tự taro 3.5mm - Loại trái/ phải - Có 5 -> 11 lỗ, dài 57mm -> 116mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	20
422.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	120

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
422.3	Vít vô động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50-> 55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
423	Bộ nẹp khóa khớp cùng xương đòn có móc, thiết kế móc giải phẫu 100°, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
423.1	Nẹp khóa khớp cùng xương đòn có móc, thiết kế móc giải phẫu 100°, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Thân nẹp dạng mắt xích. - Đầu mặt khớp có 4 lỗ, móc 100°. - Chiều cao móc 17mm - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vô động tự taro 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 3 -> 6 lỗ, dài 70mm -> 104mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
423.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30
423.3	Vít vô động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
424	Bộ nẹp khóa đầu xa xương cánh tay, Chất liệu Pure Titanium, bao gồm:		Cái	-
424.1	Nẹp khóa đầu xa xương cánh tay, Chất liệu Pure Titanium	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Pure Titanium - Vít đầu xa của nẹp đặt mặt trong xen kẽ với vít của nẹp được đặt ở mặt ngoài tạo ra 1 cấu trúc song song. - Hồng nẹp uốn lượn để uốn cong. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vô động tự taro 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Mặt trong: có khoảng 4 -> 10 lỗ, dài 87mm -> 156mm. - Mặt ngoài: có khoảng 2 ->14 lỗ, dài 63mm -> 200mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
424.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	60

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
424.3	Vít vỏ động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
425	Bộ nẹp khóa đầu gần xương trụ có móc, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
425.1	Nẹp khóa đầu gần xương trụ có móc, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Vít khóa tối ưu hóa các mảnh gãy ở mỏm khuỷu và mỏm vẹt. - Vít khóa/vít nén đầu gần mỏm khuỷu để cố định mảnh gãy. - Thân nẹp dài hơn phù hợp với xương trụ. - Móc thiết kế cắt cạnh. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vỏ động tự taro 3.5mm - Loại trái/ phải - Có 2 -> 12 lỗ, dài 73mm -> 186mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
425.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
425.3	Vít vỏ động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
426	Bộ nẹp khóa đầu xa xương trụ, vít 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp có góc cố định liên kết chéo, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
426.1	Nẹp khóa đầu xa xương trụ, vít 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp có góc cố định liên kết chéo, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Vít khóa động tự taro 2.4mm đa hướng ở đầu mặt khớp có góc cố định liên kết chéo. - Có lỗ K-pin cố định tạm thời. - Đầu và đuôi nẹp được vát cạnh bo tròn. - Thiết kế mỏng phù hợp với bề mặt khớp đầu xa xương trụ. - Dùng vít khóa động tự taro 2.4mm, vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vỏ động tự taro 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 1 -> 3 lỗ, dài 52mm -> 68mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
426.2	Vít khóa động tạt 2.4 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tạt tạt - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 08-30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30
426.3	Vít khóa động tạt 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tạt tạt - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
426.4	Vít vò động tạt 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tạt tạt - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
427	Bộ nẹp khóa đầu xa xương quay, đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ vít 2.4mm, thân vít 3.5, thiết kế hình quạt, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
427.1	Nẹp khóa đầu xa xương quay, đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ vít 2.4mm, thân vít 3.5, thiết kế hình quạt, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Đầu mặt khớp 9 lỗ và 12 lỗ sử dụng vít khóa động tạt 2.4mm. - Thiết kế hình quạt. - Lỗ vít nén cố định ở gãy. - Vít khóa đa hướng - hướng vào mồm trám quay. - Các cạnh vát nhọn bo tròn. - Thiết kế kết hợp xương theo nguyên lý 3 cột (cột quay, cột giữa, cột trụ). - Dùng vít khóa động tạt 2.4mm, vít khóa động tạt 3.5mm, vít vò động tạt 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 2 -> 8 lỗ, dài 66mm -> 123mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
427.2	Vít khóa động tạt 2.4 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tạt tạt - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 08->30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30
427.3	Vít khóa động tạt 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tạt tạt - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10-> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50 -> 80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
427.4	Vít vô động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12-> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
428	Bộ nẹp khóa đầu xa xương quay đầu khớp có móc, 3 móc ở đầu mặt khớp để cố định những mảnh vỡ, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
428.1	Nẹp khóa đầu xa xương quay đầu khớp có móc, 3 móc ở đầu mặt khớp để cố định những mảnh vỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - 3 móc có các cạnh tròn để uốn cong hoặc cắt để cố định những mảnh gãy bờ trong xương quay. - 2 vít khóa hướng vào mồm trám quay. - Có lỗ vít nén ép cố định ở gãy. - Các cạnh vát nhọn bo tròn. - Vít khóa được bắt liên kết chéo. Thân nẹp có góc vít đa hướng chệch $\theta = 5^\circ$ để cố định trực. - Dùng vít khóa động tự taro 2.4mm, vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vô động tự taro 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 2 -> 11 lỗ, dài 55mm -> 133mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
428.2	Vít khóa động tự taro 2.4 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 08->30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30
428.3	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	30
428.4	Vít vô động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12 -> 50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA. 	Cái	10
429	Bộ nẹp khóa mini 1.5, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
429.1	Nẹp khóa mini 1.5, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Độ dày 0.8mm, có nhiều hình dạng khác nhau như L, Y, ARC, X, H - Dừng vít khóa 1.5mm, vít vỏ 2.0mm - Nẹp chữ L có 3 -> 4 lỗ, dài 35mm -> 45mm; chữ Y có 5 -> 7 lỗ, dài 29mm -> 39mm; ARC có 8 lỗ, dài 23mm; chữ H có 4 lỗ, dài 12mm; chữ X có 4 lỗ, dài 16mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	50
429.2	Vít khóa mini tự taro 1.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 1.5mm, tự taro, đầu gài chữ thập chống trượt - Dài từ 6-16mm với bước tăng 1mm, từ 16-30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	200
429.3	Vít vỏ mini 2.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.0mm, tự taro, đầu gài chữ thập chống trượt - Dài từ 6 ->16mm với bước tăng 1mm, từ 16 -> 30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	50
430	Bộ nẹp khóa mini 2.0, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
430.1	Nẹp khóa mini 2.0, góc vít đa hướng, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Độ dày 1.2mm, có nhiều hình dạng như L, Y, ARC, X, H, thẳng, T, - Dừng vít khóa 2.0mm, vít vỏ 2.0mm - Nẹp chữ L có 3 -> 4 lỗ, dài 37mm -> 45mm; chữ Y có 5 -> 7 lỗ, dài 30mm -> 39mm; chữ ARC có 8 lỗ, dài 23mm; chữ H có 4 lỗ, dài 12mm; chữ X có 4 lỗ, dài 16mm; nẹp thẳng có 4 -> 12 lỗ, dài 24mm -> 73mm; chữ T có 4 -> 7 lỗ, dài 34mm -> 53mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	50
430.2	Vít khóa mini tự taro 2.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.0mm, tự taro, đầu gài chữ thập chống trượt - Dài từ 6 ->16mm với bước tăng 1mm, từ 16 ->30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	200
430.3	Vít vỏ mini 2.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.0mm, tự taro, đầu gài chữ thập chống trượt - Dài từ 6 ->16mm với bước tăng 1mm, từ 16->30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	50
431	Bộ nẹp khóa mâm chày chữ T, đầu mặt khớp 5 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
431.1	Nẹp khóa mâm chày chữ T, đầu mặt khớp 5 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	- Chất liệu Ti6Al4V. - Gắn mặt khớp có 5 lỗ, sử dụng vít khóa động tự taro 3.5mm. Có vít chịu lực. - Lỗ vít nén cố định ổ gãy. - Đuôi nẹp vát nhọn. - Cấu trúc trục vít phân kỳ và hội tụ để cố định ổ gãy. - Dừng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít khóa động tự taro 5.0mm, vít vỏ động tự taro 4.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 4 -> 14 lỗ, dài 126mm- > 286mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
431.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
431.3	Vít khóa động tự taro 5.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
431.4	Vít vô động tự taro 4.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 4.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 14->54mm với bước tăng 2mm, từ 54->56mm với bước tăng 1mm, từ 56->60mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
432	Bộ nẹp khóa mâm chày chữ L, đầu mặt khớp 8 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	
432.1	Nẹp khóa mâm chày chữ L, đầu mặt khớp 8 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Gần mặt khớp có 8 lỗ, sử dụng vít khóa động tự taro 3.5mm. Có vít chịu lực. - Lỗ vít nén cố định ở gãy. - Đuôi nẹp vát nhọn. - Cấu trúc trục vít phân kỳ và hội tụ để cố định ở gãy. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít khóa động tự taro 5.0mm, vít vô động tự taro 4.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 4 -> 14 lỗ, dài 130mm -> 290mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
432.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
432.3	Vít khóa động tự taro 5.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
432.4	Vít vô động tự taro 4.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 4.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 14->54mm với bước tăng 2mm, từ 54->56mm với bước tăng 1mm, từ 56-> 60mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
433	Bộ nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
433.1	Nẹp khóa mắt cá trong, đầu mặt khớp 9 lỗ vít 3.5mm, thân vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đầu mặt khớp 9 lỗ, sử dụng vít khóa động tự taro 3.5mm, trong đó có vít chịu lực. - Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn. - Lỗ vít nén cố định ổ gãy. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít khóa động tự taro 5.0mm, vít vô động tự taro 4.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 4 -> 12 lỗ, dài 123mm -> 235mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
433.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
433.3	Vít khóa động tự taro 5.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 12-50mm với bước tăng 2mm, từ 50-80mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
433.4	Vít vô động tự taro 4.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 4.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 14-54mm với bước tăng 2mm, từ 54-56mm với bước tăng 1mm, từ 56-60mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
434	Bộ nẹp khóa mắt cá ngoài, đầu mặt khớp 7 lỗ vít 2.4mm, thân vít 3.5mm, đầu nẹp có 2 móc, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
434.1	Nẹp khóa mắt cá ngoài, đầu mặt khớp 7 lỗ vít 2.4mm, thân vít 3.5mm, đầu nẹp có 2 móc, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Thiết kế đuôi nẹp vát nhọn. - Lỗ vít nén cố định ở gậy. - Đầu mặt khớp có 7 lỗ, sử dụng vít khóa động tự taro 2.4mm. - Đầu nẹp có 2 móc. - Dùng vít khóa động tự taro 2.4mm, vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vỏ động tự taro 3.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 2 -> 14 lỗ, dài 74mm -> 230mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
434.2	Vít khóa động tự taro 2.4 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.4mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.0mm - Phần đuôi vít đường kính 2.4mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 08-> 30mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
434.3	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	40
434.4	Vít vỏ động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
435	Bộ nẹp khóa đầu xa xương đùi, đầu mặt khớp 9 lỗ thiết kế mỏng, vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
435.1	Nẹp khóa đầu xa xương đùi, đầu mặt khớp 9 lỗ thiết kế mỏng, vít 5.0mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Đuôi nẹp vát nhọn. - Lỗ vít nén cố định ở gậy. - Khu vực gần mặt khớp 9 lỗ trong đó có vít thiết kế chịu lực. - Dùng vít khóa động tự taro 5.0mm, vít vỏ động tự taro 4.5mm. - Loại trái/ phải. - Có 6 -> 16 lỗ, dài 172mm -> 332mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
435.2	Vít khóa động tự taro 5.0 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 5.0mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 5.0mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
435.3	Vít vô động tự taro 4.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 4.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 3.5mm - Phần đuôi vít đường kính 4.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao chống tuôn. - Dài 14->54mm với bước tăng 2mm, từ 54->56mm với bước tăng 1mm, từ 56->60mm với bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
436	Bộ nẹp khóa gót chân, vít 3.5mm, thân nẹp có lỗ trống để ghép xương, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
436.1	Nẹp khóa gót chân, vít 3.5mm, thân nẹp có lỗ trống để ghép xương, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Vít khóa đa hướng đặt vào điểm bám gân gót - Có chậu xương gót, chậu đáy xương gót - Thân nẹp có lỗ trống để ghép xương. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vô động tự taro 3.5mm - Loại trái/ phải. - Có 1 -> 2 lỗ, dài 58mm -> 64.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
436.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	50
436.3	Vít vô động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
437	Bộ nẹp khóa mặt sau đầu trên xương chày, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V, bao gồm:		Cái	-
437.1	Nẹp khóa mặt sau đầu trên xương chày, vít 3.5mm, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V. - Nẹp được đặt mặt sau phía trong đầu trên xương chày. - Dùng vít khóa động tự taro 3.5mm, vít vô động tự taro 3.5mm - Loại trái/ phải. - Có 2 -> 6 lỗ, dài 55mm -> 107mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
437.2	Vít khóa động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 10->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->80mm với bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
437.3	Vít vò động tự taro 3.5 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 3.5mm, tự taro - Thân vít có chiều rộng thay đổi - Phần gần đầu vít không có ren đường kính 2.5mm - Phần đuôi vít đường kính 3.5mm có thiết kế 3 lưỡi. - Đầu vít hình sao. - Dài 12->50mm với bước tăng 2mm, từ 50->55mm với bước tăng 5mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	10
438	Bộ nẹp khóa 2.9, chất liệu Pure Titanium, bao gồm:		Cái	-
438.1	Nẹp khóa 2.9, chất liệu Pure Titanium	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Pure Titanium. - Dùng để cố định gãy xương sườn và một số xương khác. - Nẹp mỏng 1.5mm, dễ dàng uốn. - Tạo hình sẵn (R=166mm). - Dùng vít khóa 2.9mm, vít vò 2.9mm. - Có 8 -> 12 lỗ, dài 79.4mm -> 119.4mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
438.2	Vít khóa 2.9 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.9mm, tự taro - Đầu vít hình sao. - Sử dụng chung với đầu vịn vít tự giữ vít để giảm hiện tượng trượt vít. - Dùng cho nẹp khóa 2.9 - Dài từ 6->14mm với bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	80
438.3	Vít vò 2.9 các cỡ, chất liệu Ti6Al4V	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Ti6Al4V - Đường kính 2.9mm, tự taro - Đầu vít hình sao. - Sử dụng chung với đầu vịn vít tự giữ vít. - Dùng cho nẹp khóa 2.9 mm. - Dài từ 10->12mm với bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA 	Cái	20
439	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay dài 86mm, bao gồm:		Cái	-
439.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Kích cỡ: chiều dài ≥ 86mm - Đầu nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Thân nẹp: ≥ 6 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 2.5mm dài từ 8 đến 50mm; vít vò xương đường kính 2.7mm, dài từ 10 đến 40mm. 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	10
439.2	Vít khóa đường kính 2.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 2.5mm dài từ 8 đến 50mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	40

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
439.3	Vít vỏ xương đường kính 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vỏ 2.7mm chất liệu Titanium - Tự tạo ren - Đường kính: 2.7mm dài từ 10 đến 40mm. - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	20
440	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay dài 48-53mm, đầu xương có 6-7 lỗ khóa, bao gồm:		Cái	-
440.1	Nẹp khóa Window đầu dưới xương quay	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài 48mm, 53mm - Đầu nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Thân nẹp: ≥ 3 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 2.5mm, dài từ 8 đến 50mm; vít vỏ xương đường kính 2.7mm, dài từ 10 đến 40mm. 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	20
440.2	Vít khóa đường kính 2.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 2.5mm dài từ 8 đến 50mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	100
440.3	Vít vỏ xương đường kính 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium - Tự tạo ren - Đường kính: 2.7mm dài từ 10 đến 40mm. - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	40
441	Bộ Nẹp khóa thẳng xương cẳng tay, xương trụ-quay ACP		Cái	-
441.1	Nẹp khóa thẳng xương cẳng tay, xương trụ, xương quay, dài 79->145mm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng từ 79mm -> 145mm - Thân nẹp: ≤ 8 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 đến 70mm; vít vỏ xương đường kính 3.5mm, dài từ 12 đến 70mm. 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	30

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
441.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	120
441.3	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vỏ 3.5mm chất liệu thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính: 3.5mm dài từ 12->70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	60
442	Bộ Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay, bao gồm:		Cái	-
442.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay	<p>1. Nẹp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 82mm -> 180mm - Đầu nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 6 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 -> 70mm; vít vỏ xương đường kính 3.5mm, dài từ 12 -> 70mm. <p>2. Ron vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ <p>3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p> <p>5. Xuất xứ: G7</p>	Cái	10
442.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	60
442.3	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm.	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vỏ 3.5mm chất liệu thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính: 3.5mm dài từ 12 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	20
443	Bộ nẹp khóa đầu trên xương cánh tay dạng móc, bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
443.1	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay dạng móc	<p>1. Nẹp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 83mm -> 124mm - Đầu nẹp: ≤ 6 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 7 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 -> 70mm; vít vỏ xương đường kính 3.5mm, dài từ 12 -> 70mm. <p>2. Ron vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ <p>3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p> <p>5. Xuất xứ: G7</p>	Cái	5
443.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	30
443.3	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vỏ 3.5mm chất liệu thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính: 3.5mm dài từ 12 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	10
444	Bộ nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay (Bộ nẹp khóa đầu dưới, hõm khuỷu mặt trong xương cánh tay), bao gồm:		Cái	-
444.1	Nẹp khóa đầu dưới, giữa xương cánh tay (Nẹp khóa đầu dưới, hõm khuỷu mặt trong xương cánh tay)	<p>1. Nẹp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 103mm -> 148mm - Đầu nẹp: ≤ 3 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 -> 70mm <p>2. Ron vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ <p>3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p> <p>5. Xuất xứ: G7</p>	Cái	20
444.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	100

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
444.3	Vít vò xương đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vò 3.5mm chất liệu thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính: 3.5mm dài từ 12 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	40
445	Bộ nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay (Bộ nẹp khóa đầu dưới, hòm khuỷu mặt bên xương cánh tay), bao gồm:		Cái	-
445.1	Nẹp khóa đầu dưới, phía bên xương cánh tay (Nẹp khóa đầu dưới, hòm khuỷu mặt bên xương cánh tay)	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 98mm -> 143mm - Đầu nẹp: ≤ 5 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 2.5mm, dài từ 8 -> 50mm; vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 -> 70mm 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	10
445.2	Vít khóa đường kính 2.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 2.5mm dài từ 8 -> 50mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	50
445.3	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	20
446	Bộ Nẹp khóa xương chày và xương cánh tay ACP, bao gồm		Cái	-
446.1	Nẹp khóa xương chày và xương cánh tay	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 122mm -> 249mm - Thân nẹp: ≤ 12 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm, dài từ 12 -> 110mm 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
446.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 5.0mm dài từ 12 -> 110mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	160
447	Bộ nẹp khóa xương đòn chữ S, bao gồm:		Cái	-
447.1	Nẹp khóa xương đòn chữ S	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 70mm -> 95mm - Thân nẹp: ≤ 6 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài từ 10 -> 70mm 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Titanium - Ron vít khóa bên trong lỗ nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	30
447.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Đường kính 3.5mm dài từ 10 -> 70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	180
448	Bộ nẹp khóa bao quanh chuôi xương đùi, chiều dài từ 200mm đến 249mm, gồm:		Cái	-
448.1	Nẹp khóa bao quanh chuôi xương đùi	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nẹp: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 200mm -> 249mm - Thân nẹp: ≤ 16 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài trong khoảng 10->70mm 2. Ron vít: <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Được mã hóa bằng màu 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7 	Cái	5
448.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón 2 độ - Đường kính 3.5mm, dài 10->70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7 	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
449	Nẹp khóa bao quanh ổ khớp (gối), đầu dưới xương đùi, chiều dài từ 139mm đến 254mm, gồm:		Cái	-
449.1	Nẹp khóa bao quanh ổ khớp (gối), đầu dưới xương đùi, chiều dài từ 139mm đến 254mm	1. Nẹp: - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 139mm -> 254mm - Đầu nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 8 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 12->110mm 2. Ron vít: - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Được mã hóa bằng màu 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7	Cái	2
449.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	- Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón 2 độ - Đường kính 5.0mm, dài 12->110mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	Cái	20
450	Bộ nẹp khóa thân xương đùi bao gồm:		Cái	-
450.1	Nẹp khóa thân xương đùi	1. Nẹp: - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 190mm -> 290mm - Thân nẹp: ≤ 12 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 12->110mm 2. Ron vít: - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Được mã hóa bằng màu 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7	Cái	10
450.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	- Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón 2 độ - Đường kính 5.0mm, dài 12->110mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	Cái	100
451	Bộ Nẹp khóa đầu trên mặt bên xương chày, bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
451.1	Nẹp khóa đầu trên, phía bên xương chày (Nẹp khóa đầu trên mặt bên xương chày)	1. Nẹp: - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài ≥ 124 mm - Đầu nẹp: ≤ 3 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 4 lỗ khóa - Sử dụng vít khóa đường kính 5.0mm, dài trong khoảng 12->110mm 2. Ron vít: - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Được mã hóa bằng màu 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7	Cái	20
451.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	- Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón 2 độ - Đường kính 5.0mm, dài 12->110mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	Cái	150
452	Nẹp khóa đầu dưới xương chày dài 130mm; 190mm, gồm:		Cái	-
452.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày dài từ 130mm -> 190mm	1. Nẹp: - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 130mm -> 190mm - Đầu nẹp: ≤ 7 lỗ khóa - Thân nẹp: ≤ 8 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 3.5mm, dài trong khoảng 10->70mm; vít vỏ xương đường kính 3.5mm, dài trong khoảng 12->70mm. 2. Ron vít: - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥ 2 độ - Được mã hóa bằng màu 3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE 5. Xuất xứ: G7	Cái	10
452.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón 2 độ - Đường kính 3.5mm, dài 10->70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	Cái	60
452.3	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm	- Vật liệu: thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính 3.5mm, dài 12->70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7	Cái	20
453	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương mác, bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
453.1	Nẹp khóa đầu dưới xương mác	<p>1. Nẹp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: chiều dài trong khoảng 80mm -> 150mm - Đầu nẹp: ≤5 lỗ - Thân nẹp: ≤9 lỗ - Sử dụng vít khóa đường kính 2.5mm, dài trong khoảng 8->50mm; vít vỏ xương đường kính 2.7mm, dài trong khoảng 10->40mm; vít vỏ xương đường kính 3.5mm, dài trong khoảng 12->70mm. <p>2. Ron vít:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Được lắp sẵn trên nẹp - Thiết kế cho đầu vít không ren, hình nón ≥2 độ - Được mã hóa bằng màu <p>3. Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng.</p> <p>4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE</p> <p>5. Xuất xứ: G7</p>	Cái	10
453.2	Vít khóa đường kính 2.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Ti6Al4V - Tự tạo ren - Đầu vít không ren, hình nón ≥2 độ - Đường kính 2.5mm dài từ 8 -> 50mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	60
453.3	Vít vỏ xương đường kính 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: Vít vỏ 2.7mm chất liệu Titanium - Tự tạo ren - Đường kính: 2.7mm dài từ 10 -> 40mm. - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE. - Xuất xứ: G7 	Cái	10
453.4	Vít vỏ xương đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu: vít vỏ 3.5mm: thép không gỉ - Tự tạo ren - Đường kính 3.5mm, dài 12->70mm - Tương thích với nẹp có ron khóa bên trong lỗ nẹp - Đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE - Xuất xứ: G7 	Cái	10
454	Bộ nẹp khóa xương đòn, thân giữa		Cái	-
454.1	Nẹp khóa xương đòn, thân giữa	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Titanium Alloy - Có lỗ K-Wire dùng cho cố định tạm thời nẹp và ổ gãy. - Thân nẹp có 4->9 lỗ trái/phải tương ứng với chiều dài 49mm->108mm - Nẹp dày 3mm, rộng 10mm - Thiết kế nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm/ vít vỏ đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	20
454.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	120
454.3	Vít vỏ đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính 3.5 mm, chiều dài 20->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	40
455	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay, mặt trong		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
455.1	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay, mặt trong	- Chất liệu : Pure Titanium - Có lỗ khóa đa hướng, góc đa hướng : $\pm 15^\circ$ - Số lỗ khóa đa hướng : 1 lỗ - Thân nẹp có 3->8 lỗ tương ứng với chiều dài 61mm-> 122 mm. - Nẹp dày 3mm, rộng : 11mm - Nẹp tương thích với vít khóa đường kính 2.7mm,3.5mm; vít vỏ đường kính 2.7mm ,3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
455.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	40
455.3	Vít vỏ đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
455.4	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	40
455.5	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính 3.5 mm, chiều dài 20->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
456	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay, mặt ngoài		Cái	-
456.1	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới xương cánh tay, mặt ngoài	- Chất liệu: Pure Titanium - Có lỗ khóa đa hướng, góc đa hướng : $\pm 15^\circ$ - Số lỗ khóa đa hướng : 1 lỗ - Thân nẹp có 3->8 lỗ, loại trái/phải tương ứng với chiều dài 69mm-> 130mm - Nẹp dày 3mm, rộng 11mm - Nẹp tương thích với vít khóa đường kính 2.7mm, 3.5mm; vít vỏ đường kính 2.7mm, 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
456.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	40
456.3	Vít vỏ đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
456.4	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	40
456.5	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính 3.5 mm, chiều dài 20->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
457	Bộ nẹp khóa đa hướng đầu trên xương quay, dạng nẹp chống đỡ		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
457.1	Nẹp khóa đa hướng đầu trên xương quay, dạng nẹp chống đỡ	- Chất liệu : Pure Titanium - Góc đa hướng : $\pm 15^\circ$ - Đầu nẹp thiết kế hai hàng vít, loại lỗ vuông - Thân nẹp có 2 ->5 lỗ tương ứng với chiều dài 34mm ->56mm, loại lỗ vuông. - Nẹp dày: 1.7mm, rộng: ≥ 15 mm - Thiết kế nẹp tương thích với vít khóa đường kính 2.5mm, vít vỏ đường kính 2.5mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
457.2	Vít khóa đường kính 2.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.5mm, chiều dài 10->30mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	60
457.3	Vít vỏ đường kính 2.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.5mm, chiều dài 10->30mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
458	Bộ nẹp DCP		Cái	-
458.1	Nẹp DCP	- Chất liệu : Titanium Alloy - Thân nẹp có 4 ->10 lỗ, tương ứng với chiều dài 46mm ->117mm - Nẹp dày: 3.3mm, rộng: 11mm - Thân nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm, vít vỏ đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
458.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->50mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	80
458.3	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính : 3.5mm tương ứng với chiều dài 10-> 60mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
459	Bộ nẹp DCP, bản nhỏ		Cái	-
459.1	Nẹp DCP, bản nhỏ	- Chất liệu : Pure Titanium - Thân nẹp có 4->10 lỗ, tương ứng với chiều dài 46mm ->117mm - Nẹp dày: 3.3mm, rộng: 11mm - Thân nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm, vít vỏ đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
459.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10-> 50mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	60
459.3	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính : 3.5mm tương ứng với chiều dài 10->60mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
460	Bộ nẹp khóa xương cẳng tay, loại tái cấu trúc		Cái	-
460.1	Nẹp khóa xương cẳng tay, loại tái cấu trúc	- Chất liệu : Titanium Alloy - Thân nẹp có 4->10 lỗ, tương ứng với chiều dài 46mm ->117mm: - Nẹp dày: 3.3mm, Rộng : 11mm - Thân nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm, vít vỏ đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
460.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->50mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	50

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
460.3	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính : 3.5mm tương ứng với chiều dài 10-60mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
461	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt sau		Cái	-
461.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt sau	- Chất liệu : Pure Titanium - Nẹp được thiết kế đa dạng theo đặc điểm giải phẫu - Thân nẹp có 3->6 lỗ, loại trái/phải tương ứng với chiều dài 59mm ->93mm - Nẹp dày: 2.0mm; rộng \geq 13mm - Nẹp có thiết kế đầu xa tương thích với vít khóa đường kính 2,7 mm; thân nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	5
461.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10 ->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
461.3	Vít vỏ đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
461.4	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
461.5	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu : Titanium Alloy - Đường kính 3.5 mm, chiều dài 20->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
462	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong, dạng đầu móc		Cái	-
462.1	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, mặt trong, dạng đầu móc	- Chất liệu : Pure Titanium - Nẹp được thiết kế đa dạng theo đặc điểm giải phẫu - Thân nẹp có 3, 4 lỗ tương ứng với chiều dài 59mm -> 71mm - Nẹp dày 2.0mm, rộng 9.5mm - Nẹp có thiết kế đầu xa tương thích với vít khóa đường kính 2,7mm; thân nẹp tương thích với vít khóa đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	5
462.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10-40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
462.3	Vít vỏ đường kính 2.7mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 2.7mm, chiều dài 10-> 40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
462.4	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5mm, chiều dài 10->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	20
462.5	Vít vỏ đường kính 3.5mm	- Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 3.5 mm, chiều dài 20->40mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k	Cái	10
463	Bộ nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt trong		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
463.1	Nẹp khóa đầu trên xương chày, mặt trong	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Titanium Alloy - Đầu nẹp có thiết kế vát và bo tròn - Có lỗ K-Wire dùng cho cố định tạm thời nẹp và ổ gãy. - Có vạch phân chia vùng để nhận biết kích thước loại vít - Thân nẹp có tùy chọn lỗ không ren - Nẹp có 4->11 lỗ, loại trái/phải tương ứng với chiều dài 91mm ->196mm. - Nẹp dày: 4.3mm, rộng: 13mm - Nẹp tương thích vít khóa đường kính 4.0mm,5.0mm ; vít vỏ đường kính 4.5mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	10
463.2	Vít khóa đường kính 4.0mm, 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 4.0mm, chiều dài 14->70mm - Đường kính 5.0mm, chiều dài 20->100mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	60
463.3	Vít vỏ đường kính 4.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 4.5mm, chiều dài 20->60mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	20
464	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi		Cái	-
464.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu : Titanium Alloy - Đầu nẹp có thiết kế vát và bo tròn - Có lỗ K-Wire dùng cho cố định tạm thời nẹp và ổ gãy. - Có vạch phân chia vùng để nhận biết kích thước loại vít - Thân nẹp có tùy chọn lỗ không ren - Nẹp có 6->14 lỗ, loại trái/phải tương ứng với chiều dài 160mm->304mm - Nẹp dày: 6.2mm, rộng: 18.5mm - Nẹp tương thích vít khóa đường kính 5.0mm ; vít vỏ đường kính 4.5mm. - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	10
464.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 5.0mm, chiều dài 20->100mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	80
464.3	Vít vỏ đường kính 4.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy - Đường kính 4.5mm, chiều dài 20->60mm bước tăng 2mm - Tiêu chuẩn ISO, CE, FDA 510k 	Cái	20
465	Bộ đinh nội tuỷ xương đùi rỗng nòng GAMMA (PFNA) các cỡ, chất liệu titanium (bao gồm: 1 đinh + 1 lưỡi đinh 10.5mm + 1 vít chốt khóa 5.0mm).		Cái	-
465.1	Đinh nội tuỷ xương đùi Gamma rỗng nòng, chất liệu titanium alloy	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Titanium alloy - Đầu đinh đường kính ≥ 16 mm, sử dụng lưỡi chốt đinh đường kính 10.5mm, - T hân đinh ngắn đường kính từ 9 ->12mm, chiều dài: từ 170-> 240mm - Thân đinh dài đường kính từ 9->12mm, chiều dài từ 320->440mm. - Thân sử dụng vít chốt khóa đường kính 5.0mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE 	Cái	10
465.2	Lưỡi đinh đường kính 10.5mm, chất liệu titanium alloy	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy - Lưỡi đinh đường kính 10.5mm, dài từ 75mm ->120mm, bước tăng 5mm, đường kính dây dẫn 3.2mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE 	Cái	10
465.3	Vít chốt khoá đường kính 5.0mm, chất liệu titanium alloy	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy - Vít chốt khóa đường kính 5.0 mm, đầu lục giác, dài 25-> 85mm, bước tăng 5mm, đường kính lõi vít 4.2mm, bước ren 1.25mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
466	Bộ đỉnh nội tủy xương đùi rộng nòng, chất liệu titanium (bao gồm: 1 đỉnh + 2 vít chốt cổ 7.0mm + 3 vít chốt khóa 5.0mm).		Cái	-
466.1	Đỉnh nội tủy xương đùi rộng nòng, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy. - Đường kính thân từ 9mm->11mm, dài 320->420mm, trái/phải. Đầu đỉnh đường kính 13.5mm, sử dụng vít chốt cổ đường kính 7.0mm. - Thân đỉnh sử dụng vít chốt đường kính 5.0mm, dài 25-85mm, hướng vít mấu chuyển lớn tới mấu chuyển bé 130 độ. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
466.2	Vít chốt đầu trên đỉnh nội tủy xương đùi, đường kính 7.0mm, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Lưỡi đỉnh đường kính thân 7.0mm, dài từ 65mm ->110mm, bước tăng 5mm, đường kính dây dẫn 2.8mm, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 5.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
466.3	Vít chốt khóa đường kính 5.0mm, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Vít chốt khóa đường kính thân 5.0 mm, đầu lục giác, dài 25-> 85mm, bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	40
467	Bộ đỉnh nội tủy xương chày rộng nòng, chất liệu titanium (bao gồm: 1 đỉnh + 3 vít chốt khóa 4.5mm + 2 vít chốt khóa 5.0mm).		Cái	-
467.1	Đỉnh nội tủy xương chày rộng nòng, chất liệu Titanium Alloy	- Chất liệu titanium alloy. - Đường kính thân từ 8mm->11mm, dài 260->380mm, đầu đỉnh đường kính 12mm, nghiêng góc 10 độ, dài 47mm, đầu gần có 4 lỗ bắt vít, đầu xa có 3 lỗ bắt vít. - Sử dụng vít chốt khóa đường kính 4.5mm và vít chốt khóa đường kính 5.0mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
467.2	Vít chốt khóa đường kính 4.5mm, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Vít chốt khóa đường kính 4.5 mm, đầu lục giác, dài 25->65mm, bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.0mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	30
467.3	Vít chốt khóa đường kính 5.0mm, chất liệu titanium alloy	Chất liệu titanium alloy - Vít chốt khóa đường kính 5.0 mm, đầu lục giác, dài 25-85mm, bước tăng 5mm, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, sử dụng mũi khoan 4.2mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20
468	Bộ nẹp khóa mini chữ T 1.5mm, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 1.5mm + 1 vít xương cứng 1.5mm)		Cái	-
468.1	Nẹp khóa mini chữ T 1.5mm, chất liệu pure titanium	- Chất liệu pure titanium - Nẹp chữ T có 3/4 lỗ đầu, đầu nẹp dày 1mm, rộng ≥ 14 mm, thân nẹp dày 1mm, rộng ≥ 4.0 mm, thân nẹp có 8 lỗ dài ≥ 45.0 mm, khoảng cách lỗ 5mm. - Dùng vít khóa 1.5mm và vít xương cứng 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
468.2	Vít khóa 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính thân vít 1.5mm, dài 6->24mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	80
468.3	Vít xương cứng 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính thân vít 1.5mm, dài 6->24mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20
469	Bộ nẹp khóa mini chữ Y 1.5mm, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 1.5mm + 1 vít xương cứng 1.5mm)		Bộ	-
469.1	Nẹp khóa mini chữ Y 1.5mm, chất liệu pure titanium	- Chất liệu pure titanium - Nẹp chữ Y có 3 lỗ đầu, đầu nẹp dày 1mm, rộng 15mm, thân nẹp dày 1mm, rộng ≥ 4.0 mm, nẹp có 8 lỗ thân, dài ≥ 46.0 mm, khoảng cách lỗ 5mm, độ cong 145 độ. - Dùng vít khóa 1.5mm và vít xương cứng 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
469.2	Vít khóa 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính thân vít 1.5mm, dài 6->24mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	40
469.3	Vít xương cứng 1.5mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính thân vít 1.5mm, dài 6->24mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.1mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
470	Bộ nẹp khóa mini chữ T 2.0mm, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 2.0mm + 1 vít xương cứng 2.0mm)		Bộ	-
470.1	Nẹp khóa mini chữ T 2.0mm, chất liệu pure titanium	- Chất liệu pure titanium - Nẹp chữ T có 2 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 14.2mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3->5 lỗ thân tương thích chiều dài 25mm->39mm, độ cong 90 độ. - Nẹp chữ T có 3 lỗ đầu, dày 1.1mm, rộng 18.5mm, thân nẹp dày 1.1mm, rộng 5mm, có 3->9 lỗ thân tương thích chiều dài 25mm-> 67mm, độ cong 90 độ. - Dùng vít khóa 2.0mm và vít xương cứng 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20
470.2	Vít khóa 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6->30mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	80
470.3	Vít xương cứng 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6->30mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
471	Bộ nẹp khóa mini chữ Y 2.0mm, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp + 6 vít khóa 2.0mm + 1 vít xương cứng 2.0mm)		Bộ	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
471.1	Nẹp khóa mini chữ Y 2.0mm	- Chất liệu pure titanium - Nẹp chữ Y có 3 lỗ đầu, dày 1.5mm, rộng ≥ 17.0 mm, thân nẹp dày 1.5mm, rộng 5mm, có 4->9 lỗ tương thích chiều dài 34mm-> 69 mm. - Dùng vít khóa 2.0mm và vít xương cứng 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
471.2	Vít khóa 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6->30mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 2.75mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	40
471.3	Vít xương cứng 2.0mm, tự taro, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu titanium alloy - Đường kính thân vít 2.0mm, dài 6->30mm, bước tăng 2mm, đầu vít hình ngôi sao, đường kính đầu vít 3.3mm, sử dụng mũi khoan 1.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
472	Bộ nẹp khóa DHS, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp khóa + 1 vít DHS đường kính 12.5mm + 4 vít khóa 5.0mm + 1 vít xương cứng 4.5mm)		Bộ	-
472.1	Nẹp khóa DHS, chất liệu Titanium.	- Chất liệu pure titanium - Nẹp có hướng vít cổ góc 135 độ, nòng dài 38mm sử dụng vít DHS đường kính 12.5mm, thân nẹp dày 5.7mm, rộng 19mm, thân có 3->12 lỗ tương thích chiều dài 77mm->230mm - Thân nẹp lỗ kết hợp dùng vít khóa 5.0mm, tự taro và vít xương cứng 4.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
472.2	Vít DHS, chất liệu titanium alloy	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 12.5mm, dài 55->110mm với bước tăng 5mm, đường kính đầu vít 8.9mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	5
472.3	Vít khóa đường kính 5.0 mm, tự taro	- Chất liệu Titanium alloy. - Đường kính thân vít 5.0mm, dài 10->90mm, từ 10->50mm với bước tăng 2mm và 50-> 90mm với bước tăng 5mm, tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít ≥ 6.0 mm, đường kính lõi vít 4.3mm, bước ren 1mm - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	15
472.4	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 4.5mm, dài 14-> 100mm, từ 14->70mm bước tăng 2mm, từ 70->100mm bước tăng 5mm, tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm, - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10
473	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương đùi, chất liệu titanium (bao gồm: 1 nẹp + 10 vít khóa 5.0mm + 2 vít xương cứng 4.5mm)		Bộ	-
473.1	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	- Chất liệu pure titanium. - Nẹp có 6 lỗ đầu, đầu nẹp dày 3mm, rộng ≥ 32 mm, thân nẹp dày 6mm, rộng 16mm, thân nẹp có 6->14 lỗ, trái/phải tương thích chiều dài 169mm->326mm độ cong 4 độ - Đầu và thân nẹp lỗ kết hợp vít khóa 5.0mm, tự taro và vít xương cứng 4.5mm, tự taro. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
473.2	Vít khóa đường kính 5.0 mm, tự taro,	- Chất liệu Titanium alloy. - Đường kính thân vít 5.0mm, dài 10-> 90mm, từ 10 -> 50mm với bước tăng 2mm và 50-> 90mm với bước tăng 5mm, tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít ≥ 6.0 mm, đường kính lõi vít ≥ 4.0 mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	80
473.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm, tự taro, chất liệu titanium	- Chất liệu Titanium alloy - Đường kính thân vít 4.5mm, dài 14 -> 100mm, từ 14->70mm bước tăng 2mm, từ 70->100mm bước tăng 5mm, tự taro, đầu vít hình lục giác, đường kính đầu vít 8mm. - Tiêu chuẩn FDA, ISO, CE	Cái	20
474	Bộ Nẹp khóa mini chữ T bao gồm:		Cái	-
474.1	Nẹp khóa mini chữ T	Nẹp khóa LCP chữ T (2.0). Thân nẹp thiết kế thắt eo. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp có màu Vàng. - Đầu nẹp có 2,3 lỗ. - Thân nẹp dày 1.3mm, rộng 5mm, gồm 3, 4, 5, 6, 7 lỗ. - Chiều dài từ 25 -> 53mm, bước tăng 6.8mm, khoảng cách lỗ 6.8mm - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. *Loại vít phù hợp theo đánh giá của chuyên gia: vít khóa 2.0mm và vít vỏ/vít cứng 2.0mm.	Cái	20
474.2	Vít khóa 2.0mm	Vít khóa ($\Phi 2.0$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing. - Đường kính: đầu $\Phi 2.9$ mm, trong $\Phi 1.4$ mm, ngoài $\Phi 2.0$ mm. - Chiều cao đầu 1.17mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 6 -> 30mm, bước tăng 1/2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.	Cái	80
474.3	Vít vỏ 2.0mm	Vít vỏ ($\Phi 2.0$) tự taro, mũ vít lục giác hình ngôi sao - Chất liệu Titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing. - Đường kính: đầu $\Phi 3.3$ mm, trong $\Phi 1.4$ mm, ngoài $\Phi 2.0$ mm. - Chiều cao đầu 1mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 6 -> 40mm, bước tăng 1/2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.	Cái	20
475	Bộ Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn bao gồm:		Cái	-
475.1	Nẹp khóa đầu ngoài xương đòn	Nẹp khóa LCP cong hình chữ S, đầu nẹp cạnh bo tròn. Thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc và lỗ thắt eo. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp - Đầu nẹp có 6 lỗ. - Thân nẹp dày 3.2mm, rộng 10.3mm, gồm 3, 4, 5, 6, 7, 8 lỗ. - Chiều dài từ 69 -> 136mm, bước tăng 12mm, khoảng cách lỗ 12mm - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. - Vít khóa 3.5 và 2.7mm và vít vỏ/vít cứng 3.5 và 2.7mm.	Cái	20
475.2	Vít khóa 3.5mm	Vít khóa ($\Phi 3.5$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 4.95$ mm, trong $\Phi 2.9$ mm, ngoài $\Phi 3.5$ mm. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	60
475.3	Vít vỏ 3.5mm	Vít vỏ ($\Phi 3.5$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 6$ mm, trong $\Phi 2.4$ mm, ngoài $\Phi 3.5$ mm. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 - 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
475.4	Vít khoá đa hướng 2.7	Vít khoá 2.7mm tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 3.4\text{mm}$, trong $\Phi 2.1\text{mm}$, ngoài $\Phi 2.7\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2mm và chiều dài đầu 3.2mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 60mm, bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	40
476	Bộ Nẹp khoá xương cánh tay đầu gắn bao gồm:		Cái	-
476.1	Nẹp khoá xương cánh tay đầu gắn	Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp 1. Nẹp khoá LCP, loại ngắn. Đầu nẹp cạnh bo tròn. Thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc. <ul style="list-style-type: none"> - Đầu nẹp có 10 lỗ khâu và 9 lỗ cố định. - Thân nẹp dày 3mm, rộng 12mm, gồm 3, 5 lỗ. - Chiều dài từ 90/ 114mm, bước tăng 24mm, khoảng cách lỗ 12mm. Lỗ K-wire $\Phi 2.1$. 2. Nẹp khoá LCP, loại dài. Đầu nẹp cạnh bo tròn. Thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc. <ul style="list-style-type: none"> - Đầu nẹp có 10 lỗ khâu và 9 lỗ cố định. - Thân nẹp dày 3.75mm, rộng 12mm, gồm 3->13 lỗ. - Chiều dài từ 106 -> 286mm, bước tăng 18/36mm, khoảng cách lỗ 18mm. Lỗ K-wire $\Phi 2.1$. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - vít khoá 3.5mm, vít vò/vít cứng 3.5mm và/hoặc vít hùi/ vít xoắn 4.0mm. 	Cái	10
476.2	Vít khoá 3.5mm	Vít khoá ($\Phi 3.5$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 4.95\text{mm}$, trong $\Phi 2.9\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. 	Cái	60
476.3	Vít vò 3.5mm	Vít vò ($\Phi 3.5$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2.4\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
476.4	Vít xoắn 4.0mm	Vít xoắn ($\Phi 4.0$) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có ren phủ bán phần và toàn phần. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing. - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2\text{mm}$, ngoài $\Phi 4.0\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.8mm và chiều dài đầu 1.8mm. - Chiều dài vít từ 10 - 60mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
477	Bộ Nẹp khoá lồng máng bao gồm:		Cái	-
477.1	Nẹp khoá lồng máng	Nẹp khoá lồng máng, cạnh bo tròn, cấu tạo bề mặt thấp. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Thân nẹp dày 1.8mm, rộng 10mm, gồm 4-> 10 lỗ. - Chiều dài từ 55 -> 127mm, bước tăng 12/24mm, khoảng cách lỗ 12mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khoá 3.5mm, và vít vò/vít cứng 3.5mm. 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
477.2	Vít khóa 3.5mm	Vít khóa (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ4.95mm, trong Φ2.9mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	80
477.3	Vít vỏ 3.5mm	Vít vỏ (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6mm, trong Φ2.4mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 - 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	40
478	Bộ Nẹp khóa môm khuỷu bao gồm:		Cái	-
478.1	Nẹp khóa môm khuỷu	Nẹp khóa đa hướng, cạnh bo tròn, thân nẹp có rãnh khoét uốn cong. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 11 lỗ. - Thân nẹp dày 3.3mm, rộng 10.6mm, gồm 2-> 8 lỗ. - Chiều dài từ 90 - 168mm, bước tăng 26mm, khoảng cách lỗ 13.3mm. Lỗ K-wire Φ1.7, Φ2.1. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 2.7 và 3.5mm, vít vỏ/vít cứng 2.4 và 3.5mm và vít khóa đa hướng VA 2.7mm.	Cái	10
478.2	Vít khóa 3.5mm	Vít khóa (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ4.95mm, trong Φ2.9mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.	Cái	40
478.3	Vít vỏ 3.5mm	Vít vỏ (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4 (Ti6Al4V/Ti6Al4VELI), bề mặt xử lý Colored anodizing có màu Vàng. - Đường kính: đầu Φ6mm, trong Φ2.4mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 - 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Dụng cụ tương ứng: Mũi khoan: Φ2.5mm, tua vít: Stardrive T15. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích.	Cái	10
478.4	Vít khoá đa hướng 2.7	- Vít khóa đường kính 2.7 mm tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ3.4mm, trong Φ2.1mm, ngoài Φ2.7mm. - Chiều cao đầu 2mm và chiều dài đầu 3.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 60mm, bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO.	Cái	20
479	Bộ Nẹp khóa xương đòn bao gồm:		Cái	-
479.1	Nẹp khóa xương đòn chữ S	Nẹp khóa LCP hình chữ S, đầu nẹp bo tròn, thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc và lỗ thắt eo. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing nẹp có màu Vàng, L/R. - Thân nẹp dày 3.2mm, rộng 10mm, gồm 6, 7, 8 lỗ. - Chiều dài từ 94 -> 123mm, bước tăng 13/14mm, khoảng cách lỗ 14.5mm. Lỗ K-wire Φ2.1. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 3.5mm và vít vỏ/vít cứng 3.5mm.	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
479.2	Vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 3.5 tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ4.95mm, trong Φ2.9mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	120
479.3	Vít vò 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> Vít vò (Φ3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing, - Đường kính: đầu Φ6mm, trong Φ2.4mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 - 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
480	Bộ Nẹp khóa đa hướng xương quay đầu xa mặt lòng bàn tay bao gồm:		Cái	-
480.1	Nẹp khóa đa hướng xương quay đầu xa mặt lòng bàn tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp khóa đa hướng, đầu nẹp có cửa sổ tam giác ở giữa. Thân nẹp có lỗ định vị thuận dài. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 6 lỗ. - Thân nẹp dày 2mm, rộng 7.5mm, gồm 2, 3, 4, 5 lỗ. - Chiều dài từ 45 -> 75mm, bước tăng 9/12mm, khoảng cách lỗ 9, 12mm. Lỗ K-wire Φ1.3. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 2.4mm, vít vò/vít cứng 2.4 và 2.7mm và vít khóa đa hướng VA 2.4mm. 	Cái	20
480.2	Vít khóa 2.4mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 2.4mm tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ3.5mm, trong Φ1.9mm, ngoài Φ2.4mm. - Chiều cao đầu 1.9mm và chiều dài đầu 3mm. - Chiều dài vít từ 6 - 30mm, bước tăng 1/2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	60
480.3	Vít vò 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> Vít vò (Φ2.7) tự taro, mũ vít lục giác. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ5mm, trong Φ2mm, ngoài Φ2.7mm. - Chiều cao đầu 2.2mm và chiều dài đầu 3.2mm. - Chiều dài vít từ 6 - 60mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
480.4	Vít khoá đa hướng 2.4	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 2.4mm, tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ3.4mm, trong Φ1.9mm, ngoài Φ2.4mm. - Chiều cao đầu 2.0mm và chiều dài đầu 3mm. - Chiều dài vít từ 6 - 30mm, bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	40
481	Bộ Nẹp khoá mắt xích bao gồm:		Cái	-
481.1	Nẹp khóa mắt xích	<ul style="list-style-type: none"> Nẹp khóa (3.5), thân nẹp có lỗ thắt eo. - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Thân nẹp dày 3mm, rộng 10mm, gồm 5 -> 22 lỗ. - Chiều dài từ 69.5 -> 316mm, bước tăng 14.5/29mm, khoảng cách lỗ 14.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 3.5mm, vít vò/vít cứng 3.5mm và/hoặc vít hủy/ vít xoắn 4.0mm. 	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
481.2	Vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 3.5mm tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 4.95\text{mm}$, trong $\Phi 2.9\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 - 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	80
481.3	Vít vò 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít vò đường kính 3.5mm tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2.4\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 - 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
481.4	Vít xóp 4.0mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít xóp đường kính 4.0mm tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có ren phủ bán phần và toàn phần. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2\text{mm}$, ngoài $\Phi 4.0\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.8mm và chiều dài đầu 1.8mm. - Chiều dài vít từ 10 - 60mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
482	Bộ Nẹp khoá xương chày đầu xa mặt trước ngoài bao gồm:		Cái	-
482.1	Nẹp khoá xương chày đầu xa mặt trước ngoài	<p>Nẹp khóa LCP đầu dưới chày, mặt trước ngoài, thuôn nhọn. Thân nẹp có lỗ định vị thuôn dài, và có rãnh ít tiếp xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing. - Đầu nẹp có 4 lỗ. - Thân nẹp dày 3.7mm, rộng 13.5mm, gồm 5-> 21 lỗ. - Chiều dài từ 80 -> 288mm, bước tăng 26mm, khoảng cách lỗ 13mm. Lỗ K-wire $\Phi 2.1$. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 3.5mm, với vít vò/vít cứng 3.5mm và/hoặc vít hũ/xóp 4.0mm. 	Cái	10
482.2	Vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít khóa đường kính 3.5mm tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing. - Đường kính: đầu $\Phi 4.95\text{mm}$, trong $\Phi 2.9\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. 	Cái	60
482.3	Vít vò 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Vít vò ($\Phi 3.5$) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2.4\text{mm}$, ngoài $\Phi 3.5\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
482.4	Vít xóp 4.0mm	<p>Vít xóp ($\Phi 4.0$) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có ren phủ bán phần và toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing. - Đường kính: đầu $\Phi 6\text{mm}$, trong $\Phi 2\text{mm}$, ngoài $\Phi 4.0\text{mm}$. - Chiều cao đầu 2.8mm và chiều dài đầu 1.8mm. - Chiều dài vít từ 10 - 60mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
483	Bộ Nẹp khoá xương chày đầu xa mặt trong bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
483.1	Nẹp khoá xương chày đầu xa mặt trong	Nẹp khoá LCP đầu dưới chày, mặt trong, cạnh thuận nhọn. Thân nẹp có lỗ định vị thuận dài, và có rãnh ít tiếp xúc <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 8 lỗ. - Thân nẹp dày 3.7mm, rộng 13.6mm, gồm 4 -> 14 lỗ. - Chiều dài từ 109 -> 239mm, bước tăng 26mm, khoảng cách lỗ 13mm. Lỗ K-wire Φ2.1. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khoá 3.5mm, vít vò/vít cứng 3.5mm hoặc vít hủy/xốp 4.0mm. 	Cái	10
483.2	Vít khoá 3.5mm	Vít khoá (Φ 3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ4.95mm, trong Φ2.9mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.66mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 95mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. 	Cái	60
483.3	Vít vò 3.5mm	Vít vò (Φ 3.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6mm, trong Φ2.4mm, ngoài Φ3.5mm. - Chiều cao đầu 2.7mm và chiều dài đầu 2.5mm. - Chiều dài vít từ 10 -> 150mm, bước tăng 1/2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. 	Cái	30
483.4	Vít xốp 4.0mm	Vít xốp (Φ 4.0) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có ren phủ bán phần và toàn phần. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6mm, trong Φ2mm, ngoài Φ4.0mm. - Chiều cao đầu 2.8mm và chiều dài đầu 1.8mm. - Chiều dài vít từ 10 - 60mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	20
484	Bộ Nẹp khoá xương đùi đầu xa mặt ngoài bao gồm:		Cái	-
484.1	Nẹp khoá xương đùi đầu xa	Nẹp khoá đầu dưới xương đùi. Thiết kế phù hợp chiều cong sinh lý của xương. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing. - Đầu nẹp có 7 lỗ. - Thân nẹp dày 5.8mm, rộng 16mm, gồm 5, 7, 9, 11, 13 lỗ. - Chiều dài từ 156 -> 316mm, bước tăng 40mm, khoảng cách lỗ 20mm. Lỗ K-wire Φ2.1. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. - Vít khoá 5.0mm, vít vò/vít cứng 4.5mm hoặc vít hủy/ vít xốp 6.5mm. 	Cái	10
484.2	Vít khoá 5.0mm	Vít khoá (Φ 5.0) tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6.8mm, trong Φ4.4mm, ngoài Φ5.0mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 -> 90mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	80
484.3	Vít vò 4.5mm	Vít vò (Φ 4.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.1mm, ngoài Φ4.5mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 - 90mm, bước tăng 2/4/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	30

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
484.4	Vít xóp 6.5mm	Vít xóp (Φ6.5) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có loại ren phủ bán phần (16) và loại ren phủ toàn phần <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.2mm, ngoài Φ6.5mm. - Chiều cao đầu 4.6mm và chiều dài đầu 3.5mm. - Chiều dài: 1/ Loại ren phủ bán phần (16) dài từ 30 -> 120mm, bước tăng 5mm. 2/ Loại ren phủ toàn phần dài từ 20->110mm, bước tăng 5mm. <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. Có bộ trợ cụ tương thích. 	Cái	30
485	Bộ Nẹp khoá xương chày đầu gần mặt ngoài bao gồm:		Cái	-
485.1	Nẹp khoá xương chày đầu gần mặt ngoài	Nẹp khóa, đầu thuôn nhọn. Thiết kế phù hợp chiều cong sinh lý của xương. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 5 lỗ. - Thân nẹp dày 4.8mm, rộng 16.5mm, gồm 5 ->13 lỗ. - Chiều dài từ 140 -> 300mm, bước tăng 40mm, khoảng cách lỗ 20mm - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. - Vít khóa 5.0mm, vít vỏ/vít cứng 4.5mm hoặc vít hủy/xóp 6.5mm. 	Cái	15
485.2	Vít khóa 5.0mm	Vít khóa (Φ5.0) tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6.8mm, trong Φ4.4mm, ngoài Φ5.0mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 -> 90mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	80
485.3	Vít vỏ 4.5mm	Vít vỏ (Φ4.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao. <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.1mm, ngoài Φ4.5mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 - 90mm, bước tăng 2/4/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	30
485.4	Vít xóp 6.5mm	Vít xóp (Φ6.5) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có loại ren phủ bán phần (16) và loại ren phủ toàn phần <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.2mm, ngoài Φ6.5mm. - Chiều cao đầu 4.6mm và chiều dài đầu 3.5mm. - Chiều dài: 1/ Loại ren phủ bán phần (16) dài từ 30 - 120mm, bước tăng 5mm. 2/ Loại ren phủ toàn phần dài từ 20-110mm, bước tăng 5mm. <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	30
486	Bộ Nẹp khoá xương chày đầu gần mặt trong bao gồm:		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
486.1	Nẹp khoá xương chày đầu gần mặt trong	<p>1. Nẹp khoá LCP đầu trên chày 5.0 chữ L, thuận nhọn. Thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 3 lỗ. - Thân nẹp dày 3.7mm, rộng 13.5mm, gồm 4 -> 14 lỗ. - Chiều dài từ 82 -> 262mm, bước tăng 36mm, khoảng cách lỗ 18mm. Lỗ K-wire Φ2.1. <p>2. Nẹp khoá LCP đầu trên chày 5.0 chữ T, cạnh thuận nhọn. Thân nẹp có rãnh ít tiếp xúc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium TA3G, sau xử lý bề mặt Colored anodizing - Đầu nẹp có 5 lỗ. - Thân nẹp dày 3.7mm, rộng 13.6mm, gồm 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16 lỗ. - Chiều dài từ 104 -> 321mm, bước tăng 36/72mm, khoảng cách lỗ 18mm. Lỗ K-wire Φ2.1. - Vít khoá 5.0mm, vít vò/vít cứng 4.5mm hoặc vít hùi/ vít xóp 6.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	15
486.2	Vít khoá 5.0mm	<p>Vít khoá (Φ5.0) tự taro, mũ vít lục giác, có hình bông sao, đầu có ren toàn bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ6.8mm, trong Φ4.4mm, ngoài Φ5.0mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 -> 90mm, bước tăng 2/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	80
486.3	Vít vò 4.5mm	<p>Vít vò (Φ4.5) tự taro, mũ vít lục giác hình bông sao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.1mm, ngoài Φ4.5mm. - Chiều cao đầu 4.8mm và chiều dài đầu 5.2mm. - Chiều dài vít từ 14 - 90mm, bước tăng 2/4/5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	30
486.4	Vít xóp 6.5mm	<p>Vít xóp (Φ6.5) tự taro, mũ vít lục giác. Thân vít có loại ren phủ bán phần (16) và loại ren phủ toàn phần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu titanium alloy TC4, bề mặt xử lý Colored anodizing - Đường kính: đầu Φ7.9mm, trong Φ3.2mm, ngoài Φ6.5mm. - Chiều cao đầu 4.6mm và chiều dài đầu 3.5mm. 1/ Loại ren phủ bán phần (16) dài từ 30 - 120mm, bước tăng 5mm. 2/ Loại ren phủ toàn phần dài từ 20-110mm, bước tăng 5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO. 	Cái	30
487	Bộ nẹp khoá xương đòn Titanium Ti6Al4V các cỡ		Cái	-
487.1	Nẹp khoá xương đòn chữ S	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp rộng 10.5mm; dày 3.2mm; chất liệu hợp kim Titan. Nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khoá và lỗ trơn vít vò nén ép, có từ 6-10 lỗ tương thích chiều dài từ 88.5mm -> 136.5mm. Loại trái/phải. - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khoá mũ vít hình sao Φ 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Φ 3.5mm; vít khoá xóp Φ 3.5mm và vít xóp Φ 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	20
487.2	Vít khoá đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	120

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
487.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm đến 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	30
488	Bộ nẹp khóa móc xương đòn Titanium Ti6Al4V các cỡ		Cái	-
488.1	Nẹp khóa móc xương đòn	- Nẹp rộng 11mm; dày 3.2mm; chất liệu hợp kim Titan. Nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vò nén ép, có từ 4 đến 7 lỗ trái, phải; dài từ 62mm-> 105mm. Loại trái/phải. - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xóp Ø 3.5mm và vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
488.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	60
488.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
489	Bộ nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương cánh tay Titanium Ti6Al4V		Cái	-
489.1	Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương cánh tay	- Nẹp rộng 10mm; dày 2.75mm; chất liệu hợp kim Titan. Đầu nẹp có 3 lỗ vít ren vít khóa tròn đa hướng; Thân nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vò nén ép, có 3 đến 8 lỗ trái, phải; dài từ 71mm đến 123mm - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 2.7mm, Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xóp Ø 3.5mm và vít xóp Ø 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
489.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	- Đường kính ren 2.7mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 10mm -> 40mm với bước tăng 2mm; từ 40mm -> 60mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	40
489.3	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	40
489.4	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm đến 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
490	Bộ nẹp khóa Titanium Ti6Al4V đầu dưới mặt ngoài xương cánh tay trái, phải các cỡ		Cái	-
490.1	Nẹp khóa đầu dưới mặt bên xương cánh tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp rộng 11mm; dày 2.9mm; chất liệu hợp kim Titan. Đầu nẹp có 4 lỗ ren vít khóa tròn đa hướng, có lỗ xuyên đỉnh Kirschner; Thân nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có 3 -> 13 lỗ trái, phải; dài từ 64mm -> 194mm - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 2.7mm, Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	10
490.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 2.7mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 10mm -> 40mm với bước tăng 2mm; từ 40mm -> 60mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	40
490.3	Vít khóa đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	40
490.4	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	20
491	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương quay Titanium, Trái/Phải các cỡ		Cái	-
491.1	Nẹp khóa đầu dưới xương quay	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp rộng 8mm; dày 2mm; chất liệu hợp kim Titan. Đầu nẹp có 8 lỗ ren vít khóa tròn đa hướng; Thân nẹp có từ 3 đến 10 lỗ trái, phải; dài từ 49mm -> 91mm; - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 2.7mm và vít cứng mũ vít hình sao Ø 2.4mm; - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	20
491.2	Vít khóa đường kính 2.7mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 2.7mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 10mm -> 40mm với bước tăng 2mm; từ 40mm -> 60mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	100
491.3	Vít xương cứng đường kính 2.4mm	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính ren 2.4mm; tự taro; mũ vít hình sao, chiều dài vít từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu 	Cái	20
492	Bộ nẹp khóa lòng máng Titanium Ti6Al4V các cỡ		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
492.1	Nẹp khóa lồng máng	- Nẹp rộng 9.4mm; dày 2.7mm; chất liệu hợp kim Titan. Nẹp từ 4 đến 14 lỗ; dài từ 52mm ->172mm; - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
492.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	100
492.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm ->50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
493	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày trái/phải Titanium Ti6Al4V các cỡ		Cái	-
493.1	Nẹp khóa đầu dưới mặt trong xương chày	- Nẹp rộng 11mm; dày 3.8mm; chất liệu hợp kim Titan. Đầu nẹp có 9 lỗ ren vít khóa tròn, Thân nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có từ 4 ->16 lỗ trái, phải; dài từ 117mm-> 273mm - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm; vít cứng mũ vít lục giác Ø 3.5mm; vít khóa xoắn Ø 3.5mm và vít xoắn Ø 4.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	20
493.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm ->70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	120
493.3	Vít xương cứng đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 10mm-> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm ->70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	30
493.4	Vít xương xoắn ren ngắn đường kính 4.0mm	- Đường kính ren 4.0mm; mũ vít hình lục giác, chiều dài vít từ 14mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; ren ngắn; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	30
494	Bộ nẹp khóa đầu trên mặt ngoài xương chày trái/phải Titanium Ti6Al4V các cỡ		Cái	-
494.1	Nẹp khóa đầu trên mặt bên xương chày vít 5.0	- Nẹp rộng 15mm; dày 5.15mm; chất liệu hợp kim Titan. Đầu nẹp có 5 lỗ vít hình tròn. Thân nẹp có lỗ bắt vít hình số tám, tích hợp chung lỗ ren vít khóa và lỗ trơn vít vỏ nén ép, có từ 4-> 13 lỗ trái, phải; dài từ 123mm -> 319mm. - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø5.0 mm; vít cứng mũ vít hình lục giác Ø4.5mm; và vít khóa xoắn Ø5.0 mm - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
494.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	- Đường kính ren 5.0mm; tự taro, mũ vít hình sao; dài từ 14mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 110mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	60
494.3	Vít xương cứng đường kính 4.5mm	- Đường kính ren 4.5mm; tự taro, mũ vít hình lục giác, dài từ 14mm -> 60mm với bước tăng 2mm; từ 60mm -> 110mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	40
495	Bộ nẹp khóa gót chân, chất liệu Titanium Ti6Al4V		Cái	-
495.1	Nẹp khóa gót chân	- Nẹp dày 2mm; dài từ 57mm; 67mm trái, phải; chất liệu hợp kim Titan. - Dùng kết hợp đồng bộ với: vít khóa mũ vít hình sao Ø 3.5mm và vít khóa xỏ Ø 3.5mm. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	10
495.2	Vít khóa đường kính 3.5mm	- Đường kính ren 3.5mm; tự taro, mũ vít hình sao, dài từ 10mm -> 50mm với bước tăng 2mm; từ 50mm -> 70mm với bước tăng 5mm; chất liệu hợp kim Titan. - Đạt chất lượng ISO 13485, EC. - Xuất xứ: Châu Âu	Cái	80
496	Bộ Nẹp khóa đa hướng cánh tay, bao gồm:		Bộ	-
496.1	Nẹp khóa đa hướng cánh tay	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: Có 4->12 lỗ. Chiều dài: từ 67->171mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
496.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80
496.3	Vít vò đường kính 4.0 mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12mm->60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
497	Bộ Nẹp khóa đa hướng cẳng tay, bao gồm:		Bộ	-
497.1	Nẹp khóa đa hướng cẳng tay	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: Có 4->10 lỗ. Chiều dài: từ 63->141mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
497.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12->60mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	100
497.3	Vít vò 4.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12-> 60mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
498	Bộ Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ, bao gồm:		Bộ	-
498.1	Nẹp khóa đa hướng L nâng đỡ	<p>Chất liệu: Pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: Có 4->8 lỗ. Chiều dài: từ 80->144mm.</p> <p>- Đặc tính: Nẹp hình chữ L, đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	10
498.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: Đường kính 5.0mm, chiều dài: 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	80
498.3	Vít vò 5.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
499	Bộ Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ, bao gồm:		Bộ	-
499.1	Nẹp khóa đa hướng T nâng đỡ	<p>Chất liệu: Pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: Có 3->8 lỗ. Chiều dài: Từ 65->145mm.</p> <p>- Đặc tính: Nẹp hình chữ T, đầu nẹp có 2 lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	10
499.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	80
499.3	Vít vò 5.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
500	Bộ Nẹp khóa DHS, bao gồm:		Bộ	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
500.1	Nẹp khóa DHS	<p>Chất liệu: Pure titanium.</p> <p>- Kích cỡ: Có 3->12 lỗ. Chiều dài: từ 91->235mm.</p> <p>- Đặc tính: nẹp đã bao gồm vít DHS, đầu nẹp có lỗ bắt vít DHS. Thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	10
500.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	30
500.3	Vít vò 5.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: Đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18->60mm và 65->90mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
501	Bộ Nẹp khóa đa hướng lõi cầu ngoài cánh tay, bao gồm:		Bộ	-
501.1	Nẹp khóa đa hướng lõi cầu ngoài cánh tay	<p>Chất liệu: Pure Titanium.</p> <p>- Kích cỡ: Có 5->11 lỗ. Chiều dài: 99->171mm.</p> <p>- Đặc tính: Đặc tính: đầu nẹp có 3 lỗ vít khoá đa hướng và 3 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 2.7 và 4.0mm; vít vò đường kính 4.0mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	10
501.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	60
501.3	Vít vò 4.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12->60mm.</p> <p>- Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	20
501.4	Vít khóa đường kính 2.7mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <p>- Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6->30mm và 35->60 mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dừng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread).</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	30
502	Bộ Nẹp khóa đa hướng lõi cầu trong cánh tay, bao gồm:		Bộ	-
502.1	Nẹp khóa đa hướng lõi cầu trong cánh tay	<p>- Chất liệu: Pure Titanium.</p> <p>- Kích cỡ: 4->10 lỗ. Chiều dài: từ 79->151mm.</p> <p>- Đặc tính: đầu nẹp có 3 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít khoá hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt.</p> <p>+ Sử dụng vít khoá đường kính 2.7 và 4.0mm; vít vò đường kính 2.7 và 4.0mm.</p> <p>- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.</p>	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
502.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: Đường kính 4.0mm, chiều dài: 12-> 60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80
502.3	Vít vò 4.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
502.4	Vít khóa đường kính 2.7mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 2.7mm, chiều dài: 6->30mm và 35->60 mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình ngôi sao. Dừng tuốc nơ vít hình ngôi sao. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	30
503	Bộ Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân II, bao gồm:		Bộ	-
503.1	Nẹp khóa đa hướng đầu dưới cẳng chân II	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: 5->13lỗ. Chiều dài: từ 124->228mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 6 lỗ vít khoá đa hướng, 2 lỗ vít khoá hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
503.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12->60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80
503.3	Vít vò 4.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: 12->60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
504	Bộ Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày, bao gồm:		Bộ	-
504.1	Nẹp khóa đa hướng đầu trên mâm chày	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: Có 3->13lỗ. Chiều dài: từ 99->299mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 5 lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò) và lỗ vít hình tròn, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
504.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18-> 60mm và từ 65->90mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
504.3	Vít vò 5.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18->60mm và 65->90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
505	Bộ Nẹp khóa đa hướng đầu rấn, bao gồm:		Bộ	-
505.1	Nẹp khóa đa hướng đầu rấn	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: Có 4->13 lỗ. Chiều dài: từ 120->282mm. - Đặc tính: đầu nẹp có 4 lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
505.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18->60mm và 65->90mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80
505.3	Vít vò 5.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18-> 60mm và 65->90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
506	Bộ Nẹp khóa đa hướng mắc xích, bao gồm:		Bộ	-
506.1	Nẹp khóa đa hướng mắc xích	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: Có 4->16 lỗ. Chiều dài: từ 70-> 205mm. - Đặc tính: nẹp thẳng hình răng cưa, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
506.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	120
506.3	Vít vò 4.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dừng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
507	Bộ Nẹp khóa đa hướng xương đòn S, bao gồm:		Bộ	-
507.1	Nẹp khóa đa hướng xương đòn S	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: có 6->10 lỗ. Chiều dài: từ 69->117mm. - Đặc tính: nẹp hình chữ S, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
507.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	60
507.3	Vít vò 4.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12->60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
508	Bộ Nẹp khóa đa hướng căng chân, bao gồm:		Bộ	-
508.1	Nẹp khóa đa hướng căng chân	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: có 4->16 lỗ. Chiều dài: từ 94->310mm. - Đặc tính: nẹp thẳng, lỗ vít ở 2 đầu nẹp là lỗ vít khoá đa hướng, thân nẹp lỗ vít hình số tám (lỗ vít kết hợp vít khóa hoặc vít vò), chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm và vít vò đường kính 5.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
508.2	Vít khóa đường kính 5.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18->60mm và 65->90mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	80
508.3	Vít vò 5.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 5.0mm, chiều dài: từ 18-> 60mm và 65-> 90mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
509	Bộ Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn, bao gồm:		Bộ	-
509.1	Nẹp khóa đa hướng khớp cùng đòn	Chất liệu: Pure titanium. - Kích cỡ: có 3->10 lỗ. Chiều dài: từ 61->131mm. - Đặc tính: Đầu nẹp có 2 lỗ vít khoá đa hướng và 1 lỗ vít hình tròn, thân nẹp lỗ vít hình tròn (có thể sử dụng vít khoá hoặc vít vò) và 1 lỗ vít dùng để sử dụng vít nén ép, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vò đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	10
509.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12-> 60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	40
509.3	Vít vò 4.0	Chất liệu: Titanium alloy. - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12-> 60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	Cái	20
510	Bộ Nẹp khóa đa hướng gót chân IV, bao gồm:		Bộ	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
510.1	Nẹp khóa đa hướng gót chân IV	<p>Chất liệu: Pure titanium.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: có size 12 lỗ, chiều dài 58mm và 67mm. - Đặc tính: thân nẹp lỗ vít khoá đa hướng, chất liệu Titanium có khả năng chống ăn mòn tốt. + Sử dụng vít khoá đường kính 4.0mm và vít vỏ đường kính 4.0mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. 	Cái	10
510.2	Vít khóa đường kính 4.0mm	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12-> 60mm. - Đặc tính: đầu vít có ren khóa, vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. 	Cái	60
510.3	Vít vỏ 4.0	<p>Chất liệu: Titanium alloy.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: đường kính 4.0mm, chiều dài: từ 12-> 60mm. - Đặc tính: vít tự taro, đầu vít hình lục giác. Dùng tuốc nơ vít hình lục giác. Thân toàn ren (full thread). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. 	Cái	20
511	Bộ nẹp khóa titanium bản hẹp vít khóa 3.5mm.		Cái	-
511.1	Nẹp khóa titanium bản hẹp vít khóa 3.5mm.	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ, - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Kích cỡ: có 4->12 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 59->163mm. Thân nẹp dày 3.2 mm, rộng: 11.5mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm titanium và vít xương cứng 3.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	10
511.2	Vít khóa 3.5mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 (Ti6Al4V) - Vít khóa 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu khóa vít Ø5.0 mm, đầu bắt vít Ø3.3 mm, dài từ 10->90mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 10->50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50->90mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	60
511.3	Vít xương cứng titanium 3.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 (Ti6Al4V) - Vít vỏ 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu vít Ø6.2 mm, đầu bắt vít Ø3.0 mm, dài từ 10-50 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	30
512	Bộ nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi trái/ phải.		Cái	-
512.1	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương đùi trái/ phải.	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Kích cỡ: có 5->13 lỗ, tương ứng với chiều dài 155->315mm. Thân nẹp dày 5.5mm, rộng 16mm, chiều rộng đầu nẹp 35mm. Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm titanium và vít xương cứng 4.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	10
512.2	Vít khóa 5.0mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 5.0 mm. - Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4 mm. - Chiều dài: từ 14->100mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 14->50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50-100mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	80

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
512.3	Vít xương cứng titanium 4.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vò 4.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø4.5 mm, đầu vít Ø8.0 mm, đầu bắt vít Ø4.5 mm, dài từ 16->60mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	30
513	Bộ nẹp khóa titanium đầu dưới xương mác trái/phải.		Cái	-
513.1	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương mác trái/phải.	- Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Kích cỡ: có 3->7 lỗ, tương ứng với chiều dài 73->125mm. Thân nẹp dày 3.5 mm, chiều rộng thân nẹp 9.5 mm, chiều rộng đầu nẹp 15mm. Nẹp sử dụng vít khóa 2.7mm titanium và 3.5mm titanium; vít xương cứng 3.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	10
513.2	Vít khóa 3.5mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5. - Vít khóa 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu khóa vít Ø5.0 mm, đầu bắt vít Ø3.3 mm, dài từ 10-90mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 10->50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50->90mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	60
513.3	Vít xương cứng titanium 3.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vò 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu vít Ø6.2 mm, đầu bắt vít Ø3.0 mm, dài từ 10-50 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	20
513.4	Vít khóa 2.7mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít khóa 2.7mm: tự tạo ren, thân vít Ø2.7 mm, đầu khóa vít Ø3.5 mm, đầu bắt vít Ø2.4 mm, dài từ 8->60mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 8->30mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 30->60mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	30
514	Bộ nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay đa hướng		Cái	-
514.1	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay đa hướng	- Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Dài 48mm và 80mm. Thiết kế lỗ khóa đa hướng cho phép bắt vít với góc 30 độ, Thân nẹp dày 2.2 mm, chiều rộng đầu nẹp 24 mm, góc cong giữa đầu và thân nẹp 18 độ. - Nẹp sử dụng vít khóa 2.5mm titanium và vít xương cứng 2.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	20
514.2	Vít khóa 2.5mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít khóa 2.5mm: thân vít Ø2.4 mm, đầu khóa vít Ø3.6 mm, đầu khóa vít dài 2.4 mm, dài từ 8-34 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	100
514.3	Vít xương cứng titanium 2.5mm Alloy Grade 5, các cỡ.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vò 2.5mm: thân vít Ø2.5mm, đầu bắt vít Ø2.3mm, đầu vít dài 2.4 mm, dài từ 10-34 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc	Cái	30
515	Bộ nẹp khóa titanium đầu trên xương chày mặt ngoài trái/phải.		Cái	-

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
515.1	Nẹp khóa titanium đầu trên xương chày mặt ngoài trái/ phải.	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 * Kích cỡ: có 3->13 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 105->305mm. Thân nẹp dày 4.8mm, rộng 15.5mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 5.0mm titanium và vít xương cứng 4.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	10
515.2	Vít khóa 5.0mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Đường kính thân vít 5.0 mm. - Đường kính đầu khóa vít 6.6mm, đường kính đầu bắt vít 4.4 mm. - Chiều dài: từ 14->100mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 14->50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50->100mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	60
515.3	Vít xương cứng titanium 4.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vỏ 4.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø4.5 mm, đầu vít Ø8.0 mm, đầu bắt vít Ø4.5 mm, dài từ 16->60mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	30
516	Bộ nẹp khóa titanium xương đòn chữ S trái/ phải.		Cái	-
516.1	Nẹp khóa titanium xương đòn chữ S trái/ phải.	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Kích cỡ: có 6->8 lỗ, tương ứng với chiều dài 94->120mm. Thân nẹp dày 3.2 mm, rộng 10mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm titanium và vít xương cứng 3.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	20
516.2	Vít khóa 3.5mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít khóa 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu khóa vít Ø5.0 mm, đầu bắt vít Ø3.3 mm, dài từ 10-90mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 10-50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50-90mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	120
516.3	Vít xương cứng titanium 3.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vỏ 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu vít Ø6.2 mm, đầu bắt vít Ø3.0 mm, dài từ 10->50 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	30
517	Bộ nẹp khóa titanium xương đòn có móc trái/ phải.		Cái	-
517.1	Nẹp khóa titanium xương đòn có móc trái/ phải.	<ul style="list-style-type: none"> - Nẹp được tiệt trùng, đóng gói, tem nhãn riêng lẻ 1 size - Chất liệu: Pure Titanium Grade 2 - Kích cỡ: có 4->7 lỗ, tương ứng với chiều dài từ 41->74mm. Thân nẹp dày 3.6 mm, rộng 11mm, chiều rộng đầu nẹp 24mm, chiều dài móc 30mm. - Nẹp sử dụng vít khóa 3.5mm titanium và vít xương cứng 3.5mm titanium. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	10
517.2	Vít khóa 3.5mm titanium Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít khóa 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu khóa vít Ø5.0 mm, đầu bắt vít Ø3.3 mm, dài từ 10-90mm, bước tăng 2mm với kích cỡ từ 10-50mm, bước tăng 5mm với kích cỡ từ 50-90mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. - Xuất xứ: Châu Úc 	Cái	30

STT	Tên vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Đvt	Số lượng
517.3	Vít xương cứng titanium 3.5mm Alloy Grade 5, các cỡ, tự taro.	- Chất liệu: Titanium Alloy Grade 5 - Vít vỏ 3.5mm: tự tạo ren, thân vít Ø3.5 mm, đầu vít Ø6.2 mm, đầu bắt vít Ø3.0 mm, dài từ 10->50 mm với bước tăng 2mm. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE. -Xuất xứ: Châu Úc	Cái	20
518	Bộ vít cột sống lưng ngực đa trục		Cái	-
518.1	Vít cột sống lưng ngực đa trục kèm ốc khóa trong	- Chất liệu hợp kim Titanium/ Ti-6Al-4V ELI - Vít cột sống đa trục, tự taro - Có 2/3 ren trước là ren bện để bắt vào xương xốp, 1/3 ren sau là ren tù để bắt vào vỏ xương - Đường kính: từ 4.5mm đến 8mm. Chiều dài các cỡ - Đi kèm ốc khóa trong cùng loại - Tương thích với thanh nẹp dọc cùng loại - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Cái	50
518.2	Nẹp dọc cột sống lưng thẳng tương thích với vít cột sống	- Vật liệu: hợp kim titanium - Đồng bộ với "Vít cột sống lưng ngực đa trục kèm ốc khóa trong" - Đường kính 5.5mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc FDA	Cái	16

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS. CKII. Hoàng Văn Dũng

